# BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

*(Công văn số 9337/UBCK-GSĐC ngày 26/12/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)*

CNCTECH
Integrity | Quality | Delivery

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106839469 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06 tháng 05 năm 2015, Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 22 ngày 13 tháng 08 năm 2025)

| | | |
|---|---|---|
| Địa chỉ trụ sở chính | : | Tầng 1, Tòa nhà Vista, Số 4/15 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| Điện thoại | : | (+84) 86 820 8111 |
| Email | : | hello@cnctech.vn |
| Website | : | www.cnctech.vn |

**Phụ trách công bố thông tin**

| | | |
|---|---|---|
| Họ tên | : | Vũ Anh Tuấn |
| Chức vụ | : | Phó Tổng Giám đốc |
| Điện thoại | : | (+84) 86 820 8111 |

**Năm 2026**

# MỤC LỤC

DANH MỤC HÌNH ẢNH ..... 5
DANH MỤC BẢNG BIỂU ..... 6
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT ..... 8
I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG ..... 9
1. Thông tin chung về Công ty ..... 9
1.1. Thông tin chung về Công ty ..... 9
1.2. Thông tin về chứng khoán đăng ký giao dịch ..... 10
2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty ..... 10
2.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty ..... 10
2.2. Các giấy chứng nhận, danh hiệu và giải thưởng của Công ty ..... 15
2.3. Ngày Công ty đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 ..... 16
2.4. Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 ..... 16
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty ..... 17
3.1. Cơ cấu tổ chức của Công ty ..... 17
3.2. Các Công ty mẹ, Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng ..... 19
3.3. Các Công ty con, Công ty mà Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối ..... 19
4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty ..... 26
4.1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) ..... 26
4.2. Hội đồng quản trị (HĐQT) ..... 27
4.3. Ban Kiểm soát (BKS) ..... 27
4.4. Ban Điều hành ..... 28
4.5. Các phòng, ban chức năng ..... 28
5. Giới thiệu về quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ của Công ty ..... 32
6. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm gần nhất ..... 38
6.1. Cơ cấu cổ đông tại ngày 05/03/2026 ..... 38
6.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty ..... 38

6.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ (trường hợp Công ty có cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng) ..... 39
7. Hoạt động kinh doanh ..... 39
7.1. Các sản phẩm, dịch vụ chính ..... 39
7.2. Công nghệ áp dụng ..... 50
7.3. Cơ cấu doanh thu thuần, lợi nhuận gộp ..... 52
7.4. Cơ cấu chi phí ..... 56
7.5. Hoạt động marketing ..... 58
7.6. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế ..... 59
7.7. Chính sách nghiên cứu và phát triển ..... 59
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm gần nhất và trong kỳ gần nhất (nếu có) 60
8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh ..... 60
8.2. Thuận lợi và khó khăn ..... 63
9. Vị thế của Công ty trong ngành ..... 65
9.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành ..... 65
9.2. Triển vọng phát triển của ngành ..... 66
10. Chính sách đối với người lao động ..... 68
10.1. Số lượng người lao động trong Công ty ..... 68
10.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp ..... 69
11. Chính sách cổ tức ..... 72
12. Tình hình tài chính trong năm gần nhất và đến quý gần nhất ..... 73
12.1. Các chỉ tiêu cơ bản ..... 73
12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu ..... 81
13. Tài sản cố định ..... 83
14. Các dự án của Công ty ..... 84
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức ..... 85
i. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức ..... 85
15.2. Căn cứ để đặt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên ..... 85
16. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Công ty ..... 86
17. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh ..... 87

17.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi ..... 87
17.2. Phân tích môi trường ..... 87
17.3. Xác định mục tiêu chiến lược & lựa chọn chiến lược phát triển ..... 96
17.4. Kế hoạch hành động ..... 101
17.5. Đánh giá và điều chỉnh ..... 105
18. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty ..... 105
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY ..... 105
1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị ..... 105
1.1. Thành viên Hội đồng quản trị ..... 105
1.2. Sơ yếu lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị ..... 105
2. Ban Kiểm soát ..... 114
2.1. Thành viên Ban Kiểm soát ..... 114
2.2. Sơ yếu lý lịch Thành viên Ban Kiểm soát ..... 114
3. Ban Điều hành và người quản lý khác ..... 118
3.1. Thành viên Ban Điều hành và người quản lý khác ..... 118
3.2. Sơ yếu lý lịch Thành viên Ban Điều hành và người quản lý khác ..... 119
4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty ..... 128
5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ ..... 128
6. Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định ..... 129
III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CAM KẾT CỦA CÔNG TY ..... 133
1. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin Công ty đại chúng ..... 133
2. Cam kết của Công ty ..... 133
IV. NGÀY THÁNG NĂM, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ ĐẠI CHÚNG VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN ..... 134
**PHỤ LỤC I: DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ** ..... 135

# DANH MỤC HÌNH ẢNH

Ảnh 1. Các giải thưởng Kinh doanh và quản trị và khen thưởng của Trung ương ..... 15
Ảnh 2. Khen thưởng của các tỉnh, thành và Giải thưởng từ các hiệp hội ..... 15
Ảnh 3. Các chứng nhận liên quan đến hệ thống quản lý ..... 16
Ảnh 4. Hình ảnh nhà máy CNCTech Thăng Long tại Phú Thọ ..... 18
Ảnh 5. Hình ảnh chuỗi dịch vụ sản xuất tích hợp ..... 40
Ảnh 6. Phát triển các giải pháp công nghệ nhằm tối ưu hóa sản xuất ..... 41
Ảnh 7. Hình ảnh các nhà máy trong khối Công nghệ Sản xuất ..... 41
Ảnh 8. Hình ảnh các sản phẩm điển hình trong khối Công nghệ Sản xuất ..... 43
Ảnh 9. Mạng lưới khách hàng ..... 44
Ảnh 10. CNCTech ký thỏa thuận hợp tác chiến lược với Tập đoàn Sumitomo ..... 50
Ảnh 11. Một số hình ảnh ký kết cùng đối tác ..... 50
Ảnh 12. CNCTech Group đạt Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR500 và Top 10 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam FAST500 ..... 62
Ảnh 13. Hình ảnh một số chính sách, hoạt động nổi bật cho cán bộ nhân viên ..... 71

# DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/07/2025 ..... 17
Bảng 2. Sơ đồ tổ chức Công ty ..... 18
Bảng 3. Danh sách Công ty con của Công ty đại chúng ..... 19
Bảng 4. Danh sách Công ty liên kết của Công ty đại chúng ..... 24
Bảng 5. Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty ..... 26
Bảng 6. Danh sách thành viên HĐQT của Công ty ..... 27
Bảng 7. Danh sách thành viên BKS của Công ty ..... 27
Bảng 8. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty ..... 28
Bảng 9. Quá trình tăng vốn điều lệ ..... 32
Bảng 10. Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/07/2025 ..... 38
Bảng 11. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/07/2025 ..... 38
Bảng 12. Một số dự án tiêu biểu CNCTech Group đầu tư hoặc cung cấp dịch vụ ..... 44
Bảng 13. Một số dự án dịch vụ công nghiệp tiêu biểu Công ty đã hoàn thiện: ..... 47
Bảng 14. Một số dự án logistics tiêu biểu của Công ty: ..... 49
Bảng 15. Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty mẹ qua các năm ..... 53
Bảng 16. Cơ cấu doanh thu thuần Hợp nhất qua các năm ..... 53
Bảng 17. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ qua các năm ..... 54
Bảng 18. Cơ cấu lợi nhuận gộp Hợp nhất qua các năm ..... 55
Bảng 19. Cơ cấu chi phí của Công ty mẹ qua các năm ..... 56
Bảng 20. Cơ cấu chi phí Hợp nhất qua các năm ..... 57
Bảng 21. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế ..... 59
Bảng 22. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ ..... 60
Bảng 23. Kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất ..... 61
Bảng 24. Tình hình lao động của Công ty ..... 69
Bảng 25. Tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty trong vòng 03 năm gần nhất ..... 73
Bảng 26. Báo cáo về vốn điều lệ của Công ty mẹ ..... 73
Bảng 27. Báo cáo về vốn điều lệ Hợp nhất ..... 73
Bảng 28. Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Công ty mẹ ..... 74
Bảng 29. Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh Hợp nhất ..... 74
Bảng 30. Tình hình sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty mẹ ..... 74
Bảng 31. Tình hình sử dụng nguồn vốn kinh doanh Hợp nhất ..... 75
Bảng 32. Số năm khấu hao tài sản cố định hữu hình Công ty mẹ ..... 76
Bảng 33. Số năm khấu hao tài sản cố định hữu hình Hợp nhất ..... 76
Bảng 34. Số năm khấu hao tài sản cố định vô hình Công ty mẹ ..... 76

Bảng 35. Số năm khấu hao tài sản cố định vô hình Hợp nhất ..... 76
Bảng 36. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty mẹ ..... 77
Bảng 37. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Hợp nhất ..... 77
Bảng 38. Tổng số nợ phải thu, phải trả của Công ty mẹ ..... 77
Bảng 39. Tổng số nợ phải thu, phải trả Hợp nhất ..... 78
Bảng 40. Chi tiết các khoản phải thu của Công ty mẹ ..... 78
Bảng 41. Chi tiết các khoản phải thu Hợp nhất ..... 78
Bảng 42. Tình hình các khoản phải thu quá hạn Hợp nhất ..... 79
Bảng 43. Các khoản phải trả của Công ty mẹ ..... 80
Bảng 44. Các khoản phải trả Hợp nhất ..... 80
Bảng 45. Số dư hàng tồn kho Hợp nhất ..... 81
Bảng 46. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ ..... 81
Bảng 47. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu Hợp nhất ..... 82
Bảng 48. Tài sản cố định của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2024 ..... 83
Bảng 49. Tài sản cố định Hợp nhất tại ngày 31/12/2024 ..... 84
Bảng 50. Các dự án của Công ty ..... 84
Bảng 51. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức ..... 85
Bảng 52. Thành viên Hội đồng quản trị ..... 105
Bảng 53. Thành viên Ban Kiểm soát ..... 114
Bảng 54. Thành viên Ban Tổng Giám Đốc ..... 118
Bảng 55. Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan ..... 129

# DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

**Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản công bố thông tin này có nội dung như sau:**

| | | |
|---|---|---|
| CNCTech Group/Công ty | : | Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech |
| CTCP | : | Công ty Cổ phần |
| BCTC | : | Báo cáo tài chính |
| BKS | : | Ban Kiểm soát |
| ĐHĐCĐ | : | Đại hội đồng cổ đông |
| ĐKDN | : | Đăng ký doanh nghiệp |
| HĐQT | : | Hội đồng quản trị |
| TNCN | : | Thu nhập cá nhân |
| TNDN | : | Thu nhập Doanh nghiệp |
| TNHH | : | Trách nhiệm hữu hạn |
| VĐL | : | Vốn điều lệ |
| VND | : | Đồng Việt Nam |
| CBCNV | : | Cán bộ công nhân viên |

# I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

## 1. Thông tin chung về Công ty

### *1.1. Thông tin chung về Công ty*

| | | |
|---|---|---|
| Tên Công ty viết bằng tiếng Việt | : | **CÔNG TY PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH** |
| Tên Công ty viết bằng tiếng Anh | : | CNCTECH GROUP JOINT STOCK COMPANY |
| Tên Công ty viết tắt | : | CNCTech Group |
| Trụ sở chính | : | Tầng 1, Tòa nhà Vista, Số 4/15 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| Số điện thoại | : | 0868208111 |
| Website | : | www.cnctech.vn |
| Logo Công ty | : | CNCTECH Integrity \| Quality \| Delivery |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | : | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106839469 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/05/2015, Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 22 ngày 13/08/2025 |
| Người đại diện theo pháp luật | : | Ông Nguyễn Văn Hùng - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị<br>Ông Nguyễn Trung Kiên - Chức vụ: Tổng Giám đốc<br>Ông Vũ Anh Tuấn - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc |
| Vốn điều lệ đăng ký | : | 916.000.000.000 đồng |
| Vốn điều lệ thực góp | : | 916.000.000.000 đồng |
| Ngành nghề kinh doanh chính | : | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại - mã ngành: 2592; |

*1.2. Thông tin về chứng khoán đăng ký giao dịch*

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn CNCTech.
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Mã chứng khoán: CLI.
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 91.600.000 cổ phiếu: Trong đó:
  + 91.600.000 cổ phiếu đang lưu hành.
  + 0 cổ phiếu quỹ.
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch: 0 cổ phiếu.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty:
  + Ngày 15/01/2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có công văn số 413/UBCK-PTTT về việc bổ sung thông báo tỷ lệ SHNN tối đa của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech, theo đó tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0%.
  + Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty hiện tại (theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 05/03/2026 – ngày chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026) là 12,02%.

## 2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

*2.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty*

| Năm | Cột mốc quan trọng |
|---|---|
| **2008** | ◆ Ngày 29/10/2008 Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC - Tiền thân của CNCTech Group được thành lập tại Lô C, đường số 2, Khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. |
| **2015** | ◆ Ngày 06/05/2015, thành lập Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ CNC Hà Nội (CNCTech Group ngày nay), đầu tư nhà máy sản xuất công nghiệp hỗ trợ tại Lô A1, Cụm CN thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội. |
| **2017** | ◆ Ngày 14/08/2017, đầu tư dự án nhà máy công nghiệp hỗ trợ và nhà xưởng cho thuê CNC Vĩnh Phúc thực hiện trên diện tích đất 11.852 m2 tại Khu công nghiệp Bá Thiện Vĩnh Phúc. |
| **2018** | ◆ Năm 2018, CNCTech Group đưa vào hoạt động khu văn phòng cho thuê tại tòa nhà The Sun, đường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. |

| Năm | Cột mốc quan trọng |
|---|---|
| | ◆ Ngày 6/12/2018 Dự án đầu tư nhà máy sản xuất công nghiệp hỗ trợ và cho thuê nhà xưởng Vinastartup Vĩnh Phúc trên diện tích đất 37.050 m2 tại Khu công nghiệp Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc được cấp chứng nhận đầu tư.<br>◆ Nhận chuyển giao vốn từ LG (Hàn Quốc), trở thành cổ đông của VKX, 01 liên doanh của VNPT và LG, ngành điện tử viễn thông.<br>◆ Đầu tư thành lập VINAM Oil Tools, nhà sản xuất thiết bị khai thác dầu khí số 01 Việt Nam.<br>◆ Đầu tư thành lập SMCTech, nhà sản xuất lĩnh vực trấn dập, laser kim loại tấm. |
| **2019** | ◆ Ngày 28/01/2019, liên kết với tập đoàn SkyLight - Hongkong mở nhà máy SkyLight tại Khu công nghiệp Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, sản xuất camera xuất khẩu thị trường Mỹ, Anh. Tháng 10/2019, lô hàng đầu tiên của dự án này được xuất khẩu sang Mỹ.<br>◆ Ngày 9/9/2019, khai trương nhà máy sản xuất công nghiệp hỗ trợ CNCTech Sài Gòn tại Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh.<br>◆ Ngày 20/12/2019, liên kết với tập đoàn Mentech đầu tư nhà máy tại Khu công nghiệp Bình Xuyên Vĩnh Phúc, sản xuất adapter, module quang, linh kiện quang, điện tử.<br>◆ Ngày 20/12/2019, CNCTech Group là doanh nghiệp trong nước (DDI) đầu tiên được chấp thuận đầu tư vào Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc của Tập đoàn Sumitomo Nhật Bản. Thành lập dự án CNCTech Thăng Long. |
| **2020** | ◆ Ngày 17/01/2020, CNCTech Group đầu tư vào CNC Vina - hoạt động trong lĩnh vực tự động hóa, sở hữu 35,1% vốn.<br>◆ Ngày 03/03/2020, Dự án Arts Group được cấp chứng nhận đầu tư, điều chỉnh lần đầu ngày 30/06/2020 sản xuất gia công gọng kính mắt và cho thuê nhà xưởng, CNCTech Group góp 35,24% vốn.<br>◆ Ngày 06/8/2020, CNCTech Group đã nhận chuyển giao vốn từ NEC, trở thành cổ đông giữ 49% vốn của Công ty Cổ phần Các hệ thống viễn thông VINECO (liên doanh giữa tập đoàn VNPT và NEC Nhật Bản) trong lĩnh vực điện tử viễn thông.<br>◆ Tháng 10/2019, mua lại nhà máy của Framas (Đức), tái cơ cấu thành Dự án CNCTech Bắc Ninh. Năm 2020 được cấp chứng nhận đầu tư nhà máy sản xuất công nghiệp hỗ trợ trên diện tích đất 18.344 m2 tại Khu công nghiệp Đại Đồng, Hoàn Sơn, Bắc Ninh.<br>◆ Ngày 26/11/2020, ký hợp tác phát triển logistic, kho ngoại quan, VMI với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam theo công nghệ và chuẩn của DB Schenker.<br>◆ Ngày 22/12/2020, CNCTech Thăng Long đã nâng tổng đầu tư lên 466 tỷ đồng, diện tích đất 5,8 ha. |

| Năm | Cột mốc quan trọng |
|---|---|
| **2021** | ◆ Ngày 01/3/2021, dự án CNCTech Hà Nam được cấp chứng nhận đầu tư trên diện tích 45.899 m2 tại Khu công nghiệp Hỗ trợ Đồng Văn III, tỉnh Hà Nam với mục tiêu sản xuất công nghiệp hỗ trợ và kinh doanh dịch vụ kho bãi.<br>◆ Tháng 5/2021, nhà máy sản xuất công nghiệp hỗ trợ CNCTech Thăng Long tại Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc đi vào hoạt động sản xuất.<br>◆ Tháng 6/2021, Dự án Kho ngoại quan hợp tác cùng VNPost tại Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc đi vào hoạt động.<br>◆ Ngày 18/08/2021, dự án CNCTech Lotus 2 được cấp chứng nhận đầu tư trên diện tích đất 24.561 m2 tại Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, nâng tổng diện tích sử dụng của CNCTech Group tại Khu công nghiệp này lên 8,28 ha.<br>◆ Tháng12/2021, Dự án Kho ngoại quan hợp tác cùng VNPost tại Khu công nghiệp Hỗ trợ Đồng Văn III, Hà Nam đi vào hoạt động.<br>◆ Thành lập Công ty Pavana, doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực OEM/ODM tại Việt Nam. |
| **2022** | ◆ Ngày 14/2/2022, CNCTech Group thành lập CNCTech Hà Nội, góp vốn thực hiện dự án kho vật tư hàng hóa Lotus 5 tại Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội trên diện tích đất 35.080 m2.<br>◆ Đầu tư dự án, hợp tác khai thác phát triển Trung tâm công nghiệp CNCTech Bá Thiện 1 với quỹ đất 128 ha tại Khu công nghiệp Bá Thiện 1, Vĩnh Phúc. Khởi công giai đoạn 01 của dự án (tổ hợp CNCTech Global) với diện tích 16 ha.<br>◆ Kí kết hợp tác phát triển với Fuchuan (Foxconn) và tập đoàn công nghệ Accton.<br>◆ Kí kết hợp tác phát triển với MK Hi-tek hợp tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm công nghệ.<br>◆ Ngày 29/10/2022, CNCNTech Group chính thức thành lập bộ phận Kinh doanh - Marketing khối sản xuất mở rộng thị trường quốc tế và tạo cầu nối giới thiệu công nghiệp hỗ trợ Việt Nam ra toàn cầu.<br>◆ Trong năm 2022, CNCTech Group chính thức thành lập Ban An sinh của tập đoàn bước đầu nâng cao trách nhiệm xã hội trong quá trình xây dựng và phát triển bền vững. |
| **2023** | ◆ Tham gia đầu tư, phát triển và cung cấp dịch vụ cho các dự án hạ tầng công nghiệp lớn như:<br>- Khu công nghiệp Nam Bình Xuyên (Green Park) diện tích 297.5 ha<br>- Trung tâm Logistics Quốc tế Bắc Giang diện tích 66.69 ha<br>- Khai thác các dự án và quỹ đất của Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương lên tới trên 35 ha, Cụm công nghiệp Hợp Thịnh 47 ha |

| Năm | Cột mốc quan trọng |
|---|---|
| | - Dự án tại Khu công nghiệp Thăng Long 02 Hưng Yên diện tích 10 ha<br>◆ Ngày 26/03/2023 chính thức thành lập đơn vị dịch vụ hạ tầng công nghiệp (CNCTech Industrial) nhằm mang tới giải pháp toàn diện cho các nhà đầu tư tại Việt Nam. Cuối năm 2023, CNCTech Industrial đã khẳng định rõ nét hiệu quả của đơn vị với khả năng khai thác và lấp đầy 100% giai đoạn I dự án CNCTech Bá Thiện I sau 01 năm.<br>◆ Cuối năm 2023, CNCTech Group chính thức trở thành nhà đầu tư phát triển khu công nghiệp cấp I, trực tiếp đầu tư phát triển vào các khu, cụm công nghiệp hoàn thiện.<br>◆ Giới thiệu sản phẩm camera tích hợp công nghệ xác thực mạnh không cần mật khẩu Fido của Pavana hợp tác với VinCSS tại Hội nghị Fido châu Á - Thái Bình Dương (Fido Apac Summit 2023) lần đầu tiên tổ chức tại Việt Nam.<br>◆ Ngày 29/10/2023, CNCTech Group đón nhận Cờ thi đua của Chính phủ, lãnh đạo Tập đoàn đón nhận Huân chương Lao động Hạng Ba nhân kỷ niệm 15 năm thành lập.<br>◆ Xếp hạng Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500), Top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT500), Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500) theo đánh giá của Vietnam Report. |
| **2024** | ◆ 26/03/2024 Chính thức hình thành 02 khối hoạt động độc lập tương hỗ: Công nghệ Sản xuất và Công Nghiệp & Logistics phát triển song song và chuyên môn hóa đội ngũ. Xác định rõ tầm nhìn, chiến lược của CNCTech.<br>◆ Khởi công xây dựng trung tâm logistic quốc tế Bắc Giang.<br>◆ 9/9/2024 Ra mắt thương hiệu CNCTech Industrial.<br>◆ 29/10/2024 Khai trương nhà máy SMCTech tăng 5 lần quy mô.<br>◆ 29/10/2025 Ra mắt bộ giá trị văn hóa CNCers hướng đến phát triển bền vững.<br>◆ 13/10/2024 Thành lập CNCTech Japan<br>◆ Tháng 11 /2024 ký thỏa thuận hợp tác chiến lược với Tập đoàn Sumitomo<br>◆ 15/12/2024 Thành lập trung tâm đổi mới sáng tạo: CIC - CNCTech Inovation Center.<br>◆ Đặc biệt trong năm 2024 khối Công nghệ Sản xuất đặt dấu ấn việc phát triển thị trường toàn cầu hóa khẳng định thương hiệu, mở gian hàng tại 02 hội trợ lớn tại M-Tech Nagoya Nhật Bản và IMTS – Hoa Kỳ.<br>◆ Tháng 12 năm 2024 chính thức ký hợp đồng với các đại diện kinh doanh là người bản địa tại Mỹ và Châu Âu đặt nền móng để mở rộng địa bàn hoạt động.<br>◆ Trong năm 2024 CNCTech Group nhận được các danh hiệu, giải thưởng cao quý như: |

| Năm | Cột mốc quan trọng |
|---|---|
| | - Xếp hạng Top 10 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500) theo đánh giá của Vietnam Report.<br>- Top 5 nhà cung cấp chiến lược hàng đầu của VNPT.<br>- Cờ thi đua của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.<br>- Dịch vụ chất lượng vàng vì quyền lợi người tiêu dùng.<br>- Doanh nghiệp gia đình văn hoá tiêu biểu cả nước. |
| **2025** | ◆ Ngày 26/12/2025, CNCTech Group được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận về việc hoàn tất đăng ký công ty đại chúng. |
| **2026** | ◆ Ngày 06/02/2026, CNCTech Group hoàn tất đăng ký 91.600.000 cổ phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. |

*(Nguồn: CNCTech Group)*

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

*2.2. Các giấy chứng nhận, danh hiệu và giải thưởng của Công ty*




**Ảnh 1. Các giải thưởng Kinh doanh và quản trị và khen thưởng của Trung ương**




**Ảnh 2. Khen thưởng của các tỉnh, thành và Giải thưởng từ các hiệp hội**




**Ảnh 3. Các chứng nhận liên quan đến hệ thống quản lý**

**(Nguồn: CNCTech Group)**

*2.3. Ngày Công ty đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15*

- Ngày 31/07/2025, Công ty đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.
- Ngày 26/12/2025, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng theo Văn bản số 9337/UBCK-GSĐC.

*2.4. Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15*

- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2024 (căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty): 916.000.000.000 đồng.
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2024 (căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty): 2.055.995.834.662 đồng.
- Số lượng cổ đông tại ngày 31/07/2025: 205 cổ đông.
- Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/07/2025: 200 cổ đông không phải là cổ đông lớn, sở hữu 20.166.086 cổ phiếu có quyền biểu quyết, tỷ lệ sở hữu 22,02% trên vốn điều lệ.

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

**Bảng 1. Thông tin về cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/07/2025**

| STT | Cổ đông | Số lượng cổ đông (người) | Số cổ phần sở hữu (cổ phần) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Cổ đông trong nước** | | | |
| 1 | Trong nước | 203 | 80.586.687 | 87,98 |
| - | Nhà nước | - | - | - |
| - | Tổ chức | 3 | 16.793.333 | 18,33 |
| - | Cá nhân | 200 | 63.793.354 | 69,64 |
| 2 | Nước ngoài | 2 | 11.013.313 | 12,02 |
| - | Tổ chức nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ | - | - | - |
| - | Cá nhân | 2 | 11.013.313 | 12,02 |
| | **Tổng cộng** | **205** | **91.600.000** | **100%** |
| **II** | **Cổ đông lớn, cổ đông khác** | | | |
| 1 | Cổ đông lớn | 5 | 71.433.914 | 77,98 |
| 2 | Cổ đông khác | 200 | 20.166.086 | 22,02 |
| | **Tổng cộng** | **205** | **91.600.000** | **100%** |

*(Nguồn: Sổ đăng ký cổ đông của CNCTech Group tại ngày 31/07/2025)*

## 3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

### *3.1. Cơ cấu tổ chức của Công ty*

Với hệ thống gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech, 11 Công ty con và 05 Công ty liên kết (bao gồm cả sở hữu trực tiếp và sở hữu gián tiếp), cơ cấu CNCTech Group được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

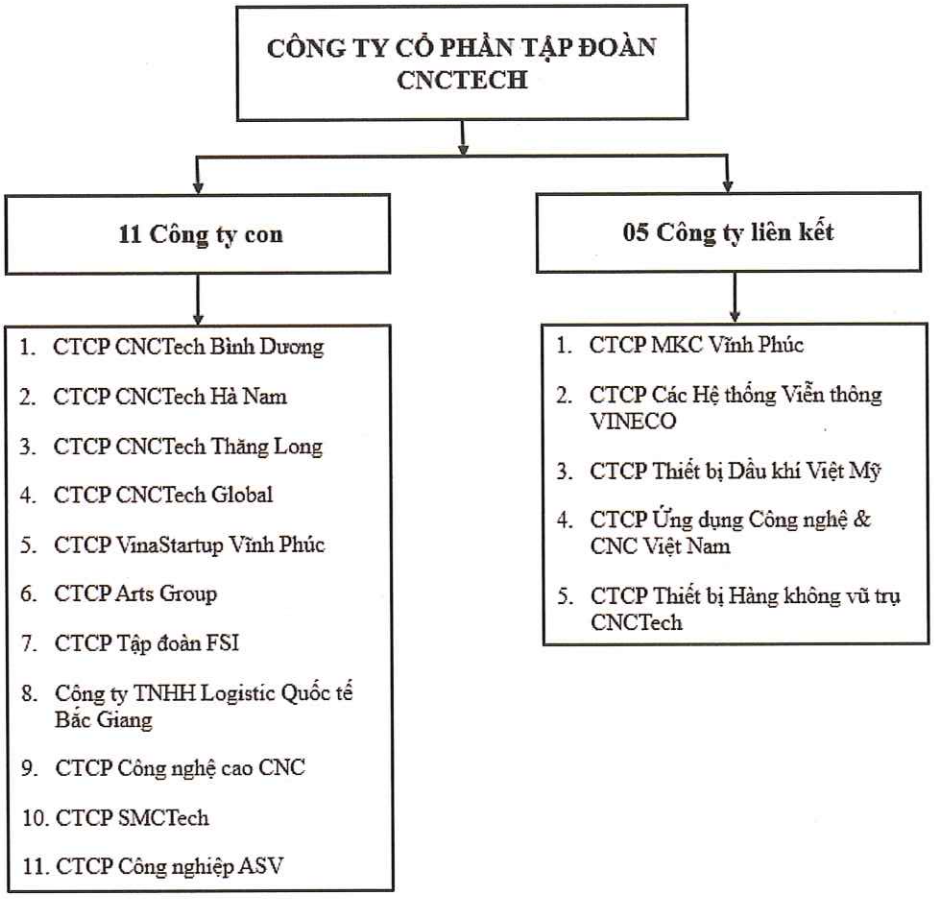


**Bảng 2. Sơ đồ tổ chức Công ty**



**Ảnh 4. Hình ảnh nhà máy CNCTech Thăng Long tại Phú Thọ**

*(Nguồn: CNCTech Group)*

- Trụ sở chính Công ty: Tầng 1, Tòa nhà Vista, Số 4/15 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Địa điểm kinh doanh: Lô F1-2-3 Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, Xã Bình Nguyên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
- Thông tin về các Công ty con và Công ty liên kết được trình bày chi tiết tại mục 3.3 dưới đây.

*3.2. Các Công ty mẹ, Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng*

Không có.

*3.3. Các Công ty con, Công ty mà Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối*

**Bảng 3. Danh sách Công ty con của Công ty đại chúng**

| STT | Công ty con |
|---|---|
| | **Công ty con sở hữu trực tiếp** |
| 1. | **Công ty Cổ phần CNCTech Bình Dương**<br>– Ngày thành lập: 15/01/2015<br>– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3702333005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 04/05/2024.<br>– Địa chỉ: Lô E, Đường số 2, Khu công nghiệp Đồng An, Phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.<br>– Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2025: 70.000.000.000 đồng.<br>– Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất công nghiệp hỗ trợ và cho thuê nhà xưởng.<br>– Số lượng cổ phần sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần CNCTech Bình Dương tại ngày 31/12/2025: 6.930.000 cổ phần.<br>– Tỷ lệ phần sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần CNCTech Bình Dương tại ngày 31/12/2025: 99,00%.<br>– Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần CNCTech Bình Dương tại ngày 31/12/2025: 99,00%. |
| 2. | **Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam**<br>– Ngày thành lập: 18/01/2021<br>– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0700847257 do Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 10/02/2026.<br>– Địa chỉ: Lô CN06, Khu công nghiệp hỗ trợ Đồng Văn III, Phường Duy Hà, Ninh Bình, Việt Nam.<br>– Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2025: 140.000.000.000 đồng<br>– Ngành nghề kinh doanh chính: Cho thuê nhà xưởng |

| STT | Công ty con |
|---|---|
| | - Số lượng cổ phần sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam tại ngày 31/12/2025: 13.720.000 cổ phần.<br>- Tỷ lệ sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam tại ngày 31/12/2025: 98,00%.<br>- Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam tại ngày 31/12/2025: 98,00%. |
| 3. | **Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long**<br>- Ngày thành lập: 04/02/2020<br>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2500641693 do Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Phúc cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 02/02/2026.<br>- Địa chỉ: Lô F1-2-3, Khu Công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, Xã Bình Nguyên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam<br>- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2025: 386.000.000.000 đồng<br>- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất công nghiệp hỗ trợ và cho thuê nhà xưởng<br>- Số lượng cổ phần sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long tại ngày 31/12/2025: 36.390.375 cổ phần.<br>- Tỷ lệ sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long tại ngày 31/12/2025: 94,28%.<br>- Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long tại ngày 31/12/2025: 94,28%. |
| 4. | **Công ty Cổ phần CNCTech Global**<br>- Ngày thành lập: 15/10/2020<br>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2301151863 do Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 09/10/2025<br>- Địa chỉ: Lô H3-2, Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam<br>- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2025: 140.000.000.000 đồng<br>- Ngành nghề kinh doanh chính: Cho thuê nhà xưởng<br>- Số lượng cổ phần sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần CNCTech Global tại ngày 31/12/2025: 12.880.000 cổ phần.<br>- Tỷ lệ sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần CNCTech Global tại ngày 31/12/2025: 92,00%.<br>- Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần CNCTech Global tại ngày 31/12/2025: 92,00%. |
| 5. | **Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc**<br>- Ngày thành lập: 14/11/2018<br>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2500618493 do Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ |

| STT | Công ty con |
|---|---|
| | cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 02/02/2026<br>- Địa chỉ: Lô F1-2-3, Khu Công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, Xã Bình Nguyên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam<br>- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2025: 223.500.000.000 đồng<br>- Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng, thương mại, dịch vụ, cho thuê nhà xưởng<br>- Số lượng cổ phần sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc tại ngày 31/12/2025: 17.765.384 cổ phần.<br>- Tỷ lệ sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc tại ngày 31/12/2025: 79,49%.<br>- Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc tại ngày 31/12/2025: 79,49%. |
| 6. | **Công ty Cổ phần Arts Group**<br>- Ngày thành lập: 26/11/2019<br>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2500639052 do Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 02/02/2026<br>- Địa chỉ: Lô CN6, Khu công nghiệp Bá Thiện, Xã Bình Tuyền, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam<br>- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2025: 101.650.000.000 đồng<br>- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thiết bị y tế<br>- Số lượng cổ phần sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần Arts Group tại ngày 31/12/2025: 5.502.250 cổ phần.<br>- Tỷ lệ sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần Arts Group tại ngày 31/12/2025: 54,13%.<br>- Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần Arts Group tại ngày 31/12/2025: 54,13%. |
| 7. | **Công ty Cổ phần Tập đoàn FSI**<br>- Ngày thành lập: 11/08/2023<br>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2500705435 do Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 20/10/2025.<br>- Địa chỉ: Lô F1-2-3, Khu Công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, Xã Bình Nguyên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam<br>- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2025: 498.093.389.481 đồng.<br>- Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản<br>- Số lượng cổ phần sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần Tập đoàn FSI tại ngày 31/12/2025: 23.908.483 cổ phần.<br>- Tỷ lệ sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần Tập đoàn FSI tại ngày 31/12/2025: 48,00%<br>- Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần Tập đoàn FSI tại ngày 31/12/2025: 51,00% |

| STT | Công ty con |
|---|---|
| | *CNCTech Group được Công ty TNHH Đầu tư Dịch vụ MTV Bảo Ngọc (cổ đông lớn của CTCP Tập đoàn FSI ("FSI Group")) thỏa thuận dành cho Công ty hơn 50% quyền biểu quyết tại FSI Group nên CNCTech Group có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của FSI Group. Do đó, Công ty có quyền kiểm soát đối với FSI Group và ghi nhận FSI Group là công ty con của CNCTech Group.* |
| | **Công ty con sở hữu gián tiếp** |
| 8. | **Công ty TNHH Logistic Quốc tế Bắc Giang**<br>- Ngày thành lập: 03/11/2016<br>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400802724 do Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 27/09/2025.<br>- Địa chỉ: Số 12A, Khu Shop House Đại Hoàng Sơn, Số 45 đường Hùng Vương, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam<br>- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2025: 699.000.000.000 đồng<br>- Ngành nghề kinh doanh chính: Cung cấp dịch vụ kho bãi và lưu trữ hàng hóa<br>- Giá trị vốn góp CNCTech Group tại Công ty TNHH Logistic Quốc tế Bắc Giang tại ngày 31/12/2025: 161.859.769.042 đồng, tương đương 23,16% vốn điều lệ<br>- Tỷ lệ sở hữu của CNCTech Group tại Công ty TNHH Logistic Quốc tế Bắc Giang tại ngày 31/12/2025: 57,17%.<br>- Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của CNCTech Group tại Công ty TNHH Logistic Quốc tế Bắc Giang tại ngày 31/12/2025: 94,02%.<br>*CTCP Tập đoàn FSI sở hữu trực tiếp 70,86% Công ty TNHH Logistic Quốc tế Bắc Giang, CNCTech Group sở hữu trực tiếp 23,16% Công ty TNHH Logistic Quốc tế Bắc Giang. CNCTech Group sở hữu trực tiếp 48% CTCP Tập đoàn FSI. Vì vậy, tỷ lệ sở hữu (gián tiếp) và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (gián tiếp) của CNCTech Group tại Công ty TNHH Logistic Quốc tế Bắc Giang lần lượt là 70,86%*48% + 23,16% = 57,17% và 70,86% +23,16% = 94,02%* |
| 9. | **Công ty Cổ phần Công nghệ cao CNC**<br>- Ngày thành lập: 19/12/2017<br>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0314794138 do Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 09/06/2025.<br>- Địa chỉ: Lô HT4-9, Đường D16, Khu Công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú B, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam<br>- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2025: 66.000.000.000 đồng<br>- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất công nghiệp hỗ trợ và cho thuê nhà xưởng<br>- Tỷ lệ sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần Công nghệ cao CNC tại ngày 31/12/2025: 92,69%.<br>- Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần Công nghệ cao CNC tại ngày 31/12/2025: 98,32%. |

| STT | Công ty con |
|---|---|
| | *CTCP CNCTech Thăng Long sở hữu trực tiếp 98,32% CTCP Công nghệ cao CNC. CNCTech Group sở hữu trực tiếp 94,28% CTCP CNCTech Thăng Long. Vì vậy, tỷ lệ sở hữu (gián tiếp) và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (gián tiếp) của CNCTech Group tại CTCP Công nghệ cao CNC lần lượt là 94,28%*98,32% = 92,69% và 98,32%.* |
| 10. | **Công ty Cổ phần SMCTech**<br>- Ngày thành lập: 22/03/2022<br>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2500680332 do Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 26/08/2025.<br>- Địa chỉ: Lô CN6, KCN Bá Thiện I, Xã Bình Xuyên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.<br>- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2025: 40.000.000.000 đồng.<br>- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất công nghiệp hỗ trợ.<br>- Tỷ lệ sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần SMCTech tại ngày 31/12/2025: 58,28%.<br>- Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần SMCTech tại ngày 31/12/2025: 61,82%.<br>*CTCP CNCTech Thăng Long sở hữu trực tiếp 61,82% CTCP SMCTech. CNCTech Group sở hữu trực tiếp 94,28% CTCP CNCTech Thăng Long. Vì vậy, tỷ lệ sở hữu (gián tiếp) và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (gián tiếp) của CNCTech Group tại CTCP SMCTech lần lượt là 61,82%*94,28% = 58,28% và 61,82%.* |
| 11. | **Công ty Cổ phần Công nghiệp ASV**<br>- Ngày thành lập: 01/06/2015<br>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0106866247 do Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 11/12/2025.<br>- Địa chỉ: Lô F1-2-3, Khu Công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, Xã Bình Nguyên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam<br>- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2025: 1.500.000.000 đồng.<br>- Ngành nghề kinh doanh chính: Thương mại<br>- Tỷ lệ sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần Công nghiệp ASV tại ngày 31/12/2025: 48,08%.<br>- Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần Công nghiệp ASV tại ngày 31/12/2025: 51,00%.<br>*CTCP CNCTech Thăng Long sở hữu trực tiếp 51,00% CTCP Công nghiệp ASV, CNCTech Group sở hữu trực tiếp 94,28% CTCP CNCTech Thăng Long. Vì vậy, tỷ lệ sở hữu (gián tiếp) và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (gián tiếp) của CNCTech Group tại CTCP Công nghiệp ASV lần lượt là 51,00%*94,28% = 48,08% và 51,00%.* |

*(Nguồn: CNCTech Group)*

**Bảng 4. Danh sách Công ty liên kết của Công ty đại chúng**

| STT | Công ty liên kết |
|---|---|
| | **Công ty liên kết sở hữu trực tiếp** |
| 1. | **Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc**<br>- Ngày thành lập: 23/06/2023<br>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2500702917 do Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 06/06/2025.<br>- Địa chỉ: Lô F1-2-3, Khu Công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, Xã Bình Nguyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam<br>- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2025: 250.000.000.000 đồng<br>- Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản<br>- Số lượng cổ phần sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc tại ngày 31/12/2025: 12.500.000 cổ phần.<br>- Tỷ lệ sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc tại ngày 31/12/2025: 50,00%.<br>- Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc tại ngày 31/12/2025: 50,00%. |
| 2. | **Công ty Cổ phần Các Hệ thống Viễn thông VINECO**<br>- Ngày thành lập: 01/02/2013<br>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100143241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 21/09/2025.<br>- Địa chỉ: Tổ Ngọc Trục, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam<br>- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2025: 81.509.700.000 đồng<br>- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, gia công các thiết bị điện tử viễn thông<br>- Số lượng cổ phần sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần Các Hệ thống Viễn thông VINECO tại ngày 31/12/2025: 3.993.975 cổ phần.<br>- Tỷ lệ sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần Các Hệ thống Viễn thông VINECO tại ngày 31/12/2025: 49,00%.<br>- Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần Các Hệ thống Viễn thông VINECO tại ngày 31/12/2025: 49,00%. |
| 3. | **Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ**<br>- Ngày thành lập: 29/10/2018 |

| STT | Công ty liên kết |
|---|---|
| | - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3702715780 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 06/01/2026.<br>- Địa chỉ: Nhà xưởng C_1B_C2, Lô C_1B_CN, Đường C3 Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam<br>- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2025: 180.000.000.000 đồng.<br>- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất gia công linh kiện dầu khí<br>- Số lượng cổ phần sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ tại ngày 31/12/2025: 4.323.380 cổ phần.<br>- Tỷ lệ sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ tại ngày 31/12/2025: 24,02%.<br>- Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ tại ngày 31/12/2025: 24,02%. |
| 4. | **Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ và CNC Việt Nam**<br>- Ngày thành lập: 22/01/2007<br>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102153076 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 26 ngày 24/08/2025.<br>- Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà TASCO, Lô HH2-2 Đường Phạm Hùng, Phường Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam<br>- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2025: 17.325.430.000 đồng<br>- Ngành nghề kinh doanh chính: Nghiên cứu, thiết kế và sản xuất máy chuyên dụng<br>- Số lượng cổ phần sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ và CNC Việt Nam tại ngày 31/12/2025: 608.806 cổ phần.<br>- Tỷ lệ sở hữu của CNCTech Group tại Cổ phần Ứng dụng Công nghệ và CNC Việt Nam tại ngày 31/12/2025: 35,14%.<br>- Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ và CNC Việt Nam tại ngày 31/12/2025: 35,14%. |
| 5. | **Công ty Cổ phần Thiết bị Hàng không Vũ trụ CNCTech**<br>- Ngày thành lập: 12/06/2024<br>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2500720320 do Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 06/08/2025.<br>- Địa chỉ: Nhà xưởng B1 và B2, Lô I24B Khu công nghiệp Bá Thiện Phân Kh, Xã Bình |

| STT | Công ty liên kết |
|---|---|
| | Xuyên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam<br>- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2025: 10.650.000.000 đồng<br>- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thiết bị máy bay và thiết bị hàng không<br>- Tỷ lệ sở hữu của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần Thiết bị Hàng không Vũ trụ CNCTech tại ngày 31/12/2025: 42,26%.<br>- Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của CNCTech Group tại Công ty Cổ phần Thiết bị Hàng không Vũ trụ CNCTech tại ngày 31/12/2025: 42,26%.<br>*CTCP CNCTech Thăng Long sở hữu trực tiếp 42,26% CTCP Thiết bị Hàng không Vũ trụ CNCTech. CNCTech sở hữu trực tiếp 94,28% CTCP CNCTech Thăng Long. Vì vậy, tỷ lệ sở hữu (gián tiếp) và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (gián tiếp) của CNCTech Group lần lượt là 42,26%*94,28% = 39,84% và 42,26%* |

*(Nguồn: CNCTech Group)*

## 4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

**Bảng 5. Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty**

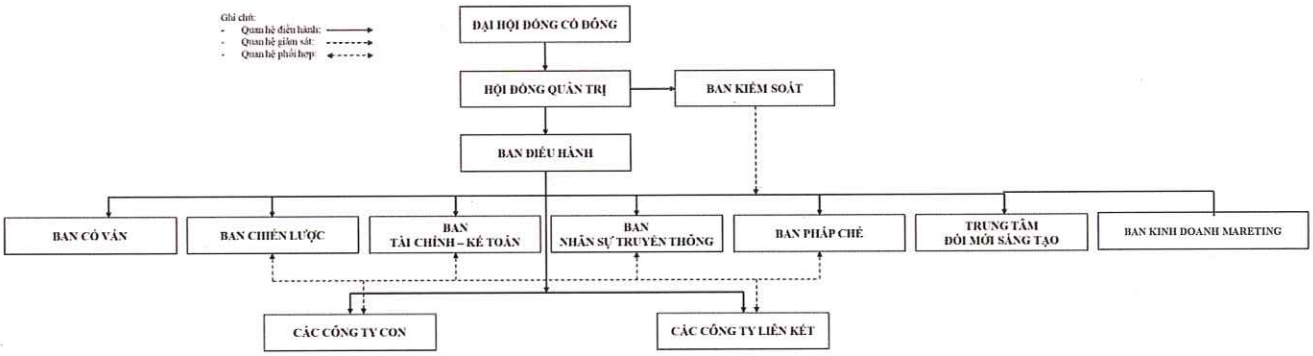


*(Nguồn: CNCTech Group)*

### *4.1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)*

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

ĐHĐCĐ có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, thông qua các báo cáo của Công ty (bao gồm BCTC, báo cáo của HĐQT, báo cáo của Ban Kiểm soát); thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty, quyết định

mức cổ tức thanh toán hàng năm, lựa chọn Công ty kiểm toán; và các quyền khác theo các quy định cụ thể trong Điều lệ của Công ty và theo quy định của Pháp luật.

*4.2. Hội đồng quản trị (HĐQT)*

HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị nội bộ và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. HĐQT của Công ty bao gồm: 05 thành viên, mỗi nhiệm kỳ của từng thành viên là 05 năm. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu.

**Bảng 6. Danh sách thành viên HĐQT của Công ty**

| STT | Thành viên | Chức vụ |
|---|---|---|
| 1. | Ông Nguyễn Văn Hùng | Chủ tịch HĐQT |
| 2. | Ông Đào Hoàng Việt | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3. | Ông Nguyễn Trung Kiên | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 4. | Nguyễn Thị Dung | Thành viên HĐQT |
| 5. | Ông Ngô Hùng Tín | Thành viên HĐQT |

*(Nguồn: CNCTech Group)*

*4.3. Ban Kiểm soát (BKS)*

BKS do ĐHĐCĐ bầu để thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập BCTC; thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, BCTC hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHĐCĐ; rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

Số lượng kiểm soát viên là 03 người. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên là 05 năm; kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

**Bảng 7. Danh sách thành viên BKS của Công ty**

| STT | Thành viên | Chức vụ |
|---|---|---|
| 1. | Bà Nguyễn Hồng Nhung | Trưởng BKS |
| 2. | Bà Nguyễn Ngân Giang | Thành viên BKS |
| 3. | Bà Lê Thị Vân | Thành viên BKS |

*(Nguồn: CNCTech Group)*

### 4.4. *Ban Điều hành*

Ban Điều hành gồm có: Chủ tịch Điều hành Tập đoàn; Phó Chủ tịch điều hành Tập đoàn kiêm Tổng Giám đốc; các Phó Chủ tịch điều hành Tập đoàn và các Phó Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ trong việc điều hành Công ty nhằm đảm bảo Công ty hoạt động tuân thủ quy định pháp luật, hoạt động hiệu quả, vì lợi ích của Công ty, các Cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan, theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã được HĐQT và ĐHĐCĐ phê duyệt. Theo đó, Tổng Giám đốc thực hiện vai trò xây dựng và đưa ra các khuyến nghị định hướng chiến lược; xây dựng và đưa ra khuyến nghị kế hoạch kinh doanh, ngân sách; phát triển nguồn nhân lực và hoạt động điều hành, quản lý doanh nghiệp tuân thủ, hiệu quả; tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh để đạt được chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Chủ tịch Điều hành không phải là thành viên thường trực của Ban Điều hành, nhưng có quyền tham dự và yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo, họp bàn về các vấn đề chiến lược, định hướng phát triển, nhân sự cấp cao hoặc các nội dung khác theo thẩm quyền được Hội đồng quản trị giao. Trong mọi trường hợp, Tổng Giám đốc vẫn là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về kết quả và hiệu quả hoạt động điều hành của Công ty

Các Phó Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch Điều hành giúp việc cho Tổng Giám đốc và Chủ tịch điều hành trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

**Bảng 8. Danh sách thành viên Ban Điều hành của Công ty**

| STT | Thành viên | Chức vụ |
|---|---|---|
| 1. | Ông Nguyễn Văn Hùng | Chủ tịch Điều hành Tập đoàn |
| 2. | Ông Nguyễn Trung Kiên | Phó Chủ tịch điều hành Tập đoàn kiêm Tổng Giám đốc |
| 3. | Ông Vũ Anh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. | Bà Nguyễn Thị Dung | Phó Chủ tịch điều hành Tập đoàn |
| 5. | Bà Nguyễn Phương Nga | Phó Tổng Giám đốc |
| 6. | Bà Đinh Thị Thu Hà | Phó Tổng Giám đốc |

*(Nguồn: CNCTech Group)*

### 4.5. *Các phòng, ban chức năng*

Các phòng, ban chức năng có nhiệm vụ tham mưu cho Ban Điều hành về quản lý chỉ đạo trong lĩnh vực phụ trách, triển khai, cụ thể hóa công việc theo chỉ đạo của Ban Điều hành Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### 4.5.1. Ban cố vấn

Nhiệm vụ của Ban cố vấn bao gồm:

a. Hỗ trợ Ban Điều hành trong việc xây dựng và tinh chỉnh chiến lược kinh doanh dài hạn, giúp Công ty thích ứng với những thay đổi của thị trường và đạt được mục tiêu tăng trưởng.

b. Nghiên cứu, phân tích tình hình, xu hướng phát triển của lĩnh vực hoạt động của công ty để đưa ra những tư vấn, hỗ trợ phù hợp.

c. Đóng vai trò là chuyên gia trong các lĩnh vực cụ thể như tài chính, công nghệ, marketing, nhân sự hoặc luật pháp, giúp giải quyết những thách thức cụ thể mà Công ty đang đối mặt.

d. Đưa ra những phản hồi mang tính xây dựng về hiệu quả hoạt động của Công ty, giúp cải thiện quy trình và nâng cao năng suất.

e. Sử dụng các mối quan hệ cá nhân để giới thiệu công ty với các đối tác tiềm năng, nhà đầu tư, hoặc khách hàng quan trọng.

f. Sự hiện diện của những người có uy tín trong ngành giúp tăng cường sự tin tưởng của công chúng, đối tác và nhà đầu tư vào Công ty.

g. Hỗ trợ và cố vấn cho đội ngũ quản lý cấp cao, giúp họ phát triển kỹ năng lãnh đạo và đưa ra quyết định sáng suốt hơn.

h. Tham gia vào quá trình tìm kiếm và đánh giá các ứng viên cho những vị trí lãnh đạo chủ chốt trong Công ty.

4.5.2. Ban chiến lược

Nhiệm vụ của Ban chiến lược bao gồm:

a. Đề xuất các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty, bao gồm định hướng kinh doanh, mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm/dịch vụ.

b. Phân tích môi trường kinh doanh (nội bộ và bên ngoài) để xác định cơ hội và thách thức, từ đó xây dựng chiến lược phù hợp.

c. Theo dõi, đánh giá hiệu quả thực hiện các kế hoạch chiến lược đã được HĐQT phê duyệt.

d. Đề xuất điều chỉnh chiến lược khi có thay đổi về thị trường, pháp luật hoặc các yếu tố khác ảnh hưởng đến hoạt động Công ty.

e. Tư vấn cho HĐQT về các quyết định chiến lược, như đầu tư, sáp nhập, mua lại (M&A), hoặc tái cấu trúc doanh nghiệp.

f. Đưa ra khuyến nghị về phân bổ nguồn lực (tài chính, nhân sự, công nghệ) để đạt được mục tiêu chiến lược.

g. Làm việc với Ban Điều hành để đảm bảo các kế hoạch chiến lược được triển khai hiệu quả.

h. Đánh giá các báo cáo từ Ban Điều hành về tiến độ thực hiện chiến lược.

i. Phân tích xu hướng thị trường, công nghệ và các yếu tố kinh tế, xã hội để cung cấp thông tin cho việc lập kế hoạch chiến lược cũng như đề xuất các sáng kiến đổi mới sáng tạo hoặc cải tiến để tăng cường năng lực cạnh tranh.

j. Xác định các rủi ro tiềm ẩn trong việc thực hiện chiến lược và đề xuất các biện pháp giảm thiểu và đảm bảo chiến lược phù hợp với các quy định pháp luật và chuẩn mực quản trị.

4.5.3. Ban Tài chính kế toán

Nhiệm vụ của Ban Tài chính kế toán bao gồm:

a. Tham mưu cho Ban Điều hành trong công tác quản lý tài chính, kế toán về định hướng đầu tư, hoạch định kế hoạch tài chính; dự toán ngân sách hàng năm của Công ty.

b. Đảm bảo nguồn vốn cho đầu tư và hoạt động kinh doanh, tối ưu hiệu quả sử dụng dòng tiền, bảo toàn phát triển nguồn vốn. Lập kế hoạch sử dụng và phân bổ nguồn vốn.

c. Quản trị hệ thống Công ty con; Công ty liên kết và các khoản đầu tư. Tổ chức công tác hạch toán, lập BCTC trong toàn Công ty; Hợp nhất báo cáo tập đoàn, phân tích tài chính và đánh giá hiệu quả. Hạch toán chi phí bán hàng, kinh doanh, chi phí quản lý và các phát sinh khác; Hạch toán doanh thu, giá thành, lãi lỗ; Hạch toán các loại vốn quỹ; Hạch toán các khoản thanh toán, trích nộp.

d. Phối hợp cùng các phòng/ban liên quan xây dựng quy trình, quy chế, hướng dẫn công tác tài chính kế toán.

e. Triển khai đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh hàng năm của Công ty/Khối/Phòng/Ban và cán bộ nhân viên toàn Công ty.

4.5.4. Ban Nhân sự truyền thông

Nhiệm vụ của Ban Nhân sự truyền thông bao gồm:

a. Xây dựng, duy trì, cải tiến và tham mưu cho Ban Điều hành, các phòng ban chức năng về các vấn đề liên quan đến quản lý nguồn nhân lực, chế độ đãi ngộ, thu hút nguồn nhân lực.

b. Tổ chức thực hiện, triển khai các hoạt động vận hành nhân sự tại các Công ty.

c. Phân tích, đề xuất các phương án chuyển đổi cơ cấu tổ chức liên quan đến các kế hoạch sáp nhập các Công ty, xây dựng văn hóa tổ chức, năng lực tổ chức đạt hiệu quả kinh doanh và phát triển con người, năng lực lãnh đạo và quản lý, truyền thông nội bộ, tạo sự gắn kế trong lực lượng lao động.

d. Đào tạo, hướng dẫn, giám sát và kiểm tra thường xuyên trong suốt quá trình thực hiện các dự án, kế hoạch sản xuất về mặt kỹ thuật, tiến độ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường cũng như các vấn đề về máy móc thiết bị sử dụng trong dự án và sản xuất.

e. Truyền thông nội bộ: Truyền tải thông tin kịp thời, đúng định hướng đến toàn thể cán bộ nhân viên. Tuyên truyền giá trị, văn hóa doanh nghiệp và lan tỏa tinh thần tích cực qua các phong trào, tấm gương điển hình. Quản lý và phát triển các kênh truyền thông nội bộ hiệu quả.

f. Truyền thông đại chúng và Quan hệ công chúng: Tổ chức truyền thông tại các sự kiện nội bộ và đối ngoại, củng cố hình ảnh Công ty. Xây dựng mối quan hệ với báo chí, khách hàng, chính quyền và cộng đồng. Góp phần nâng cao uy tín và vị thế doanh nghiệp trên thị trường.

g. Xây dựng và phát triển thương hiệu: Định vị, quản lý và phát triển thương hiệu thống nhất trên mọi nền tảng. Đảm bảo thông điệp truyền thông phù hợp chiến lược và phản ánh hình

ảnh chuyên nghiệp. Phối hợp các bộ phận để xây dựng thương hiệu từ bên trong ra bên ngoài.

h. Chiến lược và phát triển nội dung: Lên kế hoạch truyền thông dài hạn và phát triển nội dung chất lượng, định hướng rõ ràng. Theo dõi xu hướng thị trường để tối ưu thông điệp, tăng mức độ tương tác. Đảm bảo truyền thông đồng bộ, linh hoạt và phù hợp từng giai đoạn.

i. Triển khai các hoạt động văn hoá doanh nghiệp, trách nhiệm xã hội, truyền tải và củng cố các giá trị cốt lõi, tạo nên một bản sắc riêng và sức mạnh cạnh tranh bền vững.

4.5.5. Ban Pháp chế

Nhiệm vụ của Ban Pháp chế bao gồm:

a. Tham mưu cho Ban Điều hành, khối phòng ban về những vấn đề pháp lý liên quan đến quản trị và hoạt động vận hành chung của Công ty.

b. Tư vấn, đánh giá các vấn đề pháp lý cho các bộ phận, phòng, ban chức năng, các Công ty con thuộc CNCTech Group nhằm đảm bảo tất cả các hoạt động và chính sách kinh doanh và giao dịch của Công ty tuân thủ đúng luật và các quy định liên quan.

c. Kiểm soát tính pháp lý đối với các văn bản, hợp đồng do Công ty ban hành, ký kết.

d. Kiểm tra giám sát tình hình hoạt động của Công ty theo đúng nội quy quy trình của Công ty, quy định pháp luật và có ý kiến tham vấn cho Ban Điều hành và HĐQT.

e. Kiểm soát tuân thủ pháp lý, bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của CNCTech Group.

4.5.6. Ban Kinh doanh Marketing

a. Nghiên cứu thị trường và tìm kiếm khách hàng: Phân tích đối thủ cạnh tranh, đánh giá nhu cầu thuê đất/nhà xưởng của các nhà đầu tư (FDI, trong nước) để tìm ra khoảng trống thị trường và cơ hội.

b. Xây dựng chiến lược Marketing và Thương hiệu: Định vị thương hiệu khu công nghiệp (vị trí, tiện ích, chính sách ưu đãi), tổ chức quảng bá trên các kênh chuyên ngành, hội thảo xúc tiến đầu tư để thu hút nhà đầu tư tiềm năng.

c. Xúc tiến bán hàng và cho thuê (Sales): Tiếp cận, tư vấn, đàm phán và thuyết phục khách hàng ký kết hợp đồng thuê đất, nhà xưởng, văn phòng hoặc các dịch vụ hạ tầng liên quan.

d. Chăm sóc khách hàng và Quan hệ công chúng (PR): Xây dựng mối quan hệ với cơ quan chức năng, ban quản lý khu công nghiệp, và chăm sóc các nhà đầu tư hiện hữu để tạo sự tin tưởng, gia tăng uy tín thương hiệu.

e. Phát triển sản phẩm/dịch vụ mới: Đề xuất các giải pháp hạ tầng, dịch vụ tiện ích đi kèm (nhà xưởng xây sẵn, logistic, canteen...) phù hợp với nhu cầu thay đổi của các doanh nghiệp trong khu

4.5.7. Trung tâm đổi mới sáng tạo

Nhiệm vụ của Trung tâm đổi mới sáng tạo bao gồm:

a. Trí tuệ nhân tạo và số hóa sản xuất:

AI trong quản lý: Phát triển các hệ thống hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu để tối ưu hóa hiệu suất doanh nghiệp.

AI trong vận hành: Ứng dụng công nghệ tự động hóa để giám sát, đánh giá năng suất nhân sự và tối ưu luồng công việc.

AI trong sản xuất: Cải tiến quy trình gia công, nâng cao chất lượng sản phẩm và dự báo nhu cầu sản xuất theo thời gian thực.

b. Chuỗi cung ứng thông minh:

Ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn để phân tích và dự báo nhu cầu, giúp tối ưu hóa tồn kho và quản lý logistics hiệu quả hơn.

Kết hợp trí tuệ nhân tạo trong việc lập kế hoạch sản xuất nhằm đảm bảo tính linh hoạt và đáp ứng nhanh chóng các thay đổi của thị trường.

c. Mô phỏng và tối ưu thiết kế sản phẩm:

Phát triển các công cụ mô phỏng giúp cải tiến thiết kế sản phẩm trước khi đưa vào sản xuất thực tế.

Ứng dụng công nghệ in 3D và kỹ thuật số hóa trong phát triển sản phẩm mới.

d. Công nghệ an toàn lao động;

e. Sản xuất bền vững và phát triển xanh.

## 5. Giới thiệu về quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ của Công ty

Công ty được thành lập ngày 06/05/2015 với mức vốn điều lệ đăng ký là 3.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ sáu trăm triệu đồng) và có 04 thành viên góp vốn.

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty chưa thực hiện giảm vốn điều lệ lần nào.

Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty cổ phần vào năm 2017 với số vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng). Kể từ khi trở thành Công ty cổ phần đến nay, Công ty đã thực hiện 11 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh, chi tiết quá trình tăng vốn như sau:

**Bảng 9. Quá trình tăng vốn điều lệ**

| Thời điểm | Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng) | Giá trị vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng) | Hình thức tăng vốn | Cơ sở pháp lý |
|---|---|---|---|---|
| Thành lập Công ty: 05/2015 | 3.600 | 3.600 | | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106839469 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/05/2015 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 07/2017 | 10.000 | 6.400 | Tăng thêm phần vốn góp của các thành viên góp vốn hiện hữu | - Biên bản họp Hội đồng thành viên số 0107/BBH-HĐTV ngày 01/07/2017; Nghị quyết Hội đồng thành viên số 0107/NQ-HĐTV ngày 01/07/2017;<br>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106839469 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/05/2015, thay đổi lần thứ 2 ngày 06/07/2017 |
| 01/2018 | 30.000 | 20.000 | Phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu | - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 0201/BBH-ĐHĐCĐ ngày 02/01/2018; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0201/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/01/2018;<br>- Biên bản họp Hội đồng quản trị số 1801/BBH-HĐQT ngày 18/01/2018; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1801/NQ-HĐQT ngày 18/01/2018;<br>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106839469 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/05/2015, thay đổi lần thứ 04 ngày 12/01/2018 |
| 06/2018 | 90.000 | 60.000 | Phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư mới | - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 03/BBH-ĐHĐCĐ ngày 16/06/2018; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/06/2018;<br>- Biên bản họp Hội đồng quản trị số 2606/BBH-HĐQT ngày 26/06/2018; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2606/NQ-HĐQT ngày 26/06/2018;<br>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106839469 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | | | Nội cấp lần đầu ngày 06/05/2015, thay đổi lần thứ 05 ngày 25/06/2018 |
| 06/2019 | 120.000 | 30.000 | Phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư mới | - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 02/BBH-ĐHĐCĐ ngày 20/05/2019; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/05/2019;<br>- Biên bản họp Hội đồng quản trị số 2706/BBH-HĐQT ngày 27/06/2019; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2706/NQ-HĐQT ngày 27/06/2019;<br>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106839469 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/05/2015, thay đổi lần thứ 06 ngày 27/06/2019 |
| 12/2019 | 268.000 | 148.000 | Phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu | - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 06/BBH-ĐHĐCĐ ngày 10/12/2019; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/12/2019;<br>- Biên bản họp Hội đồng quản trị số 2512/BBH-HĐQT ngày 25/12/2019; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2512/NQ-HĐQT ngày 25/12/2019;<br>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106839469 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/05/2015, thay đổi lần thứ 07 ngày 25/12/2019 |
| 07/2020 | 375.000 | 107.000 | Phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu | - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 2206/BBH-ĐHĐCĐ ngày 22/06/2020; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2206/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/06/2020; |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | | | - Biên bản họp Hội đồng quản trị số 2206/BBH-HĐQT ngày 22/06/2020; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2206/NQ-HĐQT ngày 22/06/2020;<br>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106839469 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/05/2015, thay đổi lần thứ 09 ngày 01/07/2020 |
| 12/2020 | 480.000 | 105.000 | Phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu | - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 1512/BBH-ĐHĐCĐ ngày 15/12/2020; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1512/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/12/2020;<br>- Biên bản họp Hội đồng quản trị số 1512/BBH-HĐQT ngày 15/12/2020; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1512/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020;<br>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106839469 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/05/2015, thay đổi lần thứ 10 ngày 25/12/2020 |
| 06/2021 | 580.000 | 100.000 | Phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư mới | - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 2605/BBH-ĐHĐCĐ ngày 26/05/2021; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2605/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/05/2021;<br>- Biên bản họp Hội đồng quản trị số 1906/BBH-HĐQT ngày 19/06/2021; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1906/NQ-HĐQT ngày 19/06/2021;<br>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106839469 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | | | Nội cấp lần đầu ngày 06/05/2015, thay đổi lần thứ 12 ngày 21/06/2021 |
| 12/2022 | 696.000 | 116.000 | Phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư mới | - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 1011/2022/BBH-ĐHĐCĐ ngày 10/11/2022; Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 1011/2022/NQ- ĐHĐCĐ ngày 10/11/2022;<br>- Biên bản họp Hội đồng quản trị số 0112/BBH-HĐQT ngày 01/12/2022; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0112/NQ-HĐQT ngày 01/12/2022;<br>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106839469 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/05/2015, thay đổi lần thứ 15 ngày 02/12/2022 |
| 11/2023 | 835.200 | 139.200 | Phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư mới | - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 2308/2023/BB-ĐHĐCĐ ngày 23/08/2023; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2308/2023/NQ- ĐHĐCĐ ngày 23/08/2023;<br>- Biên bản họp Hội đồng quản trị số 1710/2023/BBH-HĐQT ngày 17/10/2023; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1710/2023/NQ-HĐQT ngày 17/10/2023;<br>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106839469 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/05/2015, thay đổi lần thứ 16 ngày 10/11/2023 |
| 05/2024 | 916.000 | 80.800 | Phát hành cổ phần từ lợi nhuận sau | - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/BBH-ĐHĐCĐ ngày 23/03/2024; Nghị quyết Đại |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | | thuế chưa phân phối | hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/03/2024;<br>- Biên bản họp Hội đồng quản trị số 0105/2024/BBH-HĐQT ngày 01/05/2024; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0105/2024/NQ-HĐQT ngày 01/05/2024;<br>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106839469 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/05/2015, thay đổi lần thứ 19 ngày 08/05/2024 |

*(Nguồn: Báo cáo về vốn điều lệ đã góp đã được kiểm toán của CNCTech Group)*

*(*) Các lần tăng vốn 1,2,3,4,5,8 và 9, Công ty đã thực hiện thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp trước ngày hoàn thành nộp tiền tăng vốn. Trong năm 2024, khi rà soát đối chiếu với các quy định của Luật Doanh nghiệp, Công ty nhận thấy sai sót của Công ty đã chưa hiểu rõ quy định của Luật Doanh nghiệp để áp dụng. Tuy có sai sót, nhưng thực tế Công ty đã góp đủ vốn điều lệ theo đúng đăng ký (đã được xác nhận bởi đơn vị kiểm toán). Công ty cổ phần Tập đoàn CNCTech đã làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và nhận sai sót này. Ngày 05/02/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội đã có Biên bản vi phạm hành chính số 87/BB-VPHC ngày 05/2/2024 và Quyết định số 87/QĐ -XPHC ngày 05/2/2024 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội với mức áp dụng hình thức xử phạt vi phạm hành chính bằng tiền là 25.000.000 đồng. Cùng ngày, CNCTech Group đã hoàn thành nộp tiền phạt vi phạm hành chính, chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật về biện pháp khắc phục và tuân thủ đúng các quy định của Luật Doanh nghiệp trong quá trình hoạt động. Đồng thời, tại Biên bản vi phạm hành chính số 87/BB-VPHC ngày 05/2/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội đã xác nhận theo BCTC đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và chứng từ góp vốn năm 2023 Công ty đã thanh toán đủ số cổ phần tương ứng vốn điều lệ 835,2 tỷ đồng theo đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 10/11/2023 .*

*(**) Căn cứ Báo cáo về vốn điều lệ đã góp từ ngày 06 tháng 5 năm 2015 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Công ty cổ phần Tập đoàn CNCTech số 2.0592/25/TC ngày 25/09/2025 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, kiểm toán viên có ý kiến như sau: "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo về vốn điều lệ đã góp từ ngày 06 tháng 5 năm 2015 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Công ty cổ phần Tập đoàn CNCTech đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ các quy định, chính sách kế toán và nguyên tắc được trình bày tại Thuyết minh 3,4 và 5 Bản thuyết minh Báo cáo về vốn điều lệ đã góp". Cụ thể, tại Báo cáo về vốn điều lệ đã góp, Công ty đã trình bày quá trình tăng vốn điều lệ từ 3.600.000.000 đồng lên 916.000.000.000 đồng, trong đó Công ty có 11 đợt tăng vốn điều lệ và không có lần giảm vốn điều lệ nào.*

## 6. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm gần nhất

### *6.1. Cơ cấu cổ đông tại ngày 05/03/2026*

**Bảng 10. Cơ cấu cổ đông tại ngày 05/03/2026**

| STT | Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số cổ phần sở hữu | Tỷ lệ % |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Cổ đông trong nước, nước ngoài** | | | |
| 1 | Trong nước | **203** | **80.586.687** | **87,98** |
| 1.1 | Nhà nước | - | - | - |
| 1.2 | Tổ chức | 3 | 16.793.333 | 18,33 |
| 1.3 | Cá nhân | 200 | 63.793.354 | 69,64 |
| 2 | Nước ngoài | **2** | **11.013.313** | **12,02** |
| 2.1 | Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ | - | - | - |
| 2.2 | Cá nhân | 2 | 11.013.313 | 12,02 |
| | **Tổng cộng** | **205** | **91.600.000** | **100%** |
| **II** | **Cổ đông lớn, cổ đông khác** | | | |
| 1 | Cổ đông lớn | 5 | 71.433.914 | 77,98 |
| 2 | Cổ đông khác | 200 | 20.166.086 | 22,02 |
| | **Tổng cộng** | **205** | **91.600.000** | **100%** |

*(Nguồn: Danh sách cổ đông VSDC cung cấp)*

### *6.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty*

**Bảng 11. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 05/03/2026**

| TT | Họ và tên | CMND/CCCD/ Hộ chiếu/ GCNĐKKD | Địa chỉ | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1. | **Nguyễn Văn Hùng** | | | 45.159.967 | 49,301 |
| 2. | **Tang Wing Fong Terry** | | | 9.480.614 | 10,350 |

| TT | Họ và tên | CMND/CCCD/ Hộ chiếu/ GCNĐKKD | Địa chỉ | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| 3. | **Công ty Cổ phần Công nghệ cao MK** | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500650909 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31/07/2020 | Lô C-1A, Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, Xã Thiện Kế, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam | 7.633.333 | 8,333 |
| 4. | **Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư MB** | Giấy phép thành lập và hoạt động số 53/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 06/11/2009 | Tầng 12, Toà nhà số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 4.580.000 | 5,000 |
| 5. | **Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư TAT** | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0318155735 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/11/2023 | 79-81 Võ Nguyên Giáp, Phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 4.580.000 | 5,000 |
| **Tổng cộng** | | | | **71.433.914** | **77,98** |

*(Nguồn: Danh sách cổ đông VSDC cung cấp)*

*6.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ (trường hợp Công ty có cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng)*

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 120, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020: "*Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó*", Công ty bắt đầu hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 06/05/2015, như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phần của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng theo luật định.

## 7. Hoạt động kinh doanh

*7.1. Các sản phẩm, dịch vụ chính*

7.1.1. Công nghệ Sản xuất

Cung cấp Dịch vụ sản xuất tích hợp bao gồm: gia công cơ khí chính xác CNC, gia công kim loại tấm, chế tạo khung thân máy, chế tạo khuôn và ép nhựa, chế tạo thiết bị khai thác dầu khí, xử lý bề mặt, thiết kế và chế tạo máy tự động hóa, sản xuất và thiết kế điện tử theo mô hình ODM/OEM... giải pháp toàn diện từ thiết kế, phát triển sản phẩm đến lắp ráp. Đồng bộ với Phát triển các giải pháp công nghệ nhằn tối ưu hóa sản xuất bao gồm: tự động hóa, trí tuệ nhân tạo (AI) và Internet of Things (IoT). Cung cấp các linh kiện, sản phẩm hoàn thiện và các giải pháp công nghệ chuyên sâu cho ngành sản xuất và chế tạo trên toàn cầu.

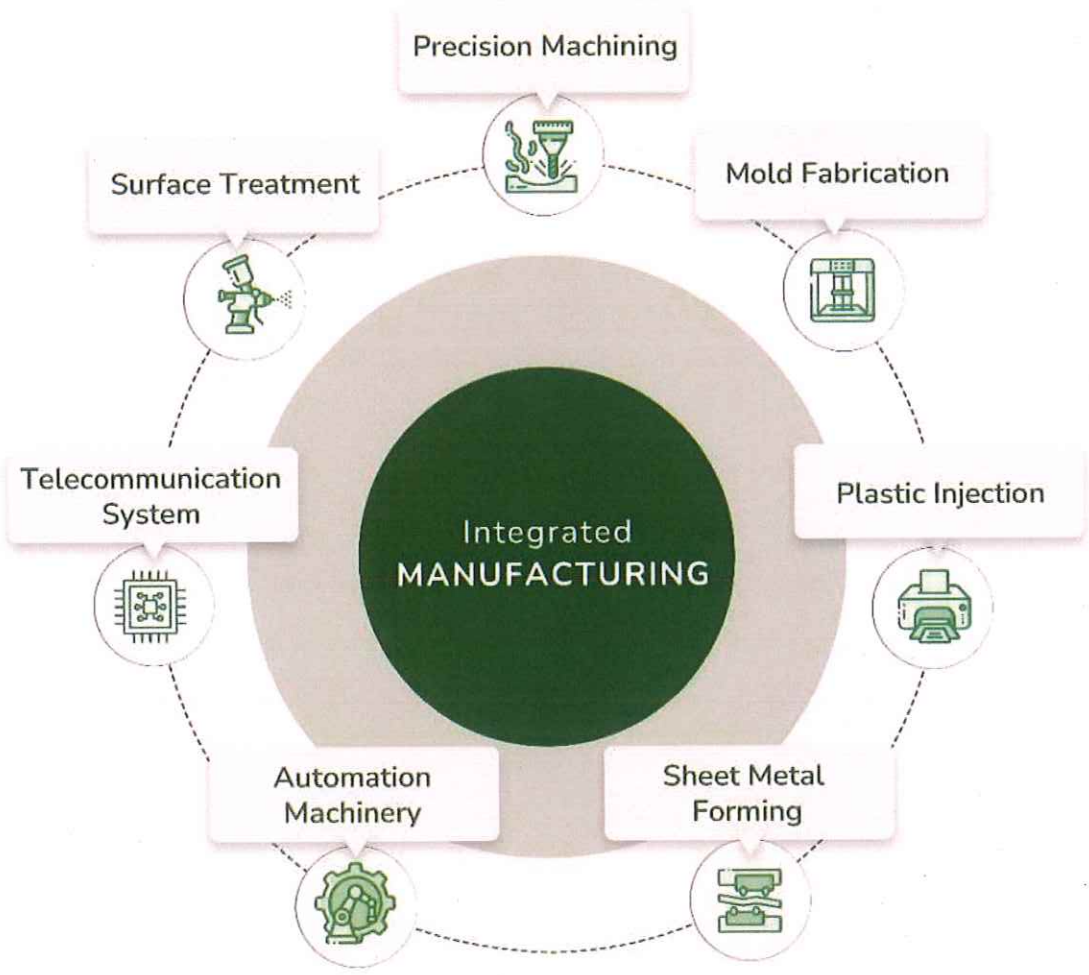


**Ảnh 5. Hình ảnh chuỗi dịch vụ sản xuất tích hợp**

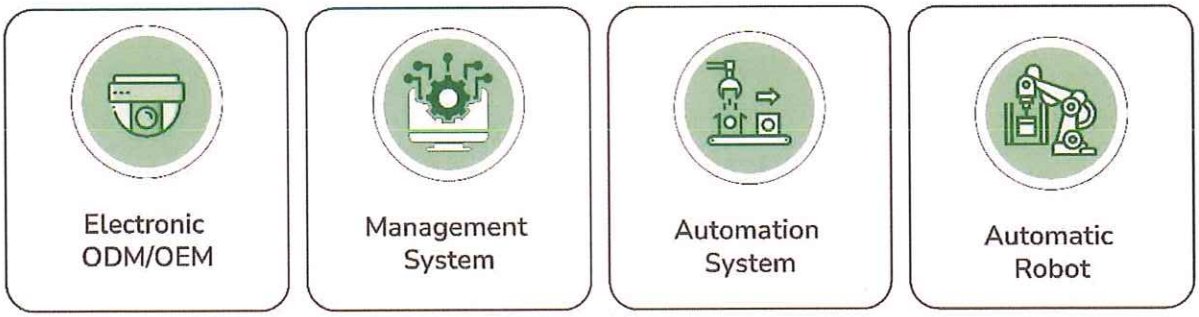


**Ảnh 6. Phát triển các giải pháp công nghệ nhằm tối ưu hóa sản xuất**




**Ảnh 7. Hình ảnh các nhà máy trong khối Công nghệ Sản xuất**

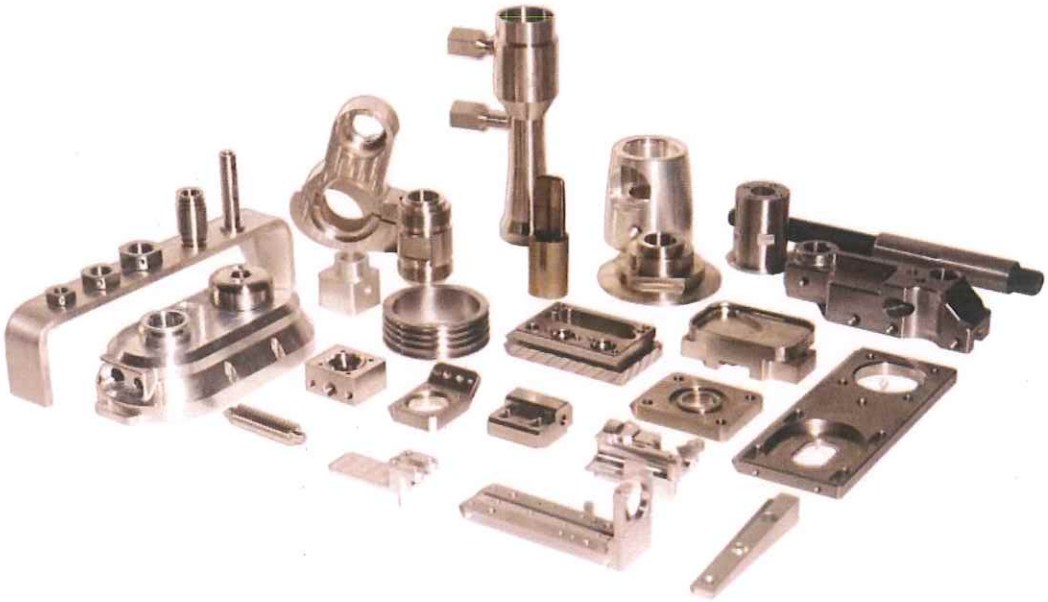


VNPT

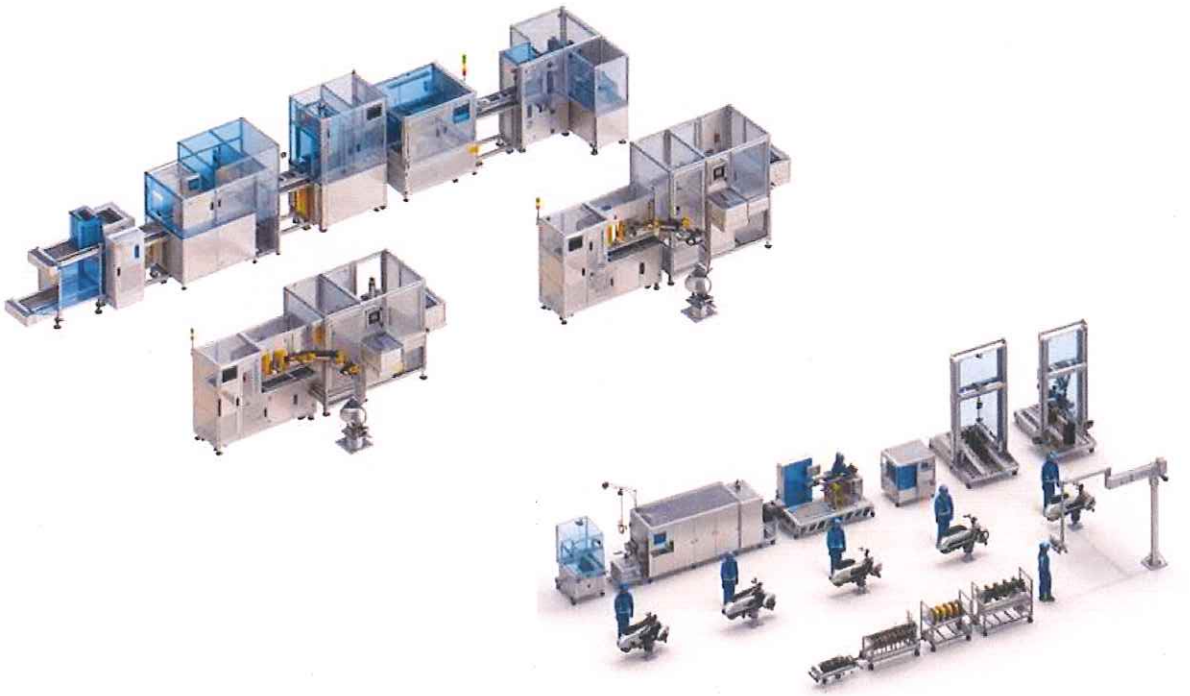




**Ảnh 8. Hình ảnh các sản phẩm điển hình trong khối Công nghệ Sản xuất**

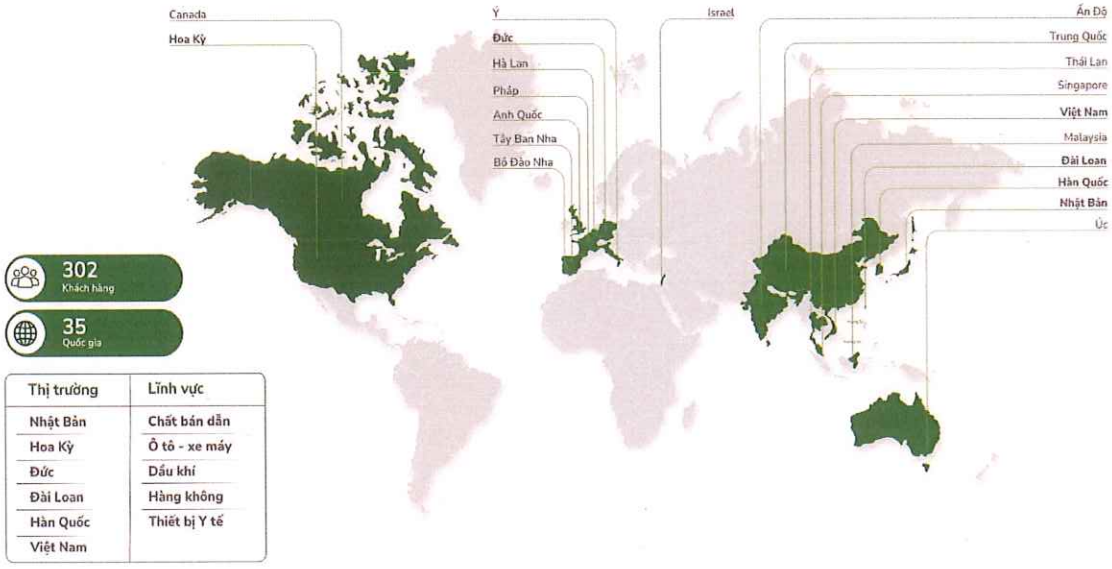


**Ảnh 9. Mạng lưới khách hàng**

7.1.2. Giải pháp Công nghiệp

Từ năm 2018, CNCTech Group bắt đầu cung cấp Giải pháp Công nghiệp cho các chủ đầu tư và nhà đầu tư với mục tiêu góp phần kiến tạo hệ sinh thái công nghiệp xanh - thông minh tại Việt Nam thông qua cung cấp hệ sinh thái 8+ dịch vụ trọn gói từ giai đoạn hình thành dự án đến suốt quá trình hoạt động.

**Bảng 12. Một số dự án tiêu biểu CNCTech Group đầu tư hoặc cung cấp dịch vụ**

| TT | Tên dự án | Hình ảnh | Thông tin |
|---|---|---|---|
| **Các dự án đang triển khai** | | | |
| 1. | Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp Nam Bình Xuyên - Green Park |  | - Vị trí: Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam<br>- Quy mô: 295,7 ha<br>- Cơ sở vật chất: Khu công nghiệp sinh thái, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, tích hợp các giải pháp xanh và thông minh |
| 2. | Dự án Trung tâm Logistics Quốc tế Bắc Giang |  | - Vị trí: Tỉnh Bắc Ninh<br>- Quy mô: 67ha<br>- Cơ sở vật chất: đồng bộ hiện đại, hệ sinh thái xanh thông minh, chứng chỉ LEED |

| TT | Tên dự án | Hình ảnh | Thông tin |
|---|---|---|---|
| 3. | Cụm công nghiệp tập trung Hợp Thịnh |  | - Vị trí: Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam<br>- Quy mô: 48,3 ha<br>- Cơ sở vật chất: đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật đáp ứng nhu cầu sản xuất của DN vừa và nhỏ |
| 4. | Dự án Intech Complex tại Khu công nghiệp Thăng Long II, Hưng Yên |  | - Vị trí: Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam<br>- Quy mô: 9,8 ha<br>- Cơ sở vật chất: Nhà xưởng hiện đại, phục vụ các doanh nghiệp công nghệ và công nghệ hỗ trợ |
| 5. | Dự án CNCTech tại Khu công nghiệp Cao Sài Gòn, Quận 9, TP. Hồ chí minh. |  | - Vị trí: TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam<br>- Quy mô: 0,6 ha<br>- Cơ sở vật chất: Tòa nhà công nghiệp – công nghệ cao với hạ tầng kỹ thuật hiện đại, phục vụ hoạt động nghiên cứu và sản xuất. |
| **Các Dự án sẽ thực hiện** | | | |
| 6. | Dự án nhà ở xã hội tại Vĩnh Phúc |  | - Vị trí: Tỉnh Phú Thọ (Vĩnh Phúc cũ), Việt Nam<br>- Quy mô: 7,8ha<br>- Cơ sở vật chất: Phát triển khu nhà ở xã hội phục vụ nhu cầu nhà ở cho Người lao động |
| 7. | Dự án CNCTech Hà Nội, Thanh Oai, Hà Nội, Dịch vụ kho bãi và lưu trữ vật tư, hàng hóa, Lotus 5 |  | - Vị trí: TP. Hà Nội, Việt Nam<br>- Quy mô: 3,5 ha<br>- Cơ sở vật chất: đồng bộ hiện đại |

| TT | Tên dự án | Hình ảnh | Thông tin |
|---|---|---|---|
| 8. | Dự án CNCTech VSIP Bắc Ninh tại Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn, Bắc Ninh |  | - Vị trí: tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam<br>- Quy mô: 3000m2<br>- Cơ sở vật chất: đồng bộ hiện đại |

Phát triển và đầu tư hạ tầng khu công nghiệp theo định hướng xanh và thông minh, bao gồm hạ tầng kỹ thuật, logistics, năng lượng xanh và hệ thống nhà ở cho công nhân, chuyên gia. Cung cấp các sản phẩm nhà xưởng, nhà kho và khu lưu trú phục vụ nhu cầu của nhà đầu tư.

Đồng thời cung cấp giải pháp công nghiệp toàn diện, bao gồm: thiết kế – xây dựng nhà xưởng, dịch vụ fitting-out, hệ thống phòng cháy chữa cháy, tư vấn pháp lý, quản lý vận hành, dịch vụ lưu trú, nhân sự và kế toán, nhằm hỗ trợ nhà đầu tư triển khai và vận hành hoạt động sản xuất một cách hiệu quả.

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

**Bảng 13. Một số dự án Giải pháp công nghiệp tiêu biểu Công ty đã hoàn thiện**

| STT | Giải pháp công nghiệp | Hình ảnh | Đối tác |
|---|---|---|---|
| 1 | Bán và cung cấp nhà xưởng/kho cho thuê tại Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, Vĩnh Phúc |   | Accton, VNPost, DB Schenker, VinwinPower, Country made, APD, UTI,… |
| 2 | Bán và cung cấp nhà xưởng cho thuê tại Khu công nghiệp Bình Xuyên |   | Mentech, SkyLight, World Elite Electronics (Việt Nam), Wesum, Zesum, ... |
| 3 | Xây dựng, bán và cho thuê nhà xưởng/nhà kho tại Khu công nghiệp Bá Thiện I |  | Compal (Việt Nam), Glitter Việt Nam, Sunway, Ability, Beifa, Seeking, Newface, Sirline, Feiliks, VNPost, JOC, FHE, KLTech, Lesus, Vitalink, Newprotec, IChain, JadeKey, ... |
| 4 | Cho thuê nhà xưởng tại Khu công nghiệp Đồng An 1, Đồng An 2, tỉnh Bình Dương |  | |

| STT | Giải pháp công nghiệp | Hình ảnh | Đối tác |
|---|---|---|---|
| 5 | Cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ nhân sự và kế toán cho khách hàng FDI |  | Dịch vụ tư vấn pháp lý đầu tư (lập Giấy chứng nhận đầu tư, Đăng ký kinh doanh, Giấy phép Môi trường,...) cho toàn bộ nhà đầu tư FDI.<br>Cung cấp dịch vụ nhân sự và kế toán cho các KH FDI khi mới thành lập Doanh nghiệp tại Việt Nam: APD, Argent Optical, Seekink,… |
| 6 | Cung cấp dịch vụ Fitting out (cải tạo nhà xưởng - hoàn thiện nội thất, cơ - điện) |  | APD, Ability, Accton, Advantec, Vitalink, UTI, Jusda |
| 7 | Cung cấp dịch vụ phòng cháy chữa cháy |  | Nhà máy Accton Việt Nam, nhà máy Ability, kho ngoại quan Sirline, Feiliks Việt Nam, nhà máy Advantec, APD, .... |

7.1.3. Dịch vụ Logistics

Cung cấp dịch vụ kho bãi đa chức năng: kho ngoại quan, CFS, phân phối, kho lạnh, EPE, HUB thương mại điện tử, nông sản, kho hàng không kéo dài, bãi container, trung chuyển,… Tiêu chuẩn quốc tế, xanh LEED, an toàn TAPA và ứng dụng công nghệ số, WMS, ERP, tích hợp AI, IoT, Big Data.

Kết nối vận tải đa phương thức: hàng không, đường bộ, đường sắt, đường biển, đường thủy nội địa, liên kết tới các cảng, cửa khẩu, cảng cạn, trung tâm logistics khu vực và quốc tế. Hợp tác phát triển tuyến vận tải xanh xuyên biên giới, trạm sạc xe điện sử dụng năng lượng mặt trời.

Cung cấp dịch vụ hải quan, xuất nhập khẩu, vận tải, giao nhận.

Cung cấp dịch vụ hỗ trợ logistics: Văn phòng, trụ sở các cơ quan, triển lãm, showroom, trạm dừng nghỉ, khách sạn, căn hộ cho thuê,…

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

**Bảng 14. Một số dự án logistics tiêu biểu của Công ty**

| STT | Tên dự án | Hình ảnh | Đối tác |
|---|---|---|---|
| **Các dự án đã hoàn thiện** | | | |
| 1 | Nhà kho, kho bãi cho thuê tại Khu công nghiệp Đồng Văn II, Hà Nam |  | VNPost |
| 2 | Nhà kho, kho bãi cho thuê tại Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, Vĩnh Phúc |  | VNPost |
| **Dự án đang triển khai** | | | |
| 3 | Trung tâm Logistics Quốc tế Bắc Giang |  | Chuỗi cung ứng quốc tế Jusda, Vận tải Quốc tế Fuliankang, Bitdeer Semiconductor Technology Pte. Ltd, Khoa học Kỹ Thuật Năng lượng Mặt trời Boviet, Chant Việt Nam |

7.1.3. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Khối Công nghệ Sản xuất: CNCTech Group sản xuất và kinh doanh với khách hàng trong nhiều ngành nghề, do đó mức độ hoạt động sản xuất và kinh doanh đều và ổn định trong năm, không có tính thời vụ.

Khối Giải pháp Công nghiệp: CNCTech Group xây dựng và kinh doanh bất động sản công nghiệp, cho thuê nhà kho, xưởng cho các doanh nghiệp sản xuất do đó hoạt động kinh doanh mảng này đều và ổn định trong năm.

Khối Dịch vụ Logistics: CNCTech Group cung cấp dịch vụ logistics toàn diện cho các đối tác trong lĩnh vực công nghiệp, hoạt động kinh doanh mảng này đều và ổn định trong năm.

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*




**Ảnh 10. CNCTech ký thỏa thuận hợp tác chiến lược với Tập đoàn Sumitomo**




**Ảnh 11. Một số hình ảnh ký kết cùng đối tác**

*7.2. Công nghệ áp dụng*

❖ Công nghệ áp dụng trong Công nghệ Sản xuất

CNCTech Group áp dụng công nghệ gia công tự động hỗ trợ của máy tính trong chế tạo sản phẩm cơ khí. Các động cơ servo điều khiển chuyển động đã được lắp đặt cho các máy CNC. Công nghệ cho phép gửi lệnh chương trình từ máy tính trực tiếp đến máy thực hiện gia công kim loại. Ứng dụng được sử dụng phổ biến nhất của loại công nghệ này là tiện hoặc phay. Ứng dụng phay CNC

trong gia công kim loại cung cấp độ chính xác và tốc độ cao. Một trong những lợi thế quan trọng nhất và lớn nhất là CNC có thể thực hiện nhiều hoạt động trong một chu trình làm việc duy nhất, chẳng hạn có thể lập trình cho trung tâm CNC thực hiện mài phẳng, khoan và phay và mọi thứ có thể được tích hợp vào một chương trình. Ngoài ra các công nghệ khác cũng được ứng dụng hỗ trợ hoàn thiện và nâng cao giá trị sản phẩm, khuôn như:

(1) Công nghệ xung điện CNC

(2) Công nghệ Cắt dây CNC

(3) Công nghệ Mài CNC

(4) Công nghệ đánh bóng gương

(5) Công nghệ Khắc Laser

(6) Công nghệ Hàn Laser

Công nghệ ép phun: dùng trong gia công vật liệu nhựa kỹ thuật có độ chính xác và độ bền cao, áp dụng công nghệ này đã góp phần cải tiến quy trình gia công hiệu quả cho các doanh nghiệp, là sự thay đổi lớn trong ngành công nghiệp chế tạo khi các sản phẩm nhựa đã dần thay thế nguồn vật liệu khác như thép, sắt, đồng,.... đang dần cạn kiệt trong tự nhiên. Công nghệ cho phép tạo hình sản phẩm cho cả những thiết kế có độ tinh xảo cao, yêu cầu khắt khe về chi tiết, độ chính xác... công nghệ ép phun còn có thêm các công nghệ gia tăng giá trị, độ chính xác và năng xuất chế tạo như:

- Sấy tách ẩm
- Robot tự động gắp, cắt cổng và kiểm trasản phẩm
- In lưới tự động
- In tampo tự động
- Lắp ráp tự động và bán tự động

Công nghệ xử lý bề mặt: ứng dụng các công nghệ xử lý bề mặt tiên tiến, chẳng hạn công nghệ Anodized là công nghệ hóa cứng nhôm giúp biến đổi bề mặt những thanh hợp kim nhôm thông thường trở thành thanh nhôm có độ cứng bề mặt ngang gần bằng với độ cứng kim cương, sử dụng phổ biến cho các chi tiết linh kiện điện tử, đồ gia dụng, ô tô, hàng không...

Công nghệ thông tin: Ứng dụng công nghệ thông tin và phần mềm trong quản trị sản xuất tại một số đơn vị thành viên của CNCTech Group như Enterprise resource planning, Manufacturing execution system.

Công nghệ tự động hóa: CNC-VINA đơn vị thành viên CNCTech Group là một trong những đơn vị đi đầu tại Việt Nam trong việc nghiên cứu, ứng dụng tự động hóa, điều khiển robot vào các máy gia công chuyên dụng, các dây chuyền lắp ráp, dây chuyền tự động tích hợp robot của mình cho rất nhiều khách hàng FDI và khách hàng nước ngoài. Góp phần đưa quá trình sản xuất tự động đến gần

hơn với nền công nghiệp non trẻ và chủ yếu sử dụng nhân công lao động năng suất thấp của Việt Nam.

Công nghệ và giải pháp tổng thể về camera thông minh: Một đối tác hợp tác đầu tư của CNCTech Group là Sky Light Holdings Ltd, Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hong Kong đã có trên 20 năm nghiên cứu phát triển và ứng dụng, Phát triển Công nghệ xử lý hình ảnh kỹ thuật số, công nghệ thiết bị kết nối tiên tiến nền tảng đám mây cho các đối tác kinh doanh.

❖ Công nghệ áp dụng trong Giải pháp Công nghiệp

Năm 2025, CNCTech đã triển khai và vận hành hệ thống CRM(Customer Relationship Management) đã trở thành một trong những bước tiến chiến lược quan trọng nhất trong quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng. Hệ thống này không chỉ hiện đại hóa quy trình mà còn tạo nền tảng dữ liệu vững chắc để hỗ trợ tăng trưởng bền vững. Các thành tựu nổi bật từ việc triển khai CRM bao gồm.

- Chuẩn hóa quy trình quản lý khách hàng: Từ việc thu thập thông tin ban đầu, theo dõi tiến độ đàm phán, đến ký kết hợp đồng, tất cả được tích hợp vào một nền tảng duy nhất, đảm bảo tính nhất quán và chuyên nghiệp trong mọi tương tác với nhà đầu tư FDI.
- Theo dõi MQL – SQL – conversion: Hệ thống cho phép phân loại và theo dõi chính xác từ Marketing Qualified Lead (MQL) → Sales Qualified Lead (SQL) → cơ hội chuyển đổi thành hợp đồng, giúp đội ngũ bán hàng xác định điểm nghẽn, tối ưu hóa chiến lược tiếp cận và nâng cao tỷ lệ chuyển đổi.
- Cải thiện dự báo doanh thu: Theo sát kế hoạch dòng tiền, dự báo doanh thu theo từng tháng/quý/năm. Ngoài ra, với dữ liệu lịch sử, xu hướng hành vi khách hàng và pipeline thời gian thực, giúp công ty thể dự báo chính xác hơn về doanh thu từ các dịch vụ, hỗ trợ lập kế hoạch tài chính và đầu tư hạ tầng hiệu quả hơn.

❖ Công nghệ áp dụng trong Dịch vụ Logistics

Công nghệ thông tin, vận hành kho VMI: Các dự án hợp tác giữa CNCTech - VNPOST - DB Schenker thiết lập nên chuỗi kho cung ứng cải tiến và khác biệt so với kho truyền thống. Đây là hệ thống kho ngoại quan và VMI (Vendor Managed Inventory) mang quy trình sản xuất tự động đến gần hơn với nền công nghiệp non trẻ và chủ yếu sử dụng nhân công lao động năng suất thấp.

Điểm khai báo Hải quan tự động - thông qua AI Agent: Khai báo Hải quan tự động hóa 100% bằng AI Agent, kết nối trực tiếp giữa nền tảng khai báo Hải quan Trung Quốc và Việt Nam. Quy trình chuẩn hóa dữ liệu, đối chiếu và truyền tờ khai được thực hiện tự động, qua đó rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao độ chính xác và tối ưu chi phí vận hành. Giải pháp này đặc biệt phù hợp với khối lượng lớn hàng hóa xuất nhập khẩu, hàng hóa trong danh mục thương mại điện tử xuyên biên giới, đồng thời đang được mở rộng áp dụng cho hàng hóa từ Nhật Bản và các quốc gia khác. Việc tích hợp công nghệ ở cấp độ nền tảng không chỉ nâng cao hiệu suất khai thác mà còn tạo khả năng xử lý quy mô lớn, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của chuỗi cung ứng khu vực.

*7.3. Cơ cấu doanh thu thuần, lợi nhuận gộp*

7.3.1. Cơ cấu doanh thu thuần theo từng hoạt động qua các năm

**Bảng 15. Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty mẹ qua các năm**

Đvt: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2024 | | Năm 2025 | | % tăng/ (giảm) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | |
| 1 | Doanh thu thuần từ Công nghệ Sản xuất | 45.375 | 24,82% | 26.371 | 18,33% | -41,88% |
| 2 | Doanh thu thuần từ Giải pháp Công nghiệp | 16.328 | 8,93% | - | - | |
| 3 | Doanh thu thuần từ Dịch vụ Logistics | 121.112 | 66,25% | 117.514 | 81,67% | -2,97% |
| | **Tổng cộng** | **182.815** | **100%** | **143.885** | **100%** | **-21,29%** |

(Nguồn: CNCTech Group)

Năm 2025, tổng doanh thu thuần của Công ty mẹ đạt 143.885 triệu đồng, giảm 21,29% so với năm 2024 (tương ứng giảm 38.930 triệu đồng). Doanh thu thuần sụt giảm chủ yếu do Công ty mẹ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thị trường trong nước. Trong bối cảnh nền kinh tế có dấu hiệu chững lại, cùng với những bất ổn về chính trị và các xung đột trên thế giới, tâm lý thị trường và nhu cầu tiêu dùng có xu hướng thận trọng hơn, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh và làm giảm doanh thu thuần của Công ty so với kỳ trước.

Xét theo từng lĩnh vực hoạt động, doanh thu từ Công nghệ Sản xuất năm 2025 đạt 26.371 triệu đồng, giảm 41,88% so với năm 2024; tỷ trọng trong tổng doanh thu cũng giảm từ 24,82% xuống còn 18,33%. Đối với Giải pháp Công nghiệp, năm 2025 Công ty không phát sinh doanh thu, trong khi năm 2024 ghi nhận 16.328 triệu đồng, chiếm 8,93% tổng doanh thu. Trong khi đó, doanh thu từ Dịch vụ Logistics đạt 117.514 triệu đồng, giảm nhẹ 2,97% so với năm 2024.

**Bảng 16. Cơ cấu doanh thu thuần Hợp nhất qua các năm**

Đvt: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2024 | | Năm 2025 | | % tăng/ (giảm) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | |
| 1 | Doanh thu thuần từ Công nghệ Sản xuất | 509.641 | 31,13% | 798.428 | 36,14% | 56,66% |
| 2 | Doanh thu thuần từ Giải pháp Công nghiệp | 486.023 | 29,69% | 809.122 | 36,63% | 66,48% |
| 3 | Doanh thu thuần từ Dịch vụ Logistics | 641.575 | 39,19% | 601.511 | 27,23% | -6,24% |
| | **Tổng cộng** | **1.637.239** | **100%** | **2.209.061** | **100%** | **34,93%** |

(Nguồn: CNCTech Group)

Năm 2025, tổng doanh thu thuần của Công ty đạt 2.209.061 triệu đồng, tăng 34,93% so với năm 2024 (tương ứng tăng 571.822 triệu đồng). Sự gia tăng này chủ yếu đến từ mức tăng trưởng mạnh của các lĩnh vực Công nghệ Sản xuất và Giải pháp Công nghiệp.

Cụ thể, doanh thu thuần từ Công nghệ Sản xuất năm 2025 đạt 798.428 triệu đồng, tăng 56,66% so với năm 2024. Đồng thời, tỷ trọng doanh thu của lĩnh vực này trong tổng doanh thu cũng tăng từ 31,13% lên 36,14%, cho thấy hoạt động trong mảng công nghệ sản xuất có sự mở rộng đáng kể và đóng góp ngày càng lớn vào kết quả kinh doanh của Công ty. Doanh thu thuần từ Giải pháp Công nghiệp ghi nhận mức tăng trưởng cao, đạt 809.121 triệu đồng, tăng 66,48% so với năm trước. Tỷ trọng doanh thu cũng tăng từ 29,69% lên 36,63%, phản ánh nhu cầu thị trường đối với các Giải pháp công nghiệp có xu hướng gia tăng, đồng thời cho thấy Công ty đã đẩy mạnh khai thác hiệu quả lĩnh vực kinh doanh này.

Năm 2025, trong bối cảnh tình hình chính trị thế giới có nhiều diễn biến căng thẳng, gây ảnh hưởng đáng kể đến nhiều ngành nghề và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, Công ty đã chủ động triển khai nhiều giải pháp thích ứng linh hoạt nhằm duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh. Cụ thể, Công ty đã thực hiện điều chỉnh và chuyển dịch hoạt động sản xuất giữa các nhà máy tại các vùng miền, đồng thời triển khai các giải pháp nhằm tối ưu hóa năng lực sản xuất và thích ứng với những biến động của thị trường.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đẩy mạnh thu hút đầu tư và đưa các dự án mới vào vận hành, góp phần ổn định hoạt động sản xuất và nâng cao năng lực cung ứng. Nhờ các giải pháp kịp thời và hiệu quả, Công ty tiếp tục duy trì và gia tăng số lượng đơn hàng từ các đối tác FDI, đặc biệt là các đối tác đến từ Nhật Bản, Hoa Kỳ và các quốc gia phát triển, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng doanh thu trong năm 2025.

7.3.2. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo từng hoạt động qua các năm

**Bảng 17. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ qua các năm**

Đvt: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2024 | | Năm 2025 | | % tăng/ (giảm) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | |
| 1 | Lợi nhuận gộp từ Công nghệ Sản xuất | 842 | 1,68% | 420 | 0,96% | -50,12% |
| 2 | Lợi nhuận gộp từ Giải pháp Công nghiệp | 4.639 | 9,26% | - | - | - |
| 3 | Lợi nhuận gộp từ Dịch vụ Logistics | 44.639 | 89,06% | 43.154 | 99,04% | -3,33% |
| | **Tổng cộng** | **50.119** | **100%** | **43.574** | **100%** | **-13,06%** |

(Nguồn: CNCTech Group)

Tổng lợi nhuận gộp năm 2025 của Công ty mẹ đạt 43.574 triệu đồng, giảm 13,06% so với năm 2024 (50.119 triệu đồng). Mức giảm này chủ yếu do sự sụt giảm lợi nhuận gộp ở một số lĩnh vực hoạt động Công nghệ Sản xuất và Giải pháp Công nghiệp.

Cụ thể, lợi nhuận gộp từ Công nghệ Sản xuất đạt 420 triệu đồng, giảm 50,12% so với năm 2024, đồng thời tỷ trọng trong tổng lợi nhuận gộp giảm từ 1,68% xuống còn 0,96%. Lợi nhuận gộp từ Dịch vụ Logistics đạt 43.154 triệu đồng, giảm 3,33% so với năm trước, tuy nhiên vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ, tăng từ 89,06% lên 99,04%.

Nhìn chung, biến động lợi nhuận gộp năm 2025 phù hợp với xu hướng biến động của doanh thu thuần. Cụ thể, doanh thu thuần của Công ty mẹ giảm 21,29% so với năm 2024, kéo theo lợi nhuận gộp giảm 13,06%, phản ánh tác động của bối cảnh kinh tế thị trường đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ.

**Bảng 18. Cơ cấu lợi nhuận gộp Hợp nhất qua các năm**

Đvt: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2024 | | Năm 2025 | | % tăng/ (giảm) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | |
| 1 | Lợi nhuận gộp từ Công nghệ Sản xuất | 70.824 | 15,30% | 84.514 | 17,21% | 19,33% |
| 2 | Lợi nhuận gộp từ Giải pháp Công nghiệp | 50.427 | 10,89% | 93.263 | 18,99% | 84,95% |
| 3 | Lợi nhuận gộp từ Dịch vụ Logistics | 341.734 | 73,81% | 313.254 | 63,80% | -8,33% |
| | **Tổng cộng** | **462.986** | **100%** | **491.031** | **100%** | **6,06%** |

(Nguồn: CNCTech Group)

Công ty tập trung cung cấp hệ sinh thái dịch vụ gồm: Công nghệ Sản xuất, Giải pháp Công nghiệp, Dịch vụ Logistics. Trong đó, Công nghệ Sản xuất bao gồm sản xuất hàng hóa thành phẩm và gia công, sửa chữa theo đơn đặt hàng,…; Giải pháp Công nghiệp bao gồm thiết kế và xây dựng công trình công nghiệp,fit-out và cải tạo nhà xưởng, giải pháp phòng cháy chữa cháy (PCCC), quản lý vận hành Khu công nghiệp và nhà xưởng,…; Dịch vụ Logistics bao gồm cho thuê/ chuyển nhượng nhà xưởng/đất công nghiệp, nhà kho, văn phòng, dịch vụ logistics…

Năm 2024, lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty đạt 462.986 triệu đồng. Trong đó, lợi nhuận gộp từ Công nghệ Sản xuất đạt 70.824 triệu đồng, chiếm 15,30%; Giải pháp Công nghiệp đạt 50.427 triệu đồng, chiếm 10,89%; và Dịch vụ Logistics đạt 341.734 triệu đồng, chiếm 73,81% tổng lợi nhuận gộp.

Sang năm 2025, tổng lợi nhuận gộp hợp nhất đạt 491.031 triệu đồng, tăng 6,06% so với năm 2024. Trong đó, lợi nhuận gộp từ Công nghệ Sản xuất đạt 84.514 triệu đồng, tăng 19,33% so với năm 2024 và chiếm 17,21% trong tổng cơ cấu lợi nhuận gộp; Giải pháp Công nghiệp đạt 93.263 triệu

đồng, tăng 84,95% so với năm 2024 và chiếm 18,99% trong tổng cơ cấu lợi nhuận gộp; trong khi Dịch vụ Logistics đạt 313.254 triệu đồng, giảm 8,33% so với năm 2024 và chiếm 63,80% tổng lợi nhuận gộp.

Sự tăng lên của lợi nhuận gộp chủ yếu tới từ việc mở rộng sản xuất kinh doanh. Cụ thể:

Trong Công nghệ Sản xuất: Công ty đã liên tục triển khai xây dựng nhà máy mới để mở rộng sản xuất, nâng cấp dây chuyền kĩ thuật đáp ứng được đa dạng nhu cầu của Khách hàng, tận dụng lợi thế kinh tế về quy mô.Tổng hợp kết quả của các nỗ lực trên đã nâng lợi nhuận gộp Công nghệ Sản xuất của Công ty từ 70.824 triệu đồng năm 2024 lên 84.514 triệu đồng năm 2025.

Trong Giải pháp Công nghiệp, Dịch vụ Logistics: Công ty tập trung cung cấp các giải pháp toàn diện, chất lượng cao nhằm thu hút các nhà đầu tư. Hệ sinh thái tam giác cân với ba trụ cột hoạt động bổ trợ "Đầu tư - Dịch vụ công nghiệp - Logistics" đã mang lại hiệu suất chi phí hợp lý, ổn định.

*7.4. Cơ cấu chi phí*

**Bảng 19. Cơ cấu chi phí của Công ty mẹ qua các năm**

Đvt: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2024 | | Năm 2025 | | % tăng/(giảm) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | |
| 1 | Giá vốn hàng bán | 132.696 | 58,10% | 100.311 | 48,20% | -24,41% |
| 2 | Chi phí tài chính | 59.532 | 26,07% | 64.441 | 30,96% | 8,25% |
| | *- Trong đó: Chi phí lãi vay* | *54.638* | 23,92% | *45.098* | 21,67% | -17,46% |
| 3 | Chi phí bán hàng | 1.144 | 0,50% | 3.370 | 1,62% | 194,58% |
| 4 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 34.840 | 15,26% | 39.013 | 18,75% | 11,98% |
| 5 | Chi phí khác | 171 | 0,07% | 986 | 0,47% | 476,61% |
| | **Tổng cộng** | **228.383** | **100%** | **208.121** | **100%** | **-8,87%** |

(Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

Tổng chi phí của Công ty mẹ năm 2025 ghi nhận 208.121 triệu đồng, giảm 8,87% so với năm 2024 (228.383 triệu đồng). Mức giảm chủ yếu do giá vốn hàng bán giảm theo sự sụt giảm của doanh thu; cụ thể giá vốn hàng bán năm 2025 đạt 100.311, giảm 24,41% so với năm trước.
Ngược lại, một số khoản chi phí có xu hướng tăng trong năm. Chi phí tài chính đạt 64.441 triệu đồng, tăng 8,25% so với năm 2024, mặc dù chi phí lãi vay giảm 17,46% xuống còn 45.098 triệu đồng, cho thấy mức tăng chủ yếu đến từ các khoản chi phí tài chính khác. Chi phí bán hàng đạt 3.370 triệu đồng, tăng 194,58% so với năm 2024, nguyên nhân chủ yếu do Năm 2025 biến động về kinh tế chính trị trong nước và quốc tế ảnh hưởng lớn đến việc phát triển khách hàng FDI của Công ty, dẫn tới, chi phí bán hàng của Công ty tăng mạnh so với năm 2025.

**Bảng 20. Cơ cấu chi phí Hợp nhất qua các năm**

Đvt: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2024 | | Năm 2025 | | % tăng/(giảm) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | |
| 1 | Giá vốn hàng bán | 1.174.253 | 76,46% | 1.718.030 | 80,16% | 46,31% |
| 2 | Chi phí tài chính | 195.497 | 12,73% | 224.785 | 10,49% | 14,98% |
| | *- Trong đó: Chi phí lãi vay* | *189.249* | *12,32%* | *211.780* | 9,88% | 11,91% |
| 3 | Chi phí bán hàng | 28.425 | 1,85% | 44.973 | 2,10% | 58,22% |
| 4 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 132.154 | 8,60% | 148.086 | 6,91% | 12,06% |
| 5 | Chi phí khác | 5.463 | 0,36% | 7.279 | 0,34% | 33,24% |
| | **Tổng cộng** | **1.535.792** | **100%** | **2.143.153** | **100%** | **39,55%** |

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

Cơ cấu chi phí hợp nhất năm 2025 ghi nhận xu hướng gia tăng mạnh cả về quy mô và có sự dịch chuyển nhất định về tỷ trọng. Tổng chi phí đạt 2.143.153 triệu đồng, tăng 39,55% so với năm 2024, phù hợp với mức tăng trưởng và mở rộng hoạt động kinh doanh.

Giá vốn hàng bán tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí, đạt 1.718.030 triệu đồng, tăng 46,31% so với năm trước và nâng tỷ trọng từ 76,46% lên 80,16%. Nguyên nhân chủ yếu do doanh thu thuần hợp nhất trong năm tăng mạnh (34,93% so với năm trước), kéo theo quy mô giá vốn tăng tương ứng. Bên cạnh đó, trong bối cảnh kinh tế - chính trị thế giới có nhiều biến động như bất ổn địa chính trị, xung đột kéo dài tại một số khu vực, cùng với xu hướng thắt chặt chính sách thuế quan và thương mại quốc tế, đã làm gia tăng chi phí đầu vào, gián đoạn chuỗi cung ứng và ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả sản xuất – kinh doanh, qua đó tạo áp lực làm tăng giá vốn.

Chi phí tài chính tăng 14,98%, đạt 224.785 triệu đồng, tuy nhiên tỷ trọng lại giảm từ 12,73% xuống 10,49%. Trong đó, chi phí lãi vay tăng 11,91% nhưng tỷ trọng giảm xuống còn 9,88%, cho thấy Công ty đã có sự cải thiện nhất định trong việc kiểm soát chi phí vốn và tối ưu cơ cấu nguồn tài trợ.

Chi phí bán hàng tăng mạnh 58,22%, đạt 44.973 triệu đồng, làm tỷ trọng tăng từ 1,85% lên 2,10%. Sự gia tăng này ngoài yếu tố mở rộng hoạt động kinh doanh còn chịu tác động từ bối cảnh thị trường kém thuận lợi, nhu cầu suy giảm, cần đẩy mạnh các hoạt động bán hàng, marketing và phát sinh thêm chi phí môi giới để duy trì doanh thu.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 12,06% lên 148.086 triệu đồng, nhưng tỷ trọng giảm từ 8,60% xuống 6,91%, phản ánh việc Công ty đã kiểm soát tốt chi phí quản lý trong bối cảnh quy mô hoạt động gia tăng.

Chi phí khác tăng 33,24% nhưng vẫn chiếm tỷ trọng không đáng kể (khoảng 0,34%), nên không ảnh hưởng lớn đến tổng thể.

Nhìn chung, năm 2025 Công ty chịu tác động kép từ việc mở rộng quy mô kinh doanh và bối cảnh kinh tế vĩ mô kém thuận lợi, dẫn đến chi phí tăng mạnh, đặc biệt là giá vốn và chi phí bán hàng. Điều này tạo áp lực lên biên lợi nhuận, đòi hỏi Công ty tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị chi phí và tối ưu chuỗi cung ứng trong thời gian tới.

### *7.5. Hoạt động marketing*

Hoạt động marketing của Công ty cụ thể là công tác nghiên cứu thị trường luôn được coi trọng vì đây là khâu nối liền giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Công ty đã triển khai hoạt động nghiên cứu thị trường dưới nhiều hình thức khác nhau, cụ thể:

Tiến hành thu thập ý kiến khách hàng trong quá trình cung cấp sản phẩm để có được những thông tin phản hồi về sản phẩm. Trên cơ sở đó, Công ty tiến hành cải tiến sản phẩm hay nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới.

Đánh giá chất lượng cung ứng sản phẩm (số lượng, năng lực tài chính, địa điểm kinh doanh…) của các nhà phân phối để từ đó Công ty có những biện pháp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Liên tục tìm kiếm và nghiên cứu các sản phẩm mới tiên tiến, cũng như các xu hướng phát triển trong ngành cơ khí chính xác, đúc ép nhựa, điện tử, bán dẫn, thiết bị camera,… phù hợp với khả năng của CNCTech Group và nhu cầu của thị trường.

Tiếp thị có chọn lọc, tập trung vào các phân khúc khách hàng công nghệ cao, linh kiện điện tử và bán dẫn. Chiến lược này phù hợp với định hướng phát triển các khu công nghiệp xanh - thông minh và hệ thống hạ tầng đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Thường xuyên tổ chức các sự kiện xúc tiến đầu tư quốc tế tại các thị trường trọng điểm, kết hợp các hội thảo chuyên đề trực tuyến và tích cực tham gia diễn đàn, Hiệp hội chuyên ngành để chia sẻ thông tin, xu hướng và giải pháp mà nhà đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp và logistics quan tâm.

Ứng dụng công nghệ số trong chiến lược tiếp thị: CNCTech Group tiên phong ứng dụng công nghệ vào hoạt động marketing nhằm tối ưu hiệu quả tiếp cận và chăm sóc khách hàng. Doanh nghiệp sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để xác định khách hàng tiềm năng, nhắm trúng nhu cầu và hành vi thị trường. Các chiến dịch AI marketing được triển khai bài bản, đồng bộ với hệ thống quản trị quan hệ khách hàng (CRM), giúp phân tích sâu sắc nhu cầu khách hàng và dự báo xu hướng thị trường, từ đó đưa ra các giải pháp tiếp cận phù hợp và kịp thời.

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

### 7.6. *Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế*

Hiện tại, Công ty đã được Cục sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu Công ty, theo bảng dưới đây:

**Bảng 21. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế**

| Chỉ tiêu | Hình ảnh | |
|---|---|---|
| Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu CNCTech | 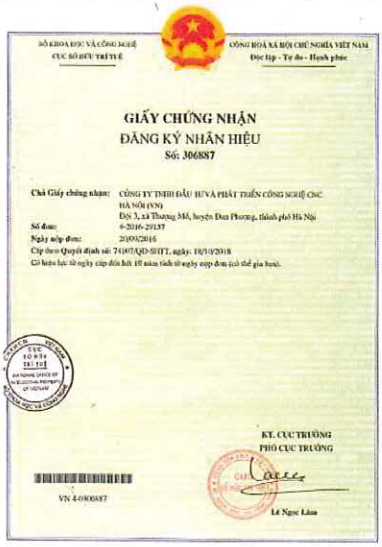<br>GIẤY CHỨNG NHẬN<br>ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU<br>Số: 306887 | 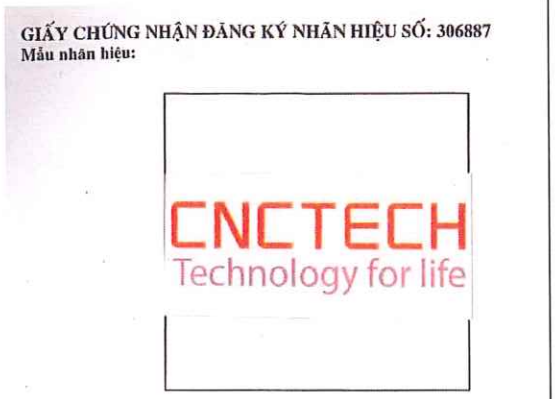<br>GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU SỐ: 306887<br>Mẫu nhãn hiệu:<br>CNCTECH<br>Technology for life |

*(Nguồn: CNCTech Group)*

### 7.7. *Chính sách nghiên cứu và phát triển*

Việc đầu tư cho nghiên cứu phát triển, tiên phong trong công nghệ và không ngừng cải tiến sản xuất được coi là yếu tố tạo lợi thế cạnh tranh bền vững của doanh nghiệp. Để đáp ứng các tiêu chuẩn của các khách hàng và hướng tới xuất khẩu tại các thị trường phát triển, các nhà máy luôn duy trì tuân thủ và đáp ứng tiêu chuẩn của các hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý môi trường, một số tiêu chuẩn quốc tế đã đạt được như ISO 9001, ISO 14001, RBA, UL, TAPA,…

Công ty ưu tiên đầu tư vào R&D ứng dụng, phát triển sản phẩm mới và tối ưu hóa sản xuất. Ban lãnh đạo Công ty chủ trương tăng cường cải tiến các quy trình quản lý của doanh nghiệp, nhằm tăng năng suất lao động, tối ưu hóa nguyên vật liệu, giảm tỷ lệ tiêu hao trong sản xuất, tiết kiệm năng lượng và đẩy mạnh hiệu quả sản xuất kinh doanh. Bên cạnh việc ứng dụng, phát triển các công nghệ như: công nghệ CNCTech, công nghệ phun ép nhựa kỹ thuật độ chính xác cao, công nghệ xử lý bề mặt, tự động hóa, công nghệ thông tin,… Trong khối Giải pháp Công nghiệp, CNCTech cũng đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) trong xây dựng khu công nghiệp (KCN) và nhà xưởng bao gồm phân tích nhu cầu thị trường, xu hướng đầu tư và yêu cầu kỹ thuật; quy hoạch KCN với vị trí tối ưu, thiết kế phân khu bằng GIS; ứng dụng công nghệ xây dựng tiên tiến như vật liệu đúc sẵn, BIM và giải pháp tiết kiệm năng lượng; thiết kế hạ tầng điện, nước, xử lý thải, tích hợp IoT; đánh giá tác động môi trường, xã hội, hướng tới KCN sinh thái; nghiên cứu chính sách, pháp

lý, đề xuất ưu đãi và mô hình quản lý hiệu quả; triển khai chuyển đổi số với KCN thông minh sử dụng AI, Big Data; và thực hiện dự án thí điểm, thu thập phản hồi để cải tiến.

## 8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm gần nhất và trong kỳ gần nhất (nếu có)

### *8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh*

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty trong 02 năm gần nhất được như sau:

**Bảng 22. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ**

Đvt: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 | % tăng/(giảm) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng tài sản | 2.074.754 | 1.985.505 | -4,30% |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | 1.051.283 | 1.096.097 | 4,26% |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 182.815 | 143.885 | -21,29% |
| 4 | Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 132.696 | 100.311 | -24,41% |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 50.119 | 43.574 | -13,06% |
| 6 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 6.249 | 46.883 | 650,25% |
| 7 | Lợi nhuận/(Lỗ) khác | 122 | -335 | -374,59% |
| 8 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 6.371 | 46.547 | 630,61% |
| 9 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 6.371 | 45.414 | 612,82% |
| 10 | Tỷ lệ cổ tức (%) | - | - | - |
| 11 | Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân (%) | 0,61% | 4,23% | - |

(Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

Năm 2025, quy mô tài sản của Công ty mẹ đạt 1.985.505 triệu đồng, giảm 4,30% so với năm 2024, tuy nhiên, vốn chủ sở hữu tăng 4,26%, đạt 1.096.097 triệu đồng, phản ánh năng lực tài chính được củng cố thông qua tích lũy lợi nhuận.

Doanh thu thuần năm 2025 đạt 143.885 triệu đồng, giảm 21,29% so với năm trước. Sự sụt giảm này chủ yếu xuất phát từ bối cảnh kinh tế - chính trị thế giới có nhiều biến động, bao gồm tình hình địa chính trị bất ổn, xung đột kéo dài tại một số khu vực, cùng với xu hướng thắt chặt chính sách thuế quan và thương mại quốc tế. Những yếu tố này đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất – kinh doanh, làm suy giảm nhu cầu thị trường và gián đoạn chuỗi cung ứng, từ đó khiến sản lượng tiêu thụ và doanh thu của Công ty mẹ giảm. Tương ứng, giá vốn hàng bán cũng giảm 24,41% do quy

mô hoạt động thu hẹp và sản lượng tiêu thụ giảm, dẫn đến lợi nhuận gộp giảm 13,06%, đạt 43.574 triệu đồng.

Điểm đáng chú ý là lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ tăng đột biến, đạt 46.883 triệu đồng, tăng 650,25% so với năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Công ty mẹ ghi nhận khoản thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia từ các công ty con, góp phần làm gia tăng đáng kể nguồn thu tài chính trong kỳ. Bên cạnh đó, Công ty mẹ đã thực hiện kiểm soát chi phí hiệu quả hơn trong bối cảnh doanh thu suy giảm.

Kết quả, lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ đạt 46.547 triệu đồng, tăng 630,61% và lợi nhuận sau thuế đạt 45.414 triệu đồng, tăng 612,82% so với năm trước. Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) cũng được cải thiện rõ rệt từ 0,61% lên 4,23%, cho thấy hiệu quả sử dụng vốn đã được nâng cao đáng kể.

**Bảng 23. Kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất**

Đvt: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 | % tăng/(giảm) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng tài sản | 6.215.364 | 7.399.083 | 19,05% |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | 2.055.996 | 2.280.114 | 10,90% |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.637.239 | 2.209.060 | 34,93% |
| 4 | Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 1.174.253 | 1.718.030 | 46,31% |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 462.986 | 491.030 | 6,06% |
| 6 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 188.500 | 211.608 | 12,26% |
| 7 | Lợi nhuận khác | 176.367 | 3.109 | -98,24% |
| 8 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 364.867 | 214.717 | -41,15% |
| 9 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 306.233 | 200.490 | -34,53% |
| 10 | Tỷ lệ cổ tức (%) | - | - | - |
| 11 | Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân (%) | 18,29% | 9,25% | - |

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

Năm 2025, Công ty dự báo được những khó khăn trong lĩnh vực sản xuất giữa bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu, CNCTech Group đã chuẩn bị sẵn sàng, thích ứng với thay đổi thời cuộc, thực hiện chiến lược mở rộng thị trường quốc tế cho hoạt động Công nghệ Sản xuất và tăng tốc đầu tư, phát triển dịch vụ trọn gói, tăng cường xúc tiến thương mại, thu hút đầu tư FDI cho các dự án cho hoạt động Giải pháp Công nghiệp và Dịch vụ Logistics. Nhờ những nỗ lực đó, CNCTech Group đã ghi nhận tăng trưởng bứt phá về doanh thu, vượt kế hoạch trên tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh, đạt chỉ số tăng trưởng doanh thu lên tới 34,93%. Trong đó, các Công ty hoạt động về Công nghệ tăng hơn 50%, toàn hệ thống tăng trưởng 35% và toàn hệ sinh thái tăng trưởng trên 20%.

Quy mô tài chính của Công ty tiếp tục được mở rộng với tổng tài sản đạt 7.399.083 triệu đồng, tăng 19,05% và vốn chủ sở hữu đạt 2.280.114 triệu đồng, tăng 10,90%, cho thấy năng lực tài chính được củng cố. Tuy nhiên, giá vốn hàng bán đạt 1.718.030 triệu đồng, tăng 46,31%. Nguyên nhân chủ yếu do doanh thu tăng mạnh kéo theo giá vốn tăng tương ứng. Đồng thời, bối cảnh kinh tế - chính trị thế giới phức tạp, bao gồm bất ổn địa chính trị, xung đột kéo dài và xu hướng gia tăng rào cản thương mại, đã làm gia tăng chi phí đầu vào, gián đoạn chuỗi cung ứng và biến động giá nguyên vật liệu, qua đó tạo áp lực lớn lên giá vốn và làm thu hẹp biên lợi nhuận.

Do ảnh hưởng của giá vốn tăng cao, lợi nhuận gộp chỉ đạt 491.030 triệu đồng, tăng nhẹ 6,06% so với năm trước. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh vẫn duy trì tăng trưởng, đạt 211.608 triệu đồng, tăng 12,26%, cho thấy hoạt động cốt lõi vẫn giữ được hiệu quả nhất định. Tuy nhiên, lợi nhuận khác giảm mạnh 98,24% do năm 2024 Công ty ghi nhận khoản thu nhập bất thường lớn. Cụ thể, trong năm 2024, Công ty ghi nhận khoản thu nhập khác khoảng 179.260 triệu đồng, phát sinh từ việc CTCP Tập đoàn FSI (công ty con) thực hiện đánh giá lại tài sản, bao gồm Quyền sử dụng đất số CM668019 cấp ngày 18/10/2018 và Dự án hạ tầng, Kho bãi Trung tâm Logistics Quốc tế TP. Bắc Giang với quy mô 64 ha.

Nếu loại trừ yếu tố bất thường nêu trên, lợi nhuận kế toán trước thuế hợp nhất năm 2024 đạt khoảng 185.606 triệu đồng; so với đó, lợi nhuận kế toán trước thuế hợp nhất năm 2025 đạt 214.717 triệu đồng, tương ứng mức tăng trưởng khoảng 15,68%. Tương tự, lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2025 đạt 200.490 triệu đồng, cao hơn mức lợi nhuận sau thuế đã loại trừ yếu tố bất thường của năm 2024, phản ánh hiệu quả thực chất của hoạt động kinh doanh tiếp tục được cải thiện. Đồng thời, tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) cũng có xu hướng biến động phù hợp với diễn biến lợi nhuận: nếu xét trên cơ sở loại trừ yếu tố bất thường, ROE năm 2025 được cải thiện so với năm 2024, cho thấy hiệu quả sử dụng vốn của Công ty trong hoạt động kinh doanh cốt lõi vẫn duy trì ở mức tích cực.

Nhìn chung, Công ty vẫn duy trì được đà tăng trưởng doanh thu và mở rộng quy mô hoạt động, đồng thời hoạt động kinh doanh cốt lõi tiếp tục cải thiện, dù chịu áp lực từ chi phí gia tăng và biến động của môi trường kinh doanh.




**Ảnh 12. CNCTech Group đạt Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR500 và Top 10 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam FAST500**

*8.2. Thuận lợi và khó khăn*

8.2.1. Khối Công nghệ Sản xuất

❖ Thuận lợi

Nhu cầu thị trường lớn: Việt Nam đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng tỷ lệ nội địa hóa lên 45-50%, thu hút FDI trong các lĩnh vực như điện tử, bán dẫn, ô tô… Các tập đoàn đa quốc gia cũng đang tìm kiếm đối tác sản xuất tại Việt Nam để giảm chi phí và tối ưu chuỗi cung ứng. Điều này tạo ra nhu cầu rất lớn về các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ như linh kiện, phụ tùng, nguyên vật liệu.

Biến động địa chính trị toàn cầu: Sự dịch chuyển chuỗi cung ứng khỏi Trung Quốc do chiến lược "friendshoring" của Mỹ và EU đang tạo điều kiện cho Việt Nam thu hút nhiều tập đoàn công nghệ, điện khí hoá và cơ khí chính xác. Chính sách hỗ trợ sản xuất của các nước phương Tây và nhu cầu mở rộng công suất tại Đông Nam Á khiến nhu cầu về linh kiện, vật liệu công nghiệp và gia công chính xác gia tăng mạnh.

Chính sách hỗ trợ của nhà nước: Chính phủ Việt Nam đã và đang triển khai nhiều chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, đất đai, đào tạo nguồn nhân lực… nhằm khuyến khích phát triển công nghiệp hỗ trợ (như Quyết định 9028/QĐ-BCT, Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2021-2025).

Hoàn thiện hạ tầng: Sự phát triển mạnh mẽ của cơ sở hạ tầng, đặc biệt là các khu công nghiệp hiện đại và các tuyến giao thông kết nối, sẽ tạo ra cơ hội lớn cho ngành sản xuất công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam.

Lợi thế về chi phí lao động: So với nhiều nước trong khu vực, chi phí lao động ở Việt Nam còn tương đối thấp, tạo lợi thế cạnh tranh về giá thành sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

Hội nhập kinh tế quốc tế: Việc Việt Nam tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) như CPTPP, EVFTA… mở ra cơ hội tiếp cận thị trường quốc tế rộng lớn cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

Năng lực sản xuất trong nước được cải thiện: Các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam đã có những bước tiến nhất định về năng lực sản xuất, công nghệ, chất lượng sản phẩm trong một số lĩnh vực như khuôn mẫu, linh kiện cơ khí, nhựa, cao su…

❖ Khó khăn

Năng lực cạnh tranh còn hạn chế: Phần lớn doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam là doanh nghiệp nhỏ và vừa, năng lực về vốn, công nghệ, quản lý còn yếu, khó đáp ứng được yêu cầu khắt khe về chất lượng, số lượng và thời gian giao hàng của các doanh nghiệp FDI và các tập đoàn đa quốc gia.

Khả năng tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu còn thấp: Do hạn chế về năng lực, các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam chủ yếu cung cấp cho thị trường nội địa hoặc tham gia vào các khâu có giá trị gia tăng thấp trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Thiếu liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước: Sự liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam còn lỏng lẻo, chưa hình thành được chuỗi cung ứng bền vững.

Nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu: Đội ngũ kỹ sư, công nhân kỹ thuật lành nghề trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ còn thiếu hụt, ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng sản phẩm.

Khó khăn về vốn: Doanh nghiệp nhỏ và vừa công nghệ hỗ trợ gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng để đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất.

8.2.2. Khối Giải pháp Công nghiệp

❖ Thuận lợi

Xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu: Năm 2025 diễn ra trong bối cảnh kinh tế toàn cầu tiếp tục biến động do điều chỉnh chính sách thương mại, bất ổn địa chính trị và xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng. Việc Hoa Kỳ nhiều lần thay đổi tăng chính sách thuế nhập khẩu trong năm (ngày 2/4/2025 thông báo thuế quan mức áp dụng cho Việt Nam: 46%; ngày 2/7 áp dụng mức 20%) đã ảnh hưởng lớn đến tâm lý nhà đầu tư quốc tế, khiến các quyết định mở rộng sản xuất được cân nhắc thận trọng. Song song đó, xu hướng đa dạng hóa chuỗi cung ứng theo chiến lược "China + 1" tiếp tục thúc đẩy dịch chuyển đầu tư sản xuất vào các quốc gia có môi trường ổn định và chi phí cạnh tranh. Xu hướng các doanh nghiệp đa quốc gia dịch chuyển nhà máy sản xuất từ Trung Quốc và các quốc gia khác sang Việt Nam để đa dạng hóa chuỗi cung ứng và giảm thiểu rủi ro tiếp tục tạo động lực lớn cho bất động sản công nghiệp.

Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam tham gia: tổng cộng 19 hiệp định đã ký kết, thực thi và đang đàm phán giúp Việt Nam trở thành một điểm đến hấp dẫn để đầu tư.

Chính sách thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) hấp dẫn: Việt Nam duy trì môi trường đầu tư cởi mở với nhiều ưu đãi về thuế, đất đai và thủ tục hành chính, thu hút mạnh mẽ dòng vốn FDI vào lĩnh vực sản xuất và công nghiệp. Theo thống kê, vốn FDI đăng ký và giải ngân vào Việt Nam liên tục tăng trưởng, đặc biệt là trong lĩnh vực chế biến, chế tạo. Cùng với đó, năm 2025 đánh dấu bước cải cách hành chính – kinh tế quan trọng khi Việt Nam tiến hành sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, đưa tổng số còn 34 tỉnh/thành phố. Việc tái cấu trúc này nhằm tinh gọn bộ máy quản lý, tăng cường hiệu quả quy hoạch vùng, nâng cao năng lực triển khai dự án và thu hút đầu tư chất lượng cao.

Nhu cầu nội địa tăng cao: Kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng, thu nhập người dân được cải thiện, dẫn đến nhu cầu tiêu dùng hàng hóa tăng cao, thúc đẩy sản xuất và nhu cầu về không gian công nghiệp.

Chính sách phát triển khu công nghiệp và khu kinh tế: Nhà nước tiếp tục quy hoạch và phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế với hạ tầng đồng bộ và các dịch vụ hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư.

❖ Khó khăn

Cạnh tranh từ các nước trong khu vực: Việt Nam phải đối mặt với sự cạnh tranh từ các nước khác trong khu vực như Thái Lan, Indonesia, Malaysia trong việc thu hút FDI và phát triển bất động sản

công nghiệp.

Vấn đề về quy hoạch và thủ tục hành chính: Một số địa phương còn gặp khó khăn trong công tác quy hoạch, giải phóng mặt bằng và thủ tục hành chính, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án.

Giá thuê đất và nhà xưởng tăng cao: Giá thuê đất và nhà xưởng ở một số khu vực trọng điểm đang có xu hướng tăng cao, gây áp lực cho các doanh nghiệp.

Hạ tầng chưa đồng bộ ở một số khu vực: Mặc dù hạ tầng giao thông đang được cải thiện, nhưng ở một số khu vực vẫn còn thiếu đồng bộ, ảnh hưởng đến hoạt động của các khu công nghiệp.

Yêu cầu về phát triển bền vững: Các nhà đầu tư và khách hàng ngày càng quan tâm đến các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) trong bất động sản công nghiệp, đòi hỏi các dự án phải đáp ứng các tiêu chuẩn về tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội.

8.2.3. Khối Dịch vụ Logistics

❖ Thuận lợi

Hạ tầng giao thông ngày càng được cải thiện: Chính phủ Việt Nam đang đầu tư mạnh vào phát triển hạ tầng giao thông, bao gồm đường bộ, đường sắt, cảng biển và sân bay, giúp kết nối các khu công nghiệp với các trung tâm kinh tế và thị trường tiêu thụ. Điều này đặc biệt quan trọng để giảm chi phí logistics và tăng tính cạnh tranh.

Sự phát triển của thương mại điện tử và logistics: Sự bùng nổ của thương mại điện tử kéo theo nhu cầu lớn về kho bãi, trung tâm logistics hiện đại, tạo ra cơ hội cho các nhà đầu tư lớn

❖ Khó khăn

Chi phí vận hành và logistics tại Việt Nam còn ở mức cao: Mặc dù hạ tầng đang được cải thiện, nhưng chi phí logistics chiếm tỷ trọng lớn trong GDP (khoảng 16-20%), cao hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Điều này đến từ việc phụ thuộc lớn vào đường bộ, thiếu sự kết nối đa phương thức hiệu quả và các chi phí phát sinh không chính thức, gây áp lực lên biên lợi nhuận của doanh nghiệp.

Sự thiếu hụt hệ sinh thái dịch vụ giá trị gia tăng và công nghệ: Phần lớn hạ tầng hiện nay mới dừng lại ở mức cho thuê kho bãi thuần túy, thiếu các trung tâm logistics thông minh (Smart Logistics) có khả năng tích hợp sâu công nghệ AI, IoT để quản lý chuỗi cung ứng. Việc thiếu hụt nguồn nhân lực chuyên môn cao và hạ tầng dữ liệu đồng bộ khiến việc triển khai các mô hình logistics hiện đại gặp nhiều rào cản

## 9. Vị thế của Công ty trong ngành

### *9.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành*

*Công nghệ Sản xuất:* Với mục tiêu trở thành doanh nghiệp Top 1 trong ngành sản xuất công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam. Công ty tiếp tục đầu tư chiều sâu, phát triển kỹ thuật, hệ thống quản trị ứng dụng các công nghệ tối ưu sản xuất đầu tư vào các lĩnh vực trọng điểm như sản xuất linh kiện cho ngành bán dẫn, dầu khí, ô tô, hàng không và y tế.

Với 12 năm kinh nghiệm trong ngành, CNCTech Group là đối tác tin cậy đối với các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam, đặc biệt là bộ phận khách hàng có vốn đầu tư nước ngoài từ các nước Hàn Quốc, Nhật Bản và Mỹ. Công ty là một trong những Công ty sản xuất hỗ trợ hàng đầu, sở hữu cơ sở sản xuất và dàn máy móc quy mô lớn cùng với bộ máy nhân sự được đào tạo bài bản. Công ty chiếm thị phần lớn trong mảng gia công chi tiết nhờ vào khả năng cạnh tranh dựa trên chất lượng sản phẩm, giá thành và thời gian giao hàng nhanh chóng. Các sản phẩm, dịch vụ khác (ví dụ: Đúc ép nhựa, chế tạo khuôn) cũng được đánh giá cao,… Công ty tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ, thực hiện chuyển đổi số trong sản xuất. Xác định được tầm quan trọng của số hóa - một xu thế không thể đảo ngược, CNCTech Group đã kịp thời đầu tư vào công nghệ, đưa các ứng dụng mới vào vận hành quản trị cũng như tương tác với khách hàng trong thời gian gần nhất.

*Giải pháp Công nghiệp và Dịch vụ Logistics:* Sau những thành công nổi bật trong lĩnh vực đầu tư phát triển các dự án sản xuất, với những sản phẩm mang thương hiệu quốc tế, Công ty đã khẳng định được vị thế và trở thành đơn vị hàng đầu cung cấp giải pháp công nghiệp toàn diện xanh và thông minh cho nhà đầu tư: xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, cung ứng nhà xưởng/kho xây sẵn - xây theo yêu cầu; Fitout (cải tạo và hoàn thiện cơ - điện, lắp đặt nội thất), pháp lý đầu tư, dịch vụ lưu trú/kế toán/nhân sự.... Tiếp cận thị trường với hướng đi khác biệt – bằng năng lực lõi là dịch vụ toàn diện One-stop service, Tốc độ và dịch vụ khách hàng suất sắc, CNCTech Group đã khẳng định vị thế là nhà phát triển công nghiệp dẫn đầu về dịch vụ toàn diện tại Miền Bắc và đang vươn lên mạnh mẽ tại Việt Nam và quốc tế. CNCTech tiếp cận các dự án với tầm nhìn của một nhà sản xuất lâu năm nên cung ứng ra thị trường các sản phẩm nhà xưởng/nhà kho với chất lượng độ bền công trình 50 năm. Ngoài ra, Công ty còn có lợi thế đến từ đội ngũ ban lãnh đạo chính trực, chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm quản lý và luôn giữ cam kết cao với các dự án đang và sẽ được phát triển của Công ty.

*Tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ, thực hiện chuyển đổi số trong sản xuất:* Xác định được tầm quan trọng của số hóa - một xu thế tất yếu, CNCTech Group đã kịp thời đầu tư vào công nghệ, đưa các ứng dụng mới vào vận hành quản trị cũng như tương tác với khách hàng trong thời gian gần nhất.

*Ban lãnh đạo chính trực, chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm:* Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đều là những người giàu kinh nghiệm, đã nhiều năm làm việc trong ngành với hệ thống quản trị mạnh mẽ và sự lãnh đạo có kinh nghiệm, cam kết cao.

### *9.2. Triển vọng phát triển của ngành*

❖ Ngành Công nghệ Sản xuất

Theo báo cáo của Hiệp hội Công nghiệp Hỗ trợ Việt Nam (VASI), hiện nay cả nước có khoảng 2.000 doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, trong đó hơn 300 doanh nghiệp đang tham gia vào chuỗi cung ứng đa quốc gia. Sự gia tăng này phản ánh một xu hướng phát triển mạnh mẽ của Ngành, nhờ vào những lợi thế từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết với các cường quốc lớn như Mỹ, EU, và Nhật Bản[1].

[1] https://moit.gov.vn/tin-tuc/phat-trien-cong-nghiep/nganh-cong-nghiep-ho-tro-viet-nam-nam-bat-co-hoi-don-dau-xu-

Theo Hiệp hội Cơ khí Việt Nam (VAMI), cả nước có khoảng 3.100 doanh nghiệp ngành cơ khí chế tạo với 53.000 cơ sở sản xuất, chiếm gần 30% tổng số doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo tại Việt Nam. Các sản phẩm cơ khí sản xuất trong nước hiện chỉ chiếm khoảng 7% thị trường. Ngành cơ khí - máy móc và thiết bị trong nước đã từng bước làm chủ và nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, tạo động lực thúc đẩy các ngành công nghiệp và kinh tế khác phát triển, qua đó trực tiếp và gián tiếp tạo việc làm cho hàng triệu lao động[2]. Con số này so với tiềm năng lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ là tương đối khiêm tốn. Do đó, nguồn cung trong nước vẫn còn thiếu hụt, tiêu thụ ngành phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu. Đây là thách thức cũng như cơ hội cho các nhà sản xuất trong nước có khả năng đáp ứng được tiêu chuẩn như CNCTech Group.

Ngoài ra, "làn sóng" dịch chuyển chuỗi cung ứng chính là cơ hội quan trọng trong sự phát triển kinh tế nói chung và các cụm khu công nghiệp nói riêng. Việt Nam đứng trước nhiều cơ hội trở thành công xưởng sản xuất mới của thế giới, đón dòng vốn FDI dịch chuyển từ nhiều Công ty, tập đoàn lớn khi các Công ty này muốn hạn chế sự phụ thuộc vào Trung Quốc. Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang thay đổi nhanh chóng, ngành công nghiệp hỗ trợ Việt Nam đứng trước cơ hội lớn để khẳng định vị thế và mở rộng phạm vi ảnh hưởng. Tuy nhiên, để tận dụng tối đa những cơ hội này, các doanh nghiệp trong ngành không chỉ cần thích ứng với yêu cầu khắt khe của thị trường quốc tế, mà còn phải chủ động nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, và khả năng kết nối trong chuỗi cung ứng toàn cầu. CNCTech Group coi đây là cơ hội để phát triển thế mạnh của mình ở các khu công nghiệp khắp cả nước và là cơ hội hợp tác sâu rộng hơn nữa với các đối tác trên toàn cầu.

❖ Ngành Giải pháp Công nghiệp

Thị trường bất động sản khu công nghiệp Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mới với tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ. Dòng vốn FDI ổn định, nhu cầu thuê đất công nghiệp cao, giá cho thuê tăng đều và làn sóng dịch chuyển sản xuất toàn cầu là những động lực chính thúc đẩy sự tăng trưởng của các doanh nghiệp trong lĩnh vực này[3].

Triển vọng ngành bất động sản khu công nghiệp trong giai đoạn 2025-2030 được đánh giá rất tích cực. Dự đoán năm 2025 sẽ là thời điểm bất động sản công nghiệp bùng nổ thực sự. Từ năm 2024 đến 2027, Việt Nam dự kiến sẽ bổ sung thêm 15.200 ha đất công nghiệp và 6 triệu m2 kho bãi để đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư. Quy mô phát triển lớn này tạo ra môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phát triển hạ tầng khu công nghiệp. Dòng vốn FDI thế hệ mới (công nghệ cao, bán dẫn, năng lượng xanh) từ các nước đối tác lớn như Mỹ, Trung Quốc, EU dự báo sẽ gia tăng đáng kể đến năm 2030. Điều này sẽ thúc đẩy sự phát triển của các Khu công nghiệp chuyên biệt, có tiêu chuẩn cao hơn, mở ra thị trường mới cho các doanh nghiệp phát triển hạ tầng công nghiệp.

❖ Ngành Dịch vụ Logistics

Ngành logistics Việt Nam có tốc độ tăng trưởng bình quân 14%-16%/năm, logistics không chỉ là

huong-toan-cau.html

[2] https://moit.gov.vn/tin-tuc/phat-trien-cong-nghiep/phat-trien-cong-nghiep-ho-tro-co-khi-viet-nam-thach-thuc-va-trien-vong.html

[3] https://nguoihanoi.vn/phat-trien-ha-tang-khu-cong-nghiep-viet-nam-giai-doan-2025-2030-90067.html

ngành dịch vụ hỗ trợ mà còn dần trở thành trụ cột quan trọng trong chuỗi giá trị sản xuất - phân phối - tiêu dùng trong nước và quốc tế. Việt Nam hiện đứng thứ hai tại Asean và thuộc nhóm năm quốc gia hàng đầu về chỉ số phát triển logistics trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương. Ngành logistics tiếp tục có xu hướng và tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ trong giai đoạn 2025 – 2030 khi hạ tầng giao thông và logistics tại Việt Nam được tập trung đầu tư, sự phát triển bùng nổ của thương mại điện tử, cơ chế chính sách ngày càng được cải thiện, nhiều vùng thương mại tự do và trung tâm logistics, cảng hàng không, cảng biển, cảng cạn được quy hoạch phát triển.

Qua đó khối Giải pháp Công nghiệp và Dịch vụ Logistics của CNCTech Group bao gồm đa dạng các phân khúc và loại sản phẩm, dịch vụ cũng sẽ được hưởng lợi từ sự phát triển chung của ngành.

## 10. Chính sách đối với người lao động

### *10.1. Số lượng người lao động trong Công ty*

Tại CNCTech, phát triển nguồn nhân lực được coi là mục tiêu cốt lõi và động lực để thực hiện chiến lược phát triển của Công ty.

Thành công của CNCTech Group - Không chỉ đo bằng con số, mà còn bằng sự hạnh phúc và cống hiến. Tại CNCTech Group, chúng tôi không chỉ đánh giá thành công dựa trên doanh số hay thị phần, mà còn dựa vào sự gắn kết của đội ngũ nhân sự và niềm tự hào của mỗi CNCer khi làm việc. Chúng tôi tin rằng, một doanh nghiệp chỉ có thể phát triển bền vững khi nhân sự cảm thấy thỏa mãn, hạnh phúc và tự hào về những gì họ đóng góp.

CNCTech Group cam kết xây dựng một môi trường làm việc minh bạch, chuyên nghiệp và nhân văn, nơi mỗi CNCer có cơ hội phát triển bản thân, cống hiến hết mình và cùng nhau tạo dựng những giá trị bền vững. Đây chính là nền tảng giúp CNCTech Group không ngừng vươn xa, khẳng định vị thế trên thị trường toàn cầu.

Trong những năm qua, công tác tuyển dụng, đào tạo nhân sự luôn luôn được quan tâm với mục tiêu thu hút và xây dựng đội ngũ nhân sự có chất lượng làm việc tại Công ty. Công ty có đội ngũ cán bộ quản lý nhiều kinh nghiệm, đã trưởng thành qua nhiều Công ty, dự án. Có đội ngũ quản lý cấp trung, trưởng nhóm, kỹ thuật viên, công nhân lao động có sức trẻ nhiệt huyết, được đào tạo và trang bị những kiến thức, kỹ năng để đáp ứng các yêu cầu, các đơn hàng của khách hàng, đặc biệt những khách hàng kỹ tính đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc và Mỹ. Bên cạnh đó, đội ngũ hỗ trợ gián tiếp cũng góp phần quan trọng với vai trò "hậu phương vững chắc" trong sự thành công của toàn Công ty. Một điểm khác biệt trong cơ cấu tổ chức của CNCTech Group là bên cạnh sức trẻ, luôn có sự đồng hành, góp sức của Ban cố vấn, với các thành viên giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị, tài chính, ngân hàng, công nghệ, kỹ thuật và kinh doanh quốc tế.

Tính đến thời điểm 31/12/2025 tổng số CBCNV của CNCTech Group là 61 người. Cơ cấu lao động của Công ty phân theo giới tính, trình độ chuyên môn và thời hạn hợp đồng lao động được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 24. Tình hình lao động của Công ty**

| Cơ cấu lao động | 31/12/2023 | | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số lượng | Tỷ trọng | Số lượng | Tỷ trọng | Số lượng | Tỷ trọng |
| **Phân loại theo trình độ** | | | | | | |
| Trên đại học | 2 | 4,88% | 1 | 2,63% | 2 | 3,28% |
| Đại học | 36 | 87,80% | 32 | 84,21% | 54 | 88,52% |
| Cao đẳng | - | - | 2 | 5,26% | 1 | 1,64% |
| Trung cấp | - | - | - | - | - | |
| Lao động phổ thông | 3 | 7,32% | 3 | 7,89% | 4 | 6,56% |
| **Phân loại theo lao động thường xuyên hoặc thời vụ** | | | | | | |
| Lao động thường xuyên | 41 | 100% | 38 | 100% | 61 | 100% |
| Lao động thời vụ | - | - | - | - | - | - |
| **Tổng cộng** | **41** | **100%** | **38** | **100%** | **61** | **100%** |

(Nguồn: CNCTech Group)

*10.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp*

**Bảng 25. Thu nhập bình quân của người lao động Công ty**

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
|---|---|---|---|
| Đồng/người/năm | 23.834.782 | 25.319.494 | 28.422.199 |

(Nguồn: CNCTech Group)

Nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề đào tạo nhân lực và thực hiện chính sách thu hút lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược của Công ty. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp đối với người lao động:

❖ Chế độ đào tạo

Chất lượng nguồn nhân lực luôn được đánh giá là lợi thế hàng đầu của doanh nghiệp, góp phần quan trọng trong việc duy trì và thúc đẩy phát triển bền vững thông qua năng suất lao động ngày một cải thiện. Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác đào tạo đội ngũ cán bộ nhân viên, Công ty đã xây dựng kế hoạch tổng thể đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng đối với cán bộ, chuyên viên và đào tạo phát triển công nhân kỹ thuật lành nghề, công nhân chuyên ngành phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty. Chú trọng công tác đào tạo nội bộ, đồng thời thường xuyên cử cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo bên ngoài nhằm đảm bảo cán bộ nhân viên có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh đó, Ban Lãnh đạo Công ty chú trọng đến công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là công tác xây dựng lực lượng kế thừa có đủ năng lực và trình độ chuyên môn để phát huy hiệu quả hoạt động của Công ty, để chuẩn bị kịp thời nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu hội nhập phát triển trong thời đại mới.

CNCTech Group còn tổ chức các lớp Kỹ năng mềm nhằm phát triển mối quan hệ trong công việc, đảm bảo quản lý có kỹ năng, điều hành công việc hiệu quả, phân công đúng người, đúng việc. CNCTech Group luôn khuyến khích các cấp quản lý chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm với nhân viên, tạo sự gần gũi cao nhất trong mối quan hệ giữa cấp trên và nhân viên. Các khóa đào tạo nội bộ về chuyên môn được chia sẻ bởi các nhân sự trong nội bộ Phòng ban như đào tạo kiến thức chuyên môn về lĩnh vực, nghiệp vụ quản lý Cổ đông, công bố thông tin, nghiệp vụ thư ký, trợ lý, các buổi sinh hoạt chuyên môn về nghiệp vụ kế toán,…

Hình thức đào tạo đa dạng như học trực tiếp, trực tuyến và học tập tại nước ngoài. Các chương trình tiêu biểu như: Chương trình học tập và phát triển (LvàD), đào tạo nội bộ định kỳ, đào tạo cán bộ kỹ thuật tại Nhật Bản, khóa MiniMBA hợp tác với Viện Quản trị và Công nghệ FSB, khóa đào tạo thường niên tại Đức hợp tác với VCCI.

Cuộc thi "Tay nghề Kỹ thuật Giỏi" được tổ chức hàng năm đánh dấu một chặng đường đầy nỗ lực và cống hiến của đội ngũ Kỹ thuật Giỏi CNCTech. Đây không chỉ là sân chơi chuyên môn mà còn là cơ hội để mỗi cá nhân khẳng định bản lĩnh, nâng cao kỹ năng và góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của CNCTech Group.

❖ Chính sách lương thưởng và phúc lợi

Công ty đã xây dựng chính sách đãi ngộ công bằng, xét nâng lương định kỳ, trả lương theo năng lực, thưởng theo thành tích, hiệu quả công việc và mức độ đóng góp vào sự phát triển của Công ty, xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh, tạo động lực phấn đấu cho tất cả cán bộ nhân viên Công ty. Ngoài tiền lương hàng tháng, Công ty còn thực hiện chi trả lương tháng 13, thưởng hiệu quả cuối năm, tặng quà vào các ngày lễ trong năm cho cán bộ nhân viên. Đồng thời, thường xuyên soát xét và cải tiến chính sách lương, thưởng cho phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo tính cạnh tranh trong thị trường lao động.

Ngoài việc nỗ lực duy trì chế độ phúc lợi cho cán bộ nhân viên theo đúng quy định của Công ty và Pháp luật hiện hành, CNCTech Group đã xây dựng một số chính sách về lương, thưởng nhằm khuyến khích, động viên và thúc đẩy tinh thần cống hiến của cán bộ nhân viên: (1) Thường xuyên soát xét và cải tiến chính sách lương, thưởng cho phù hợp và đảm bảo tính cạnh tranh trong thị trường lao động; (2) Xây dựng mục tiêu và thưởng hoàn thành mục tiêu (KPI); (3) Quan tâm đến chế độ đời sống CBCNV, tạo điều kiện để hoạt động thuận lợi và phối hợp tốt với Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác; (4) Nghiên cứu phát triển các chính sách phúc lợi nhằm nâng cao đời sống về vật chất, tinh thần cho cán bộ nhân viên, theo đó cấu trúc đãi ngộ được chia làm hai hướng: Trực tiếp như Lương, thưởng, phúc lợi bằng hiện kim như tháng lương thứ 13 và chia lợi nhuận, trợ cấp ốm đau, thai sản,..; Gián tiếp như Chế độ nghỉ phép/bù, bảo hiểm (bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn), an toàn lao động (khám sức khỏe định kỳ), phúc lợi người thân, dịch vụ khác (cơm trưa, quà tặng sinh nhật, quà Tết)…

❖ Điều kiện làm việc

Công ty quan tâm đến điều kiện làm việc của cán bộ nhân viên: bố trí nơi làm việc tiện nghi, thoáng mát, sạch sẽ; cung cấp đầy đủ máy móc, thiết bị, phương tiện làm việc cần thiết; trang bị đồng phục cho cán bộ nhân viên cũng như đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động cá nhân cho cán bộ nhân viên làm việc ở nhà máy sản xuất và các công trường dự án.

Môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, luôn tạo điều kiện để mỗi cán bộ nhân viên đều có cơ hội tự khẳng định, phát huy hết năng lực của bản thân. Trong công việc luôn có sự hỗ trợ hướng dẫn của cấp trên, sự phối hợp của đồng nghiệp và các bộ phận liên quan trên tinh thần vì sự phát triển chung của Công ty.




**Ảnh 13. Hình ảnh một số chính sách, hoạt động nổi bật cho cán bộ nhân viên**

❖ Chính sách tuyển dụng

Cơ sở cho hoạt động tuyển dụng của Công ty chính là quy trình tuyển dụng công khai, công bằng đối với tất cả các ứng viên. Để tận dụng tối đa thế mạnh về nguồn nhân lực, Công ty luôn chú trọng xây dựng chế độ, chính sách đối với người lao động cũng như môi trường làm việc phù hợp nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động phát huy khả năng và yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty. Công ty áp dụng các chế độ đãi ngộ đối với những nhân sự làm việc xa xứ nhằm động viên, khích lệ tinh thần làm việc của cán bộ nhân viên. Đặc biệt, Công ty chú ý phát triển nguồn nhân lực địa phương với ưu điểm ổn định cũng như đạt được mục đích tạo thêm việc làm cho con em địa phương. Bên cạnh công tác tuyển dụng nhân sự truyền thống, hiện nay, Công ty thực hiện chính sách thu hút nhân tài thông qua các hoạt động tuyển sinh, phối hợp với các đơn vị đào tạo.

❖ Chính sách lao động

Công ty có những chính sách đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực

hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của Pháp luật lao động như: trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn.

Công ty phối hợp với Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban nữ công tổ chức Hội thao truyền thống, Giao lưu văn nghệ và tạo điều kiện cho người lao động tham gia, vừa góp phần nâng cao sự gắn kết giữa các cán bộ nhân viên, vừa phục vụ đời sống tinh thần. Đối với các trường hợp phải làm ca đêm, Công ty còn có các chế độ bồi dưỡng thực tế nhằm bồi dưỡng sức khỏe, tinh thần cũng như tạo tâm lý tốt nhất cho người lao động trong quá trình làm việc. Định kỳ hàng năm, Công ty mời các cơ quan chức năng kiểm tra độ ồn, rung, bụi,… để có căn cứ nghiên cứu và trang bị bổ sung thêm phương tiện bảo vệ cá nhân như đồng phục, thiết bị bảo hộ cho nhân viên nhằm hạn chế ảnh hưởng của môi trường đến sức khoẻ người lao động, giảm trừ những yếu tố nguy hiểm, có hại,…; từ đó cải thiện môi trường làm việc và đưa ra chế độ phụ cấp độc hại.

Công ty luôn nỗ lực xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, đảm bảo tiêu chuẩn xanh, sạch, đẹp; trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, tập huấn công tác an toàn, vệ sinh lao động cho toàn thể cán bộ nhân viên. Ngoài ra, hàng năm Công ty đều tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên được tham gia khám sức khỏe, tham quan nghỉ mát, khuyến khích cán bộ nhân viên nghỉ phép để phục hồi sức lao động.

❖ Khuyến khích tinh thần đổi mới sáng tạo

Tại CNCTech Group, tinh thần đổi mới sáng tạo được nuôi dưỡng và khuyến khích trong từng hoạt động hàng ngày. Khởi nguồn từ các chương trình cải tiến chi phí (costdown) vào năm 2017, đến nay, CNCTech Group đã xây dựng một nền văn hóa đổi mới sâu rộng, lan tỏa đến mọi góc cạnh của Tập đoàn, từ sản xuất đến nghiên cứu và phát triển đã minh chứng rõ ràng cho hiệu quả của các chương trình này.

Song song đó, hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) cũng được chú trọng đầu tư với mục tiêu cải tiến các sản phẩm, dịch vụ hiện tại và tạo ra những sản phẩm, dịch vụ mới, đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng cao. Điển hình Công nghệ Sản xuất năm 2024-2025 là hoàn thành khung máy cho thiết bị semiconductor, sản xuất thành công khuôn xuất khẩu tiêu chuẩn Mỹ, phát triển thiết bị điều chỉnh đèn chiếu tia X trong máy MRI; Giải pháp công nghiệp là sử dụng công nghệ bê tông lắp ghép đúc sẵn giúp đẩy nhanh tiến độ, dễ dàng kiểm soát chất lượng công trình; sử dụng công nghệ bê tông thép sợi tiên tiến, những sợi thép nhỏ được trộn vào trong bê tông mang lại khả năng kháng nứt tuyệt vời cho sàn nhà; làm chủ được công nghệ xây dựng những bức tường ngăn cháy bằng bê tông khí chưng áp …

Và mới đây, sự ra đời của Trung tâm đổi mới sáng tạo đã đánh dấu một bước tiến quan trọng trong hành trình chuyển đổi số của CNCTech Group, với mục tiêu ươm mầm và phát triển các ý tưởng sáng tạo, tạo ra những đột phá mới cho Tập đoàn.

## 11. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi, sau khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, và được Đại

hội đồng cổ đông Công ty thông qua. Việc chi trả cổ tức được quy định tại Điều lệ Công ty, tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và kế hoạch kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chi trả cho cổ đông tương ứng với tỷ lệ vốn góp của họ, khi cổ tức được chỉ trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn.

Tình hình chi trả cổ tức của Công ty trong vòng 03 năm gần nhất như sau:

**Bảng 26. Tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty trong vòng 03 năm gần nhất**

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
|---|---|---|---|
| Hình thức chi trả | Bằng cổ phiếu | - | - |
| Tỷ lệ | 9,67% | - | - |

(Nguồn: CNCTech Group)

## 12. Tình hình tài chính trong năm gần nhất và đến quý gần nhất

### *12.1. Các chỉ tiêu cơ bản*

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. BCTC của Công ty được lập bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

12.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn kinh doanh

CNCTech Group luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

**Bảng 27. Báo cáo về vốn điều lệ của Công ty mẹ**

Đvt: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|---|---|
| Vốn điều lệ | 916.000 | 916.000 |

(Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

**Bảng 28. Báo cáo về vốn điều lệ Hợp nhất**

Đvt: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|---|---|
| Vốn điều lệ | 916.000 | 916.000 |

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

**Bảng 29. Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Công ty mẹ**

Đvt: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|---|---|
| **I. Vốn chủ sở hữu** | **1.051.283** | **1.096.097** |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 916.000 | 916.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 127.600 | 127.600 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 7.683 | 52.497 |
| **II. Nợ phải trả** | **1.023.471** | **889.408** |
| Nợ ngắn hạn | 942.388 | 779.094 |
| Nợ dài hạn | 81.083 | 110.314 |
| **Tổng cộng nguồn vốn kinh doanh** | **2.074.754** | **1.985.505** |

(Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

**Bảng 30. Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh Hợp nhất**

Đvt: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|---|---|
| **I. Vốn chủ sở hữu** | **2.055.996** | **2.280.114** |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 916.000 | 916.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 127.600 | 127.600 |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 108.000 | 108.000 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | - 4.865 | - 4.865 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 338.651 | 490.682 |
| Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 570.610 | 642.697 |
| **II. Nợ phải trả** | **4.159.368** | **5.118.969** |
| Nợ ngắn hạn | 1.503.081 | 2.292.023 |
| Nợ dài hạn | 2.656.287 | 2.826.945 |
| **Tổng cộng nguồn vốn kinh doanh** | **6.215.364** | **7.399.083** |

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

**Bảng 31. Tình hình sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty mẹ**

Đvt: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|---|---|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.520 | 9.821 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 172.048 | 172.048 |

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|---|---|
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 252.896 | 135.056 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 45.433 | 56.157 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 41.281 | 30.027 |
| Tài sản cố định | 14.005 | 11.014 |
| Bất động sản đầu tư | 9.879 | 9.648 |
| Tài sản dở dang dài hạn | - | 16.003 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 1.467.612 | 1.510.135 |
| Tài sản dài hạn khác | 67.080 | 35.596 |
| **Tổng cộng** | **2.074.754** | **1.985.505** |

(Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

**Bảng 32. Tình hình sử dụng nguồn vốn kinh doanh Hợp nhất**

Đvt: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|---|---|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 199.764 | 301.488 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 287.089 | 810.048 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 820.389 | 907.971 |
| Hàng tồn kho | 108.688 | 233.978 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 73.123 | 100.975 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 67.051 | 81.519 |
| Tài sản cố định | 346.881 | 752.815 |
| Bất động sản đầu tư | 1.397.364 | 2.057.947 |
| Tài sản dở dang dài hạn | 1.291.867 | 577.058 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 292.346 | 303.509 |
| Tài sản dài hạn khác | 1.330.802 | 1.271.775 |
| **Tổng cộng** | **6.215.364** | **7.399.083** |

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

12.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn luỹ kế.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

**Bảng 33. Số năm khấu hao tài sản cố định hữu hình Công ty mẹ**

| Tài sản cố định hữu hình | Số năm khấu hao |
|---|---|
| Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 06 - 08 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 06 năm |

(Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

**Bảng 34. Số năm khấu hao tài sản cố định hữu hình Hợp nhất**

| Tài sản cố định hữu hình | Số năm khấu hao |
|---|---|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 40 năm |
| Máy móc, thiết bị | 02 - 10 năm |
| Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 03 - 10 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 02 - 07 năm |
| Tài sản cố định hữu  hình khác | 03 - 05 năm |

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá mua. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính như sau:

**Bảng 35. Số năm khấu hao tài sản cố định vô hình Công ty mẹ**

| Tài sản cố định vô hình | Số năm khấu hao |
|---|---|
| Phần mềm máy tính | 04 - 10 năm |

(Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

**Bảng 36. Số năm khấu hao tài sản cố định vô hình Hợp nhất**

| Tài sản cố định vô hình | Số năm khấu hao |
|---|---|
| Phần mềm máy tính | 03 - 10 năm |

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

12.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty đã thực hiện tốt các nghĩa vụ công nợ cho các nhà cung cấp và các đối tác, hiện tại Công ty không có có bất kỳ khoản nợ nào đến hạn hoặc quá hạn. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua.

12.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế Giá trị gia tăng; thuế Thu nhập doanh nghiệp; thuế Thu nhập cá nhân; Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác. Số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại thời điểm 31/12/2024 và 31/12/2025 của Công ty như sau:

**Bảng 37. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty mẹ**

Đvt: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|---|---|
| Thuế giá trị gia tăng | - | 352 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 1.133 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 336 | 630 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 606 |
| **Tổng cộng** | **336** | **2.721** |

(Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

**Bảng 38. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Hợp nhất**

Đvt: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|---|---|
| Thuế giá trị gia tăng | 8.490 | 6.700 |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 32.319 | 28.294 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.555 | 2.048 |
| Các loại thuế và phí khác | 1 | 625 |
| **Tổng cộng** | **42.365** | **37.667** |

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

12.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Trong năm 2024 và năm 2025, Công ty không trích lập các quỹ nhằm tập trung vào hoạt động kinh doanh và tái đầu tư vào các dự án trong tương lai.

12.1.6. Các khoản phải thu, phải trả

**Bảng 39. Tổng số nợ phải thu, phải trả của Công ty mẹ**

Đvt: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|---|---|---|
| 1 | Tổng các khoản phải thu | 294.177 | 165.083 |
| 2 | Tổng các khoản phải trả | 1.023.471 | 889.408 |

(Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

**Bảng 40. Tổng số nợ phải thu, phải trả Hợp nhất**

Đvt: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|---|---|---|
| 1 | Tổng các khoản phải thu | 887.440 | 989.490 |
| 2 | Tổng các khoản phải trả | 4.159.368 | 5.118.969 |

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

12.1.7. Các khoản phải thu

**Bảng 41. Chi tiết các khoản phải thu của Công ty mẹ**

Đvt: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 |
|---|---|---|---|
| **I** | **Các khoản phải thu ngắn hạn** | **252.896** | **135.056** |
| 1 | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 41.892 | 25.035 |
| 2 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 827 | 9.017 |
| 3 | Phải thu về cho vay ngắn hạn | 116.145 | 53.338 |
| 4 | Phải thu ngắn hạn khác | 94.032 | 49.766 |
| 5 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | - | - 2.100 |
| **II** | **Các khoản phải thu dài hạn** | **41.281** | **30.027** |
| 1 | Phải thu về cho vay dài hạn | 5.000 | - |
| 2 | Phải thu dài hạn khác | 36.281 | 30.027 |
| | **Tổng cộng** | **294.177** | **165.083** |

(Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

**Bảng 42. Chi tiết các khoản phải thu Hợp nhất**

Đvt: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|---|---|---|
| **I** | **Các khoản phải thu ngắn hạn** | **820.389** | **907.971** |
| 1 | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 325.323 | 431.243 |
| 2 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 110.197 | 82.666 |
| 3 | Phải thu về cho vay ngắn hạn | 265.479 | 287.068 |
| 4 | Phải thu ngắn hạn khác | 119.747 | 110.323 |
| 5 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | - 357 | - 3.329 |
| **II** | **Các khoản phải thu dài hạn** | **67.051** | **81.519** |
| 1 | Phải thu về cho vay dài hạn | 43.227 | 570 |
| 2 | Phải thu dài hạn khác | 23.824 | 80.949 |

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|---|---|---|
| | **Tổng cộng** | **887.440** | **989.490** |

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

Tình hình các khoản phải thu quá hạn của Công ty như sau:

**Bảng 43. Tình hình các khoản phải thu quá hạn Công ty mẹ**

| Phải thu khách hàng | 31/12/2024 | | | 31/12/2025 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị đã trích lập dự phòng | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị đã trích lập dự phòng |
| | | - | - | Trên 2 năm – dưới 3 năm | 3.000 | 2.100 |
| **Tổng cộng** | | **-** | **-** | | **3.000** | **2.100** |

(Nguồn: CNCTech Group)

**Bảng 44. Tình hình các khoản phải thu quá hạn Hợp nhất**

Đvt: Triệu đồng

| Phải thu khách hàng | 31/12/2024 | | | 31/12/2025 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị đã trích lập dự phòng | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị đã trích lập dự phòng |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ | | - | - | Trên 2 năm – dưới 3 năm | 3.000 | 2.100 |
| Central Tech Incorporation | Trên 1 năm | 1.190 | 357 | Trên 2 năm | 1.229 | 1.229 |
| **Tổng cộng** | | **1.190** | **357** | | **4.229** | **3.329** |

(Nguồn: CNCTech Group)

- Đánh giá khả năng thu hồi: Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng giá trị phải thu khách hàng quá hạn Hợp nhất tăng lên 4.229 triệu đồng. Trong đó: Khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ là 3.000 triệu đồng, đã quá hạn trên 2 năm đến dưới 3 năm, Công ty đã trích lập dự phòng 2.100 triệu đồng (tương ứng 70% giá trị). Khoản phải thu từ Công ty Central Tech Incorporation là 1.229 triệu đồng, quá hạn trên 2 năm, Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị. Nhìn chung, so với năm 2024, giá trị phải thu quá hạn và mức trích lập dự phòng đều tăng đáng kể, chủ yếu do thời gian quá hạn kéo dài, làm gia tăng rủi ro thu hồi công nợ, vì vậy Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo nguyên tắc thận trọng.

12.1.8. Các khoản phải trả

**Bảng 45. Các khoản phải trả của Công ty mẹ**

Đvt: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|---|---|---|
| **I** | **Nợ ngắn hạn** | **942.388** | **779.094** |
| 1 | Phải trả người bán ngắn hạn | 16.746 | 53.716 |
| 2 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 8.000 | 39.243 |
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 336 | 2.721 |
| 4 | Phải trả người lao động | 1.036 | 2.572 |
| 5 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 32.562 | 63.310 |
| 6 | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 73.330 | 61.222 |
| 7 | Phải trả ngắn hạn khác | 260.236 | 259.612 |
| 8 | Vay và thuê nợ tài chính ngắn hạn | 550.142 | 296.697 |
| **II** | **Nợ dài hạn** | **81.083** | **110.314** |
| 1 | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 27.849 | 18.177 |
| 2 | Phải trả dài hạn khác | 47.606 | 35.600 |
| 3 | Vay và thuê tài chính dài hạn | 5.628 | 56.537 |
| | **Tổng cộng** | **1.023.471** | **889.408** |

(Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

**Bảng 46. Các khoản phải trả Hợp nhất**

Đvt: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|---|---|---|
| **I** | **Nợ ngắn hạn** | **1.503.081** | **2.292.023** |
| 1 | Phải trả người bán ngắn hạn | 310.059 | 503.493 |
| 2 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 76.942 | 278.606 |
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 42.365 | 37.668 |
| 4 | Phải trả người lao động | 23.382 | 27.706 |
| 5 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 19.746 | 15.651 |
| 6 | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 132.834 | 195.627 |
| 7 | Phải trả ngắn hạn khác | 318.508 | 342.505 |
| 8 | Vay và thuê nợ tài chính ngắn hạn | 576.632 | 888.678 |
| 9 | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 2.613 | 2.089 |

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|---|---|---|
| **II** | **Nợ dài hạn** | **2.656.287** | **2.826.945** |
| 1 | Phải trả người bán dài hạn | 30.618 | 2.385 |
| 2 | Người mua trả tiền trước dài hạn | - | - |
| 3 | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 28.129 | 18.177 |
| 4 | Phải trả dài hạn khác | 159.396 | 164.795 |
| 5 | Vay và thuê tài chính dài hạn | 2.279.508 | 2.501.133 |
| 6 | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 158.636 | 140.455 |
| | **Tổng cộng** | **4.159.368** | **5.118.969** |

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

- Tình hình thanh toán các khoản nợ:
  + Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.
  + Công ty và các công ty con không có vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết.

12.1.9. Hàng tồn kho

**Bảng 47. Số dư hàng tồn kho Hợp nhất**

Đvt: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|---|---|---|
| 1 | Hàng mua đang đi đường | - | 1.024 |
| 2 | Nguyên liệu, vật liệu | 28.576 | 30.366 |
| 3 | Công cụ, dụng cụ | 16.417 | 17.999 |
| 4 | Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 42.546 | 140.983 |
| 5 | Thành phẩm | 19.219 | 29.446 |
| 6 | Hàng hóa | 1.929 | 14.160 |
| | **Tổng cộng** | **108.687** | **233.978** |

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

12.1.10. Các sự kiện có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Không có.

*12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

**Bảng 48. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ**

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|---|---|---|---|
| **1** | **Chỉ số về khả năng thanh toán** | | | |
| | Hệ số thanh toán ngắn hạn *(Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)* | Lần | 0,50 | 0,48 |
| | Hệ số thanh toán nhanh *(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn* | Lần | 0,50 | 0,48 |
| **2** | **Chỉ số về cơ cấu vốn** | | | |
| | Hệ số nợ/Tổng tài sản | Lần | 0,49 | 0,45 |
| | Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | 0,97 | 0,81 |
| **3** | **Chỉ số về năng lực hoạt động** | | | |
| | Vòng quay tổng tài sản *(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)* | Vòng | 0,09 | 0,07 |
| | Vòng quay vốn lưu động *(Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)* | Vòng | 0,31 | 0,34 |
| **4** | **Chỉ số về khả năng sinh lời** | | | |
| | Hệ số LNST/Doanh thu thuần | % | 3,48% | 31,56% |
| | Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 0,61% | 4,23% |
| | Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân | % | 0,32% | 2,24% |
| | Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 3,42% | 32,58% |

(Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

**Bảng 49. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu Hợp nhất**

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | 31/12/2023 | 31/12/2024 |
|---|---|---|---|---|
| **1** | **Chỉ số về khả năng thanh toán** | | | |
| | Hệ số thanh toán ngắn hạn *(Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)* | Lần | 0,99 | 1,03 |
| | Hệ số thanh toán nhanh *(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn* | Lần | 0,92 | 0,93 |
| **2** | **Chỉ số về cơ cấu vốn** | | | |
| | Hệ số nợ/Tổng tài sản | Lần | 0,67 | 0,69 |
| | Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | 2,02 | 2,25 |

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | 31/12/2023 | 31/12/2024 |
|---|---|---|---|---|
| **3** | **Chỉ số về năng lực hoạt động** | | | |
| | Vòng quay tổng tài sản<br>*(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)* | Vòng | 0,30 | 0,32 |
| | Vòng quay vốn lưu động<br>*(Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)* | Vòng | 1,08 | 1,15 |
| **4** | **Chỉ số về khả năng sinh lời** | | | |
| | Hệ số LNST/Doanh thu thuần | % | 18,70% | 9,08% |
| | Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 18,29% | 9,25% |
| | Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân | % | 5,70% | 2,95% |
| | Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 11,51% | 9,58% |

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

## 13. Tài sản cố định

Giá trị tài sản của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2025 như sau:

**Bảng 50. Tài sản cố định của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2025**

Đvt: Triệu đồng

| STT | Tên tài sản | Nguyên giá | Giá trị còn lại | % Giá trị còn lại/ Nguyên giá |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Tài sản cố định hữu hình** | **18.698** | **9.364** | **50,08%** |
| 1 | Phương tiện vận tải, thuyết bị truyền dẫn | 17.731 | 9.011 | 50,82% |
| 2 | Thiết bị, dụng cụ quản lý | 967 | 353 | 36,50% |
| **II** | **Tài sản cố định vô hình** | **7.553** | **1.650** | **21,85%** |
| 1 | Phần mềm máy tính | 7.553 | 1.650 | 21,85% |
| | **Tổng cộng** | **26.251** | **11.014** | **41,96%** |

(Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

**Bảng 51. Tài sản cố định Hợp nhất tại ngày 31/12/2025**

Đvt: Triệu đồng

| STT | Tên tài sản | Nguyên giá | Giá trị còn lại | % Giá trị còn lại/ Nguyên giá |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Tài sản cố định hữu hình** | **895.930** | **726.487** | **81,09%** |
| 1 | Nhà xưởng và vật kiến trúc | 550.009 | 505.638 | 91,93% |
| 2 | Máy móc và thiết bị | 293.013 | 191.454 | 65,34% |
| 3 | Phương tiện vận tải, thuyết bị truyền dẫn | 44.829 | 25.595 | 57,09% |
| 4 | Thiết bị, dụng cụ quản lý | 4.943 | 2.730 | 55,23% |
| 5 | Tài sản cố định hữu hình khác | 3.136 | 1.070 | 34,12% |
| **II** | **Tài sản cố định thuê tài chính** | **36.799** | **22.989** | **62,47%** |
| 1 | Máy móc và thiết bị | 36.799 | 22.989 | 62,47% |
| **III** | **Tài sản cố định vô hình** | **11.060** | **3.340** | **30,20%** |
| 1 | Phần mềm máy tính | 11.060 | 3.340 | 30,20% |
| | **Tổng cộng** | **943.789** | **752.816** | **79,77%** |

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

## 14. Các dự án của Công ty

Các dự án đang trực tiếp triển khai, và gián tiếp triển khai thông qua việc hợp tác khai thác phát triển dịch vụ và kinh doanh tính đến thời điểm hiện tại bao gồm:

**Bảng 52. Các dự án của Công ty**

Đvt: Triệu đồng

| TT | Tên dự án | Địa điểm | Tổng diện tích | Tổng mức đầu tư | Tiến độ thực hiện | Thời gian dự kiến hoàn thành |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. | Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp Nam Bình Xuyên - Green Park | Phú Thọ (Vĩnh Phúc cũ) | 295,74ha | 2.200.740 | Đang thực hiện | Quí I/2028 |
| 2. | Dự án Trung tâm Logistics Quốc tế Bắc Giang | Bắc Ninh (Bắc Giang cũ) | 67ha | 4.194.633 | Đang thực hiện | Quí IV/2028 |
| 3. | Cụm công nghiệp tập trung Hợp Thịnh | Phú Thọ (Vĩnh Phúc cũ) | 48,3ha | 88.000 | Thời gian thực hiện dự kiến: | Quí III/2027 |

| TT | Tên dự án | Địa điểm | Tổng diện tích | Tổng mức đầu tư | Tiến độ thực hiện | Thời gian dự kiến hoàn thành |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Quí II/2026 | |
| 4. | Dự án Intech Complex tại Khu công nghiệp Thăng Long II, Hưng Yên | Hưng Yên | 9,8ha | 886.189 | Thời gian thực hiện dự kiến: Quí II/2026 | Quí III/2027 |
| 5. | Dự án CNCTech Saigon tại KCN Cao Sài Gòn, Quận 9, TP. Hồ chí minh. | Hồ Chí Minh | 0,6ha | 168.750 | Đang thực hiện | Quí IV/2026 |
| 6. | Dự án Intech Bắc Ninh tại KCN VSIP Bắc Ninh, Bắc Ninh | Bắc Ninh | 3.310m2 | 150.000 | Thời gian thực hiện dự kiến: Quí III/2026 | Quí III/2026 |

(Nguồn: CNCTech Group)

## 15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

*i. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức*

**Bảng 53. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức (*)**

Đvt: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2025 | Kế hoạch năm 2026 | Tỷ lệ (%) so với năm 2025 |
|---|---|---|---|
| Doanh thu thuần | 2.212 | 2.650 | 19,80% |
| Lợi nhuận sau thuế | 201 | 265 | 31,84% |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần | 9,09% | 10,00% | - |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế /Vốn góp của chủ sở hữu | 9,25% | 11,17% | - |
| Tỷ lệ cổ tức | - | 10 - 20% | - |

(Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 26/03/2026)

*15.2. Căn cứ để đặt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên*

Căn cứ trên các kế hoạch đặt hàng của khách hàng sản xuất hiện hữu và các hợp đồng thi công đang triển khai với nhà thầu từ năm 2025 va tiếp tục thực hiện trong năm 2026 ước tính đạt 2.500 tỷ đồng.

Công ty đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh thận trọng tránh áp lực cho Bàn điều hành dẫn tới khả năng có thể mất vốn khi tham gia vào các dự án có tính rủi ro. Do vậy, kế hoạch sản xuất kinh doanh trên là tối thiểu, tùy thuộc tình hình kinh tế trong nước nếu khởi sắc con số tăng trưởng chắc chắn sẽ còn cao hơn.

CNCTech Group nhận định năm 2026 là một năm nhiều thử thách đối với nền kinh tế nói chung và CNCTech Group nói riêng. Để đảm bảo hoạt động hợp nhất của Công ty bám sát theo định hướng chiến lược và hoàn thành các mục tiêu đã đề ra, trong năm 2026, Công ty trị sẽ tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng yếu như sau:

- **Về xây dựng chiến lược:** Cập nhật thông tin xu hướng thị trường, công nghệ để xây dựng, điều chỉnh chiến lược cũng như đưa ra các định hướng kinh doanh giúp Công ty nhanh chóng nắm bắt cơ hội và phát huy thế mạnh để đảm bảo tăng trưởng bền vững. Đồng thời, rà soát phương pháp, quy trình xây dựng chiến lược để đảm bảo sự thống nhất và thông suốt của công ty mẹ và các công ty con.
- **Về giám sát hoạt động của Ban Điều hành:** Chỉ đạo, đôn đốc, giám sát Ban Điều hành đảm bảo mọi hoạt động của công ty mẹ và các công ty con bám sát các mục tiêu chiến lược, chương trình hành động đã đề ra.
- **Xây dựng chính sách:** Chỉ đạo xây dưng, ban hành các chính sách về nhân sự, đầu tư gắn với chiến lược phát triển và các chương trình hành động nhằm đảm bảo thúc đẩy tăng trưởng cho Tập đoàn.
- **Về quản trị:** Rà soát, điều chỉnh và bổ sung các quy định, quy chế quản trị nội bộ nhằm tạo cơ sở cho khuôn khổ quan trị công ty hiệu quả, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, nhà đầu tư và các bên có liên quan, tiếp tục rà soát, điều chỉnh Điều lệ công ty theo hướng đảm bảo các nguyên tắc quản trị cơ bản theo quy định của pháp luật và thông lệ quốc tệ.
- **Về tổ chức nhân sự:** Tiếp tục cải thiện, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp và kỷ luật của cán bộ. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao động lực lao động, thu hút chất xám, giữ chân nhân tài và quy hoạch phát triển nguồn lực quản lý, kỹ thuật đảm bảo cho phát triển dài hạn bền vững.

## 16. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Công ty

- Cam kết chuyển nhượng cổ phần: Theo thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần số 2508/TTCNCP-VINECO-CNC Holdings Việt Nam ngày 25 tháng 8 năm 2020, Công ty cam kết chuyển nhượng 298.300 cổ phần đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Các Hệ thống Viễn thông VINECO ("VINECO") cho người lao động của VINECO, với giá trị chuyển nhượng là 14.750 VND/cổ phần. Thời điểm chuyển nhượng được quy định cụ thể trong thỏa thuận. Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa thực hiện chuyển nhượng cổ phần và chưa bị quá hạn thời gian chuyển nhượng cổ phần theo thỏa thuận, do các bên chưa thống nhất được một số nội dung của thỏa thuận và cần chờ ý kiến phê duyệt tại cuộc họp ĐHĐCĐ của VINECO, người lao động chưa thu xếp đủ nguồn tài chính; các điều kiện giao dịch đang được rà soát, điều chỉnh; đồng thời Công ty cũng cân nhắc lại thời điểm thực hiện trước biến động thị trường.
- Cam kết thuê hoạt động: Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty và các công ty con có

các khoản cam kết thuê hoạt động là đất và cơ sở hạ tầng tại các khu công nghiệp mà Công ty có cơ sở sản xuất kinh doanh.Các khoản thuê hoạt động của Công ty đều được thanh toán đúng hạn.

- Cam kết cho thuê hoạt động: Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty và các công ty con có cho thuê nhà xưởng và văn phòng với các công ty khác. Theo các hợp đồng này, Công ty và các công ty con có các khoản phải thu về tiền thuê nhà xưởng và văn phòng cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành.
- Cam kết bảo lãnh: Công ty cùng với các bên liên quan đã bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long (Công ty con) tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng và Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc (Công ty con) tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc.

## 17. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

### *17.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi*

- Tầm nhìn: Dẫn đầu hệ sinh thái công nghiệp xanh - thông minh tại Việt Nam.
- Sứ mệnh: Kiến tạo tương lai phát triển bền vững và đổi mới trong lĩnh vực công nghiệp và logistics, nâng cao năng lực của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Giá trị cốt lõi: Chính trực – Chất lượng – Tiến độ.

### *17.2. Phân tích môi trường*

17.2.1. Nhân sự

❖ Điểm mạnh:

- Đội ngũ nhân sự trẻ, chất lượng cao, kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao: (1) Nhân sự trẻ, độ tuổi trung bình 33 tuổi; (2) Hơn 60% nhân sự có trình độ trung cấp, cao đẳng trở lên, trong đó hơn 40% nhân sự có trình độ cử nhân, kĩ sư trở lên; (3) Hơn 75% nhân sự có trên 1 năm kinh nghiệm, trong đó hơn 50% nhân sự có từ trên 3 năm kinh nghiệm.
- Quản trị nguồn nhân lực hiệu quả, bao gồm: hoạch định nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển dụng, đào tạo, lộ trình phát triển nghề nghiệp, quản lý hiệu suất công việc, đãi ngộ, mối quan hệ lao động, môi trường làm việc.
- Hiệu suất công việc được quản lý chi tiết, hiệu quả thông qua hệ thống KPI.
- Chế độ đãi ngộ (bao gồm lương, thưởng, phụ cấp, bảo hiểm và các phúc lợi khác) tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, công bằng và cạnh tranh dựa trên hiệu suất công việc, theo nguyên tắc "làm nhiều hưởng nhiều", tạo động lực cho nhân viên.
- Xây dựng và duy trì mối quan hệ tốt giữa cán bộ nhân viên và ban lãnh đạo. CNCTech tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, sự kiện nội bộ và chương trình phúc lợi để tăng cường sự gắn kết giữa các thành viên. Tổ chức Hội nghị người lao động thường niên để lãnh đạo đối thoại, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của người lao động.
- Đảm bảo môi trường làm việc hiện đại, đầy đủ phương tiện làm việc, an toàn, lành mạnh cho tất cả nhân viên.

❖ Điểm yếu:

- Đồng bộ văn hóa và quy trình: Khi mở rộng nhanh chóng, việc đảm bảo văn hóa doanh nghiệp và các quy trình làm việc được áp dụng nhất quán ở tất cả các địa điểm là rất khó khăn.
- Quản lý phân tán tại nhiều địa điểm: Việc quản lý đội ngũ nhân sự phân tán đòi hỏi một hệ thống quản lý nguồn nhân lực mạnh mẽ và hiệu quả để duy trì sự liên kết và phối hợp giữa các đơn vị.
- Áp lực về hiệu suất: Tốc độ tăng trưởng nhanh của Tập đoàn có thể tạo áp lực lớn lên nhân viên, đòi hỏi họ phải liên tục nâng cao hiệu suất và thích nghi với những thay đổi.
- Phát triển đội ngũ kế cận: Việc phát triển đội ngũ lãnh đạo và quản lý kế cận đủ năng lực để đáp ứng tốc độ mở rộng của Tập đoàn là một thách thức, cần xây dựng một lộ trình phát triển rõ ràng để đảm bảo các vị trí quan trọng luôn có nhân sự phù hợp.

17.2.2. Tài chính

❖ Điểm mạnh:

- Tốc độ tăng trưởng vượt trội
  + Doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn đã tăng trưởng mạnh mẽ, thậm chí trong bối cảnh kinh tế khó khăn.
  + Quy mô tài sản và vốn chủ sở hữu của CNCTech đã tăng gấp nhiều lần trong vòng 5 năm gần nhất. Điều này cho thấy khả năng thu hút vốn và tái đầu tư vào các dự án lớn
- Khả năng huy động vốn đa dạng:
  + Tập đoàn không chỉ phụ thuộc vào vốn tự có mà còn tích cực huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau như: chào bán cổ phần riêng lẻ hoặc cho các nhà đầu tư chiến lược, vốn vay, quỹ đầu tư.
  + Tập đoàn sử dụng đòn bẩy tài chính một cách chiến lược bằng cách tăng nợ vay để đầu tư mạnh vào việc gia tăng tài sản, xây dựng nhà máy và mở rộng các dự án hạ tầng công nghiệp.
- Chiến lược đầu tư và phát triển tài chính bền vững:
  + CNCTech có chiến lược tài chính rõ ràng, tập trung vào việc tạo ra giá trị lâu dài.
  + Tập đoàn đầu tư vào các dự án khu công nghiệp và nhà xưởng xây sẵn, mang lại nguồn doanh thu ổn định và dài hạn từ việc cho thuê.
  + Xây dựng hệ sinh thái gồm các công ty con và công ty liên kết giúp CNCTech khép kín chuỗi giá trị sản xuất, giảm chi phí và tối ưu hóa lợi nhuận.
  + Tập đoàn ưu tiên giữ lại toàn bộ lợi nhuận lũy kế để tái đầu tư vào sản xuất kinh doanh, thay vì chi trả cổ tức, thể hiện sự tập trung vào mục tiêu tăng trưởng dài hạn.

❖ Điểm yếu:

- CNCTech đầu tư lớn vào các tài sản dài hạn như nhà máy, nhà xưởng và khu công nghiệp. Các khoản đầu tư này cần thời gian dài để thu hồi vốn và tạo ra lợi nhuận, trong khi nợ vay

thường có kỳ hạn ngắn hơn, có thể gây ra sự mất cân đối giữa nguồn vốn và việc sử dụng vốn.

- Việc chưa niêm yết trên sàn chứng khoán làm hạn chế khả năng huy động vốn từ thị trường đại chúng, tìm kiếm nguồn vốn đa dạng và linh hoạt cho các dự án quy mô lớn trong tương lai.

17.2.3. Công nghệ

❖ Điểm mạnh:

- Công nghệ tạo sản phẩm: Đối với các năng lực cốt lõi, CNCTech đầu tư vào máy móc thiết bị, công nghệ mới và hiện đại, tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động kinh doanh.
- Tự động hóa và công nghệ thông minh:
- Nhà máy thông minh (Smart Factory): Tập đoàn đang đầu tư phát triển các nhà máy thông minh, nơi quy trình sản xuất được tự động hóa.
- Ứng dụng công nghệ 4.0: CNCTech tích hợp các công nghệ như Trí tuệ nhân tạo (AI) và Internet vạn vật (IoT) vào sản xuất để tối ưu hóa quy trình, giảm thiểu sai sót và nâng cao năng suất.
- Hệ thống quản lý: Tập đoàn sử dụng các phần mềm quản lý tiên tiến như ERP (Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp) và MES (Hệ thống điều hành sản xuất) để số hóa và đồng bộ hóa các hoạt động, từ đó quản lý hiệu quả hơn.
- Mô hình sản xuất OEM/ODM: Bên cạnh hoạt động Sản xuất thuê ngoài (OEM), CNCTech cũng đang đầu tư mở rộng sang mô hình ODM (Nhà sản xuất thiết kế gốc).
- Năng lực nghiên cứu và phát triển (R&D): Với mô hình ODM, CNCTech có khả năng tự thiết kế, phát triển sản phẩm từ ý tưởng ban đầu đến sản phẩm hoàn chỉnh, bao gồm thiết kế kiểu dáng, cơ khí, bo mạch, phần mềm và phần mềm nhúng. Điều này giúp CNCTech tạo ra giá trị gia tăng cao hơn và chủ động hơn trong chuỗi cung ứng.
- Cung cấp giải pháp trọn gói: Nhờ năng lực công nghệ đa dạng, CNCTech cung cấp các giải pháp "one-stop shop" (trọn gói), từ gia công chi tiết, lắp ráp, xử lý bề mặt đến đóng gói sản phẩm cuối cùng.

❖ Điểm yếu:

- Việc vận hành các máy móc hiện đại và hệ thống nhà máy thông minh (smart factory) đòi hỏi đội ngũ kỹ sư và công nhân có trình độ cao, được đào tạo chuyên sâu. CNCTech cần đầu tư mở rộng đội ngũ nhân lực chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu.
- Khi quy mô sản xuất và số lượng các nhà máy tăng lên, việc quản lý một hệ thống công nghệ phức tạp và đồng bộ hóa các quy trình trở nên khó khăn hơn. Điều này đòi hỏi một hệ thống quản lý sản xuất (MES) và hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) mạnh mẽ để tránh sai sót và tối ưu hóa hiệu quả.

17.2.4. Văn hóa doanh nghiệp

❖ Điểm mạnh:

- CNCTech không chỉ tập trung vào hiệu quả kinh doanh, mà còn xây dựng một cộng đồng

vững mạnh với 6 giá trị văn hoá cốt lõi "Phúc - Trí - Sáng, Thấu hiểu - Tuân thủ - Bứt phá" được đồng bộ, xuyên suốt trong toàn hệ thống, tạo nên môi trường làm việc tích cực, gắn kết, nền tảng cho sự phát triển.

- Các chương trình đào tạo, truyền thông nội bộ và hoạt động phúc lợi, gắn kết nhân viên luôn được CNCTech chú trọng, nhằm nuôi dưỡng một văn hóa doanh nghiệp mạnh mẽ, đảm bảo sự phát triển không ngừng của mỗi cá nhân và tập thể và xây dựng một cộng đồng CNCers hạnh phúc.

❖ Điểm yếu:

- Với tốc độ phát triển nhanh chóng và số lượng lớn nhân viên mới, việc đảm bảo mọi người đều hiểu và sống theo các giá trị cốt lõi trở nên khó khăn.
- Trong một môi trường tăng trưởng cao, việc tập trung quá mức vào kết quả kinh doanh có thể vô tình làm giảm sự quan tâm đến các khía cạnh khác của văn hóa doanh nghiệp.
- Môi trường bên ngoài: Cơ hội và thách thức từ thị trường, đối thủ, xu hướng kinh tế, chính trị, xã hội.

17.2.5. Thị trường

❖ Cơ hội:

- Khối Công nghệ Sản xuất
  + Nhu cầu thị trường lớn: Việt Nam đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng tỷ lệ nội địa hóa lên 45-50%, thu hút FDI trong các lĩnh vực như điện tử, bán dẫn, ô tô, ... Các tập đoàn đa quốc gia cũng đang tìm kiếm đối tác sản xuất tại Việt Nam để giảm chi phí và tối ưu chuỗi cung ứng. Điều này tạo ra nhu cầu rất lớn về các sản phẩm CNHT như linh kiện, phụ tùng, nguyên vật liệu.
  + Năng lực sản xuất trong nước được cải thiện: Các doanh nghiệp CNHT Việt Nam đã có những bước tiến nhất định về năng lực sản xuất, công nghệ, chất lượng sản phẩm trong một số lĩnh vực như khuôn mẫu, linh kiện cơ khí, nhựa, cao su..., tạo nền tảng thu hút FDI đến Việt Nam.
- Khối Giải pháp Công nghiệp
  + Ngành hạ tầng công nghiệp tại Việt Nam đang trải qua giai đoạn phát triển mạnh mẽ, thu hút sự quan tâm lớn từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Năm 2025, thị trường hạ tầng khu công nghiệp (KCN) và các sản phẩm "sẵn sàng vận hành" (nhà xưởng/kho xây sẵn) duy trì nền tảng tích cực, thể hiện qua tỷ lệ lấp đầy cao và mặt bằng giá thuê ổn định ở mức cao tại hai vùng kinh tế trọng điểm. Theo tổng hợp Savills về diễn biến nửa cuối năm 2025, tỷ lệ lấp đầy đất KCN tại miền Bắc đạt 86% với giá đất bình quân khoảng 141 USD/m², trong khi miền Nam đạt 90% với giá đất bình quân khoảng 191 USD/m².
  + Các tỉnh thành trọng điểm bao gồm: Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hải Dương và Hưng Yên. Theo tổng hợp từ các báo cáo thị trường ở phân khúc "đất KCN lõi", khu vực miền Bắc (Tier-1) ghi nhận tỷ lệ lấp đầy đạt 81,2% trong Q4/2025, với diện tích hấp thụ ròng hơn 110 ha (tăng 25% so với quý trước); giá chào thuê bình quân tăng 7,3% so với cùng

kỳ, lên khoảng 166,5 USD/m²/kỳ thuê. Nguồn cung mới trong quý không biến động đáng kể, tuy nhiên nguồn cung tương lai dự kiến gia tăng nhờ danh mục dự án đang đầu tư/xây dựng cho giai đoạn 2026–2027. Tại miền Nam, tỷ lệ lấp đầy toàn thị trường đạt 84% trong Q4/2025, với tổng nguồn cung khoảng 27.900 ha; giá chào thuê bình quân khoảng 207 USD/m²/kỳ thuê, tăng 1,7% so với cùng kỳ.

+ Khu vực phía Bắc chứng kiến nguồn cung dồi dào với nguồn cung lũy kế tại thị trường cấp 1 đạt 11.550 ha và 8.802 ha tại thị trường cấp 2 tính đến cuối năm 2023. Mức giá cho thuê đất KCN năm 2025 trung bình đạt 135 USD/m2/chu kỳ thuê, tăng mạnh khoảng 30% so với năm 2024. Phân khúc nhà xưởng xây sẵn cũng duy trì lực cầu tốt nhờ nhu cầu "vào vận hành nhanh". Theo báo cáo của Savills, miền Bắc có giá thuê nhà xưởng xây sẵn khoảng 5,1 USD/m²/tháng, trong khi miền Nam đạt tỷ lệ lấp đầy 92% với giá thuê bình quân khoảng 4,4 USD/m²/tháng.

+ Xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu: Xu hướng các doanh nghiệp đa quốc gia dịch chuyển nhà máy sản xuất từ Trung Quốc và các quốc gia khác sang Việt Nam để đa dạng hóa chuỗi cung ứng và giảm thiểu rủi ro tiếp tục tạo động lực lớn cho bất động sản công nghiệp.

+ Xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu: Xu hướng các doanh nghiệp đa quốc gia dịch chuyển nhà máy sản xuất từ Trung Quốc và các quốc gia khác sang Việt Nam để đa dạng hóa chuỗi cung ứng và giảm thiểu rủi ro tiếp tục tạo động lực lớn cho bất động sản công nghiệp.

+ Bất động sản công nghiệp hỗ trợ: Các khu công nghiệp chuyên biệt dành cho các doanh nghiệp cung cấp linh kiện, phụ tùng cho các ngành công nghiệp lớn cũng đang được quan tâm.

+ Đất công nghiệp cho thuê: Nhu cầu thuê đất công nghiệp để xây dựng nhà máy, xưởng sản xuất tiếp tục tăng cao, đặc biệt là ở các khu vực kinh tế trọng điểm.

+ Nhà xưởng xây sẵn cho thuê: Phân khúc này phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí đầu tư ban đầu.

- Khối Dịch vụ Logistics

+ Thương mại và dòng hàng tăng tạo "cầu nền" bền vững cho logistics và kho bãi: Năm 2025, ngành logistics Việt Nam tiếp tục mở rộng trên nền dòng hàng tăng mạnh và nhu cầu vận tải – kho bãi phục vụ sản xuất, lưu thông và xuất nhập khẩu. Theo Tổng cục Thống kê, khối lượng hàng hóa vận chuyển năm 2025 ước đạt 3.027,7 triệu tấn (tăng 14,1%) và luân chuyển đạt 612,3 tỷ tấn.km (tăng 13,1%), phản ánh mức độ sôi động của thị trường vận tải hàng hóa và nhu cầu dịch vụ logistics đi kèm.

+ Thương mại và dòng hàng tăng tạo "cầu nền" bền vững cho logistics và kho bãi: Năm 2025, ngành logistics Việt Nam tiếp tục mở rộng trên nền dòng hàng tăng mạnh và nhu cầu vận tải – kho bãi phục vụ sản xuất, lưu thông và xuất nhập khẩu. Theo Tổng cục Thống kê, khối lượng hàng hóa vận chuyển năm 2025 ước đạt 3.027,7 triệu tấn (tăng

14,1%) và luân chuyển đạt 612,3 tỷ tấn.km (tăng 13,1%), phản ánh mức độ sôi động của thị trường vận tải hàng hóa và nhu cầu dịch vụ logistics đi kèm.

+ Sự phát triển của thương mại điện tử và logistics: Sự bùng nổ của thương mại điện tử kéo theo nhu cầu lớn về kho bãi, trung tâm logistics hiện đại, tạo ra cơ hội cho các nhà đầu tư bất động sản công nghiệp. Theo báo cáo e-Conomy SEA (Google–Temasek–Bain) ghi nhận kinh tế số Đông Nam Á tiếp tục tăng trưởng, là nền cho nhu cầu logistics giao nhanh, xử lý đơn và quản trị hoàn hàng. Riêng Việt Nam, các tổng hợp theo e-Conomy SEA được nhiều cơ quan truyền thông kinh tế trích dẫn cho thấy GMV số và TMĐT vẫn tăng, kéo theo nhu cầu kho vùng, trung tâm phân phối và dịch vụ last-mile.

+ Nhu cầu nội địa tăng cao: Kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng, thu nhập người dân được cải thiện, dẫn đến nhu cầu tiêu dùng hàng hóa tăng cao, thúc đẩy sản xuất và nhu cầu về không gian công nghiệp.

+ Kho bãi và trung tâm logistics: Nhu cầu về kho bãi hiện đại, trung tâm logistics ngày càng tăng cao do sự phát triển của thương mại điện tử và logistics.

+ Nâng cấp hạ tầng giao thông giúp mở rộng "vành đai logistics" và tối ưu chi phí vận chuyển: Cải thiện kết nối liên vùng (cao tốc, vành đai, sân bay, cảng) tạo điều kiện hình thành các cụm kho bãi mới và tối ưu mạng lưới hub-and-spoke, giảm thời gian và rủi ro giao hàng. *(Bối cảnh chi phí logistics của Việt Nam historically cao khiến hiệu quả hạ tầng có tác động trực tiếp đến sức cạnh tranh.)* Các doanh nghiệp có xu hướng dịch chuyển một phần kho khỏi lõi đô thị ra vệ tinh để cân bằng chi phí và SLA.

❖ Thách thức:

- Khối Công nghệ Sản xuất:

+ Thiếu liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước: Sự liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp CNHT Việt Nam còn lỏng lẻo, chưa hình thành được chuỗi cung ứng bền vững.

+ Nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu: Đội ngũ kỹ sư, công nhân kỹ thuật lành nghề trong lĩnh vực CNHT còn thiếu hụt, ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Khối Giải pháp Công nghiệp:

+ Giá thuê đất và nhà xưởng ở một số khu vực trọng điểm đang có xu hướng tăng cao, gây áp lực cho các nhà đầu tư.

- Khối Dịch vụ Logistics:

+ Chi phí logistics và hiệu quả kết nối đa phương thức còn là áp lực dài hạn. Sự thiếu đồng bộ giữa đường bộ–đường sắt–đường thủy–hàng không và tình trạng ùn tắc ở một số cửa ngõ khiến chi phí/leadtime biến động theo tuyến, làm giảm biên tối ưu chi phí của doanh nghiệp logistics

17.2.6. Đối thủ

❖ Cơ hội:

- Khối Công nghệ Sản xuất:
  + CNCTech đầu tư quy mô lớn, hạ tầng thiết bị công nghệ và hệ thống quản trị hiện đại, đồng bộ, nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo ra lợi thế cạnh tranh vượt trội so với các doanh nghiệp CNHT trên thị trường Việt Nam, trở thành nhà cung cấp của nhiều tập đoàn đa quốc gia, xuất khẩu sản phẩm đi 35 quốc gia.
  + Theo số liệu thống kê từ Bộ Công Thương đầu năm 2025, Việt Nam có khoảng hơn 6.000 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực CNHT, trong đó khoảng 800 doanh nghiệp đủ năng lực tham gia vào chuỗi cung ứng đa quốc gia, là nhà cung ứng cấp 1, 2, 3 cho các tập đoàn toàn cầu.
  + Phần lớn các doanh nghiệp CNHT là doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), chiếm khoảng 88% và hiện chỉ đáp ứng khoảng 10% nhu cầu linh kiện cho thị trường trong nước.
  + Do hạn chế năng lực về vốn, công nghệ, quản lý còn yếu, các doanh nghiệp CNHT Việt Nam chủ yếu cung cấp cho thị trường nội địa hoặc tham gia vào các khâu có giá trị gia tăng thấp trong chuỗi cung ứng toàn cầu, khó đáp ứng được yêu cầu khắt khe về chất lượng, số lượng và thời gian giao hàng của các doanh nghiệp FDI và các tập đoàn đa quốc gia.
- Khối Giải pháp Công nghiệp:
  + sinh thái dịch vụ tích hợp toàn diện từ tư vấn pháp lý, thủ tục đầu tư, thiết kế và xây dựng, hoàn thiện công trình, phòng cháy chữa cháy, đến vận hành... giúp khách hàng rút ngắn thời gian triển khai chỉ còn 1-3 tháng, tối ưu hóa hiệu suất, giảm thiểu chi phí và đáp ứng các tiêu chuẩn sản xuất bền vững của quốc tế.
  + CNCTech là chủ đầu tư - nhà phát triển hạ tầng, dịch vụ - đồng thời là nhà đầu tư (CNCTech cũng là một Tập đoàn sản xuất), do vậy có sự am hiểu sâu sắc về sản phẩm, khả năng linh hoạt tùy chỉnh giải pháp theo nhu cầu của từng doanh nghiệp, tạo nên lợi thế cạnh tranh lớn, đặc biệt đối với các nhà đầu tư nước ngoài (FDI) cần một đối tác bản địa đáng tin cậy.
- Khối Dịch vụ Logistics:
  + CNCTech là chủ đầu tư – nhà phát triển hạ tầng Logistics nên chủ động xác lập 3 (ba) vai trò trọng tâm để đáp ứng nhu cầu của tất cả các khách hàng: i) Xác lập và xây dựng Trung tâm Logistics tiêu chuẩn Quốc tế, giữ vị trí là cầu nối và cửa ngõ giao thương đặc biệt với các quốc gia phát triển ngành Logistics, phát huy lợi thế địa lý nằm trên hành lang kinh tế xuyên biên giới và gắn kết trực tiếp với các vùng sản xuất trọng điểm; ii) Các Trung tâm Logitsics được định hướng là trung tâm tích hợp đồng bộ giữa hạ tầng, dịch vụ và công nghệ, tạo nên một nền tảng logistics hoàn chỉnh thay vì chỉ cung cấp diện tích kho bãi truyền thống; iii) Xây dựng các Trung tâm Logistics có khả năng kết nối và mở rộng sang các nền tảng hạ tầng khác trong hệ thống CNCTech, đồng thời tích hợp với hệ sinh thái dịch vụ logistics đang được hình thành. Cấu trúc này tạo nền tảng liên thông giữa hạ tầng - dịch vụ - công nghệ, làm cơ sở cho tăng trưởng dài hạn.

❖ Thách thức:

- Công nghệ sản xuất: Thị phần của các doanh nghiệp Việt Nam trong ngành CNHT còn hạn chế, chỉ chiếm khoảng 25-30%, trong khi các doanh nghiệp FDI chiếm ưu thế với 70-75%. Doanh thu sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp CNHT đạt hơn 1 triệu tỷ đồng vào năm 2022, đóng góp khoảng 11% tổng doanh thu toàn ngành chế biến, chế tạo.
- Giải pháp Công nghiệp: Cạnh tranh từ các nước trong khu vực: Việt Nam phải đối mặt với sự cạnh tranh từ các nước khác trong khu vực như Thái Lan, Indonesia, Malaysia trong việc thu hút FDI và phát triển bất động sản công nghiệp.
- Dịch vụ Logistics: Phải đối mặt với sự cạnh tranh từ các đối thủ hoạt động trong ngành Logistics lâu năm.

17.2.7. Xu hướng kinh tế, chính trị, xã hội

❖ Cơ hội:

- Khối Công nghệ Sản xuất:
  + Biến động địa chính trị toàn cầu: Sự dịch chuyển chuỗi cung ứng khỏi Trung Quốc do chiến lược "friendshoring" của Mỹ và EU đang tạo điều kiện cho Việt Nam thu hút nhiều tập đoàn công nghệ, điện khí hóa và cơ khí chính xác. Chính sách hỗ trợ sản xuất của các nước phương Tây và nhu cầu mở rộng công suất tại Đông Nam Á khiến nhu cầu về linh kiện, vật liệu công nghiệp và gia công chính xác gia tăng mạnh.
  + Chính sách hỗ trợ của nhà nước: Chính phủ Việt Nam đã và đang triển khai nhiều chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, đất đai, đào tạo nguồn nhân lực... nhằm khuyến khích phát triển CNHT (như Quyết định 9028/QĐ-BCT, Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2021-2025).
  + Hoàn thiện hạ tầng: Sự phát triển mạnh mẽ của cơ sở hạ tầng, đặc biệt là các khu công nghiệp hiện đại và các tuyến giao thông kết nối, sẽ tạo ra cơ hội lớn cho ngành sản xuất CNHT tại Việt Nam.
  + Lợi thế về chi phí lao động: So với nhiều nước trong khu vực, chi phí lao động ở Việt Nam còn tương đối thấp, tạo lợi thế cạnh tranh về giá thành sản phẩm CNHT.
  + Hội nhập kinh tế quốc tế: Việc Việt Nam tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) như CPTPP, EVFTA... mở ra cơ hội tiếp cận thị trường quốc tế rộng lớn cho các doanh nghiệp CNHT.
- Khối Giải pháp Công nghiệp:
  + Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam tham gia: tổng cộng 19 hiệp định đã ký kết, thực thi và đang đàm phán giúp Việt Nam trở thành một điểm đến hấp dẫn để đầu tư.
  + Hạ tầng giao thông ngày càng được cải thiện: Chính phủ Việt Nam đang đầu tư mạnh vào phát triển hạ tầng giao thông, bao gồm đường bộ, đường sắt, cảng biển và sân bay, giúp kết nối các khu công nghiệp với các trung tâm kinh tế và thị trường tiêu thụ. Điều này đặc biệt quan trọng để giảm chi phí logistics và tăng tính cạnh tranh.
  + Chính sách thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) hấp dẫn: Việt Nam duy trì môi trường đầu tư cởi mở với nhiều ưu đãi về thuế, đất đai và thủ tục hành chính, thu hút mạnh mẽ dòng

vốn FDI vào lĩnh vực sản xuất và công nghiệp.

+ Theo thống kê, vốn FDI đăng ký và giải ngân vào Việt Nam liên tục tăng trưởng, đặc biệt là trong lĩnh vực chế biến, chế tạo.
+ Chính sách phát triển khu công nghiệp và khu kinh tế: Nhà nước tiếp tục quy hoạch và phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế với hạ tầng đồng bộ và các dịch vụ hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư.

- Khối Dịch vụ Logistics

+ FTA và FDI tăng mạnh: Các Hiệp định thương mại tự do (FTA) như EVFTA, CPTPP và dòng vốn FDI chuyển dịch vào Việt Nam thúc đẩy xuất nhập khẩu, tăng nhu cầu dịch vụ logistics.
+ Chính sách phát triển của Nhà nước: Với môi trường chính trị ổn định, tạo môi trường kinh doanh an toàn, thu hút đầu tư nước ngoài vào hạ tầng. Chính phủ đẩy mạnh đầu tư hạ tầng giao thông (cao tốc, cảng biển) và chuyển đổi số.
+ Định hướng Logistics xanh hóa: Nhu cầu tiêu dùng bền vững buộc doanh nghiệp áp dụng các công nghệ mới ứng dụng AI, Big Data, và Robot/Drone trong kho bãi và giao hàng, đặc biệt là kinh tế tầm thấp (drone giao hàng).

❖ Thách thức:

- Khối Công nghệ Sản xuất:

+ Tình hình kinh tế thế giới biến động, lạm phát và các căng thẳng thương mại có thể làm giảm đơn hàng, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của CNCTech cũng như các đối tác của họ.
+ Các thay đổi trong chính sách của các quốc gia khác (như thay đổi chính sách đầu tư, thuế) có thể ảnh hưởng đến nhu cầu sản xuất.
+ Mặc dù CNCTech đang nỗ lực tối ưu hóa, chi phí logistics tại Việt Nam vẫn ở mức cao hơn so với thế giới (chiếm khoảng 16,5-16,8% GDP), điều này làm giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp và chuỗi cung ứng nói chung.
+ Xu hướng phát triển bền vững và sản xuất xanh đang trở nên phổ biến, đòi hỏi các doanh nghiệp phải đầu tư vào công nghệ mới để giảm phát thải và tối ưu hóa năng lượng. Việc cân bằng giữa hiệu quả kinh tế và các yêu cầu về môi trường là một thách thức không nhỏ.

- Khối Giải pháp Công nghiệp:

+ Vấn đề về quy hoạch và thủ tục hành chính: Một số địa phương còn gặp khó khăn trong công tác quy hoạch, giải phóng mặt bằng và thủ tục hành chính, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án.
+ Hạ tầng chưa đồng bộ ở một số khu vực: Mặc dù hạ tầng giao thông đang được cải thiện, nhưng ở một số khu vực vẫn còn thiếu đồng bộ, ảnh hưởng đến hoạt động của các khu công nghiệp.
+ Yêu cầu về phát triển bền vững: Các nhà đầu tư và khách hàng ngày càng quan tâm đến các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) trong bất động sản công nghiệp, đòi hỏi

các dự án phải đáp ứng các tiêu chuẩn về tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội.

- Khối Dịch vụ Logistics:
  + Chương trình đào tạo tại các trường đại học vẫn chưa theo kịp tốc độ phát triển của công nghệ và xu hướng ngành, trong khi số lượng giảng viên có kinh nghiệm thực tiễn còn hạn chế. Theo VLA, chỉ khoảng 24% nhân lực trong ngành logistics được đào tạo chuyên sâu, khiến nguồn nhân lực chất lượng cao trở thành một bài toán nan giải.
  + Chính sách của Nhà nước thay đổi: Yêu cầu về tuân thủ, an ninh mạng, và rủi ro chuỗi cung ứng trong bối cảnh địa chính trị phức tạp.

*17.3. Xác định mục tiêu chiến lược & lựa chọn chiến lược phát triển*

17.3.1. Khối Công nghệ Sản xuất

Giai đoạn 2026–2030 đánh dấu bước chuyển quan trọng của CNCTech trong quá trình phát triển từ một doanh nghiệp sản xuất cơ khí – công nghiệp sang mô hình tập đoàn công nghiệp – công nghệ – logistics tích hợp, hướng tới mục tiêu trở thành hệ sinh thái công nghiệp xanh và thông minh hàng đầu tại Việt Nam và khu vực. Trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu đang tái cấu trúc mạnh mẽ, đặc biệt là sự dịch chuyển sản xuất từ các nền kinh tế truyền thống sang khu vực Đông Nam Á, Việt Nam đang nổi lên như một điểm đến chiến lược cho các ngành Công nghệ Sản xuất cao, điện tử và bán dẫn. CNCTech tận dụng xu thế này để xây dựng một hệ sinh thái công nghiệp tích hợp, kết nối chặt chẽ giữa Công nghệ sản xuất, , giải pháp công nghiệpcông nghệ và dịch vụ logistics nhằm tối ưu hóa chuỗi cung ứng cho khách hàng toàn cầu.

Mục tiêu chiến lược đến năm 2030 là đưa CNCTech trở thành tập đoàn công nghiệp – logistics quy mô quốc tế, với doanh thu hướng tới 1 tỷ USD, trong đó khoảng 70% đến từ thị trường quốc tế.

Song song với mục tiêu tăng trưởng về quy mô, CNCTech cũng hướng đến phát triển bền vững thông qua mô hình khu công nghiệp xanh, nhà máy thông minh và chuỗi logistics thân thiện môi trường. Để hiện thực hóa mục tiêu này, CNCTech triển khai chiến lược phát triển dựa trên ba trụ cột chiến lược, bao gồm:

Công nghệ sản xuất – CNCTech (Intergrated Manufacturing Services) – phát triển năng lực sản xuất công nghệ cao và tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Giải pháp công nghiệp - CNCIndustrial(Industrial Solutions) – cung cấp hệ sinh thái hạ tầng và giải pháp công nghiệp toàn diện cho các nhà đầu tư.

Dịch vụ logistics CNCLogis (Logistics Services) – xây dựng mạng lưới logistics tích hợp hỗ trợ chuỗi cung ứng công nghiệp.

a. Mục tiêu chiến lược:
   - Trở thành tập đoàn Top 01 Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp hỗ trợ đến năm 2030.
   - Tiên phong trong **ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại** để tối ưu hóa sản xuất tại Việt Nam.

b. Lựa chọn chiến lược phát triển:

❖ Chiến lược tăng trưởng:

- Phát triển thị trường: Từ năm 2022 CNCTech đã đầu tư, phát triển đội ngũ kinh doanh, marketing quốc tế. Không dừng lại ở thị trưởng truyền thống là Việt Nam và Nhật Bản mà xác định mở rộng tăng trưởng sang các thị trưởng lớn hơn, năng động hơn như: Mỹ, Đức và Hàn Quốc. Bắt đầu từ cuối năm 2024 đã phát triển các đại diện kinh doanh, tiến tới mở chi nhánh, công ty tại các nước này. CNCTech không chỉ phát triển kinh doanh cho CNCTech Group mà mục tiêu sẽ là cầu nối của sản xuất Việt Nam ra thế giới xác định đây là chiến lược tăng trưởng doanh thu nhanh chóng, hiệu quả.
- Mở rộng mạng lưới: Một định hướng quan trọng của CNCTech là phát triển mô hình sản xuất tích hợp (integrated manufacturing ecosystem), kết nối các nhà máy và công ty thành viên thành một chuỗi cung ứng nội bộ hiệu quả. Hệ sinh thái này cho phép doanh nghiệp cung cấp dịch vụ "one-stop manufacturing" cho khách hàng quốc tế, từ thiết kế sản phẩm, phát triển nguyên mẫu, gia công linh kiện đến lắp ráp và kiểm thử. Việc tích hợp năng lực sản xuất giúp CNCTech rút ngắn thời gian phát triển sản phẩm, tối ưu chi phí và nâng cao khả năng đáp ứng các dự án công nghiệp phức tạp. Tiếp tục đầu các công ty sản xuất cốt lõi để hoàn thiện hơn chuỗi sản xuất tích hợp. Cụ thể sẽ đầu tư vào công ty sử lý bề mặt , công ty sản xuất linh kiện cho ngành hàng không- CNCTech Aerospace, triển khai dự án sản xuất công nghệ cao tại CNCTech Hitech và nhiều dụ án về công nghệ chế tạo khác. Tiên phong hỗ trợ phát triển thị trường cho các công ty con, công ty liên kết, bổ trợ, tương hộ tạo thành hệ sinh thái công nghiệp chế tạo, cung cấp giải phát toàn diện và tăng trưởng tự nhiên, đồng bộ thần tốc.

❖ Chiến lược cạnh tranh:

- Mở rộng năng lực sản xuất công nghệ cao: CNCTech tập trung mở rộng năng lực sản xuất trong các lĩnh vực cơ khí chính xác và gia công công nghệ cao nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của chuỗi cung ứng công nghiệp toàn cầu. Doanh nghiệp tiếp tục đầu tư vào hệ thống máy CNC hiện đại, công nghệ gia công đa trục, dây chuyền tự động hóa và các hệ thống kiểm tra chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế. Mục tiêu là xây dựng các nhà máy có khả năng cung cấp dịch vụ sản xuất tích hợp từ thiết kế, chế tạo nguyên mẫu đến sản xuất hàng loạt. Việc nâng cấp công nghệ sản xuất giúp CNCTech tham gia sâu hơn vào các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao như thiết bị bán dẫn, thiết bị y tế, hàng không – vũ trụ và công nghiệp ô tô.
- Xây dựng mô hình quản trị xuất sắc: Ứng dụng công nghệ trong quản trị như phần mềm quản lý sản xuất, robot tự động hóa, camera AI. Triển khai hệ thống KPI cho 100% vị trí, đồng thời đẩy mạnh đào tạo và trao quyền cho cán bộ nhân viên, khuyến khích sáng tạo và chủ động. Mục tiêu là **giảm 20% chi phí vận hành hàng năm,** từ đó tạo lợi thế cạnh tranh bền vững.
- Đầu tư vào đổi mới sáng tạo: Tập trung mạnh vào nghiên cứu – phát triển công nghệ, hướng đến các ngành sản xuất hàm lượng chất xám cao và phức tạp, đồng thời nghiên cứu, phát triển các giải pháp nhằm tối ưu hóa sản xuất, các công cụ quản trị để nâng cao hiệu xuất lao

động, đảm bảo tính ổn định cao về chất lượng từ đó tạo sự khác biệt và lợi thế cạnh tranh dài hạn cho các công ty sản xuất. Để duy trì lợi thế cạnh tranh dài hạn, CNCTech chú trọng đầu tư vào hoạt động nghiên cứu và phát triển thông qua Trung tâm Đổi mới Sáng tạo (Innovation Center). Trung tâm này đóng vai trò nghiên cứu công nghệ sản xuất mới, thử nghiệm giải pháp tự động hóa và phát triển các thiết kế máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất. Hoạt động R&D không chỉ giúp nâng cao hiệu quả sản xuất nội bộ mà còn hỗ trợ khách hàng trong quá trình phát triển sản phẩm. Việc tăng cường năng lực R&D cho phép CNCTech chuyển dịch dần từ mô hình gia công truyền thống sang cung cấp các giải pháp công nghệ có giá trị gia tăng cao hơn.

❖ Chiến lược hợp tác: Chủ động tham gia các hiệp hội, tổ chức trong và ngoài nước để chia sẻ kinh nghiệm, phát triển mạng lưới đối tác và nhà cung cấp, hình thành chuỗi cung ứng đủ lớn tại Việt Nam phục vụ ngành công nghiệp chế tạo toàn cầu.

❖ Mở rộng hợp tác chiến lược thông qua mua bán – sáp nhập các công ty bản địa tại Nhật Bản, Mỹ, Châu Âu, Đài Loan, Hàn Quốc. Đồng thời, sẵn sàng liên doanh – liên kết mở nhà máy với các đối tác quốc tế để tận dụng lợi thế, học hỏi kinh nghiệm, kỹ thuật và thúc đẩy tăng trưởng nhanh chóng, bền vững.

❖ Chiến lược phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao

- Nguồn nhân lực kỹ thuật là yếu tố quyết định năng lực công nghệ của doanh nghiệp sản xuất. CNCTech tập trung phát triển đội ngũ kỹ sư và chuyên gia trong các lĩnh vực cơ khí chính xác, tự động hóa, thiết kế công nghiệp và quản lý chất lượng.
- Thông qua các chương trình đào tạo nội bộ, hợp tác với các trường đại học và chuyển giao công nghệ từ các đối tác quốc tế, doanh nghiệp từng bước xây dựng lực lượng kỹ sư có khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn sản xuất toàn cầu.

  Việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao không chỉ hỗ trợ hoạt động sản xuất hiện tại mà còn tạo nền tảng cho đổi mới công nghệ và mở rộng sang các lĩnh vực công nghiệp tiên tiến trong tương lai.

17.3.2 Khối Giải pháp Công nghiệp:

a. Mục tiêu chiến lược:

- Trở thành đơn vị tiên phong cung cấp giải pháp toàn diện, xanh – thông minh trong lĩnh vực Giải pháp công nghiệp. Trong giai đoạn 2026 - 2030, CNCTech hướng tới trở thành nhà cung cấp giải pháp công nghiệp trọn gói, cung cấp đầy đủ các dịch vụ từ hạ tầng khu công nghiệp, nhà xưởng, tự động hóa, công nghệ nhà máy đến các dịch vụ vận hành và hỗ trợ đầu tư.
- Khẳng định vị thế dẫn đầu miền Bắc về cung ứng kho bãi và nhà xưởng xây sẵn.

b. Lựa chọn chiến lược phát triển:

❖ Chiến lược tăng trưởng:

- Mở rộng quốc tế: Đẩy mạnh marketing toàn cầu, xúc tiến đầu tư, tham gia hiệp hội quốc tế; kết hợp phân tích thị trường, am hiểu khách hàng và nắm bắt kịp thời xu hướng dịch chuyển sản xuất toàn cầu.

- Phát triển mô hình "sẵn sàng": Tập trung xây dựng sẵn nhà xưởng, kho bãi để giúp khách hàng nhanh chóng đi vào hoạt động. Mục tiêu đến năm 2030: Dẫn đầu miền Bắc về cung ứng nhà xưởng và kho bãi xây sẵn với quy mô 500 ha được lấp đầy.
- Hợp tác chiến lược: Khai thác tối đa các thỏa thuận hợp tác với Tập đoàn Sumitomo (Nhật Bản), Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình và các đối tác lớn trong – ngoài nước để tận dụng nguồn lực, công nghệ, gia tăng sức bật.
- Hoàn thiện các dự án trọng điểm: Đến năm 2030, hoàn thiện CNCTech Bá Thiện 1 (165 ha), Trung tâm Logistics Quốc tế Bắc Giang (66 ha), và Khu công nghiệp xanh – thông minh Green Park Nam Bình Xuyên (gần 300 ha, Vĩnh Phúc). Đồng thời, phát triển các dự án nhà ở và dịch vụ lưu trú cho chuyên gia, người lao động để kiến tạo một cộng đồng – hệ sinh thái bền vững.
- Phát triển hệ sinh thái dịch vụ vận hành công nghiệp: Bên cạnh hạ tầng và công nghệ, CNCTech cũng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ vận hành nhà máy như bảo trì – bảo dưỡng kỹ thuật, quản lý năng lượng, xử lý nước thải tuần hoàn và năng lượng tái tạo. Hỗ trợ nhà đầu tư thủ tục hành chính, môi trường, lao động, kết nối đào tạo nhân lực, tạo hệ sinh thái "plug & play" cho khách thuê.

❖ Chiến lược cạnh tranh:

- Khẳng định vị thế tiên phong: Giải pháp công nghiệp tạo ra những sản phẩm khác biệt, dẫn đầu thị trường với tư duy chiến lược "Đại dương xanh".
- Khác biệt hóa hệ sinh thái: Thay vì chỉ cung cấp một phần dịch vụ như các nhà đầu tư lớn BWI, SLP, Core5, Viglacera, VSIP…, CNCTech Group xây dựng giải pháp toàn diện, trọn gói từ giai đoạn hình thành đến suốt quá trình vận hành. Với tốc độ vượt trội, giải pháp linh hoạt và tùy chỉnh, CNCTech giúp nhà đầu tư tối ưu hiệu quả, thời gian, chi phí — thậm chí rút ngắn thời gian vận hành chỉ còn 1–3 tháng.
- Định hướng xanh – thông minh: Một trong những định hướng trọng tâm của CNCTech là phát triển các khu công nghiệp thế hệ mới theo mô hình khu công nghiệp xanh và thông minh (Green & Smart Industrial Parks). Các khu công nghiệp này được quy hoạch với hạ tầng kỹ thuật hiện đại, tích hợp các tiêu chuẩn môi trường và hệ thống quản lý năng lượng hiệu quả. Trong đó, hệ thống điện mặt trời mái nhà trong các khu công nghiệp được đặt mục tiêu đạt công suất 300 MW vào năm 2030, góp phần giảm chi phí năng lượng cho doanh nghiệp và thúc đẩy phát triển bền vững. Mô hình này không chỉ giúp giảm thiểu tác động môi trường mà còn tạo ra môi trường sản xuất bền vững cho các doanh nghiệp công nghệ cao. Bên cạnh đó, CNCTech hướng tới thiết kế, phát triển các khu công nghiệp chuyên biệt cho các ngành công nghiệp như điện tử, thiết bị công nghiệp và bán dẫn, qua đó tạo điều kiện hình thành các cụm chuyên môn hóa (industrial clusters) và thúc đẩy sự phát triển của hệ sinh thái công nghiệp phụ trợ. Tập đoàn tiên phong ứng dụng công nghệ số, IoT, AI, Big Data trong quản lý và vận hành; đồng thời áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo, tuần hoàn, lắp đặt điện mặt trời mái nhà với mục tiêu 300 MW vào năm 2030. CNCTech Group còn cung cấp giải pháp nhà máy thông minh bao gồm thiết kế nhà máy, triển khai hệ thống tự động hóa, tích hợp robot công nghiệp và ứng dụng các nền tảng quản lý sản xuất số hóa. Thông qua việc cung cấp giải pháp nhà máy thông minh, CNCTech

giúp các doanh nghiệp tối ưu hóa hiệu quả sản xuất, nâng cao năng suất và giảm chi phí vận hành. Mô hình này cũng giúp CNCTech tận dụng kinh nghiệm thực tiễn trong vận hành các nhà máy của mình để cung cấp các giải pháp phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực công nghiệp.

- Ba lợi thế cạnh tranh (USP): Linh hoạt – Giải pháp toàn diện – Dịch vụ khách hàng xuất sắc. Với lợi thế là một nhà sản xuất, CNCTech am hiểu nhu cầu của doanh nghiệp sản xuất để mang đến các giải pháp tối ưu, khác biệt.
- Phát triển nền tảng công nghiệp số: Trong bối cảnh chuyển đổi số đang trở thành xu hướng tất yếu trong ngành công nghiệp, CNCTech hướng tới xây dựng các nền tảng số phục vụ quản lý và vận hành hệ sinh thái công nghiệp. Các nền tảng này có thể bao gồm hệ thống quản lý khu công nghiệp thông minh, nền tảng quản lý năng lượng và hệ thống giám sát vận hành sản xuất theo thời gian thực. Việc ứng dụng công nghệ số không chỉ giúp nâng cao hiệu quả vận hành mà còn tạo ra khả năng kết nối dữ liệu giữa các doanh nghiệp trong hệ sinh thái CNC.

17.3.3 Dịch vụ Logistics

a. Mục tiêu chiến lược:

- Logistics đóng vai trò là hạ tầng kết nối toàn bộ hệ sinh thái công nghiệp của CNCTech, đảm bảo dòng chảy hiệu quả của nguyên vật liệu, linh kiện và sản phẩm trong chuỗi cung ứng.
- Trong giai đoạn 2026–2030, CNCTech hướng tới xây dựng và vận hành mạng lưới logistics xanh – thông minh, kết nối trực tiếp với các khu công nghiệp và nhà máy, trở thành xương sống của chuỗi cung ứng công nghiệp CNCTech. Đồng thời, phát triển các trung tâm logistics tiêu chuẩn quốc tế với dịch vụ đa dạng từ kho bãi, vận tải đa phương thức đến quản trị chuỗi cung ứng tích hợp, tối ưu hóa hiệu quả, chi phí và tính bền vững cho khách hàng trong nước và quốc tế.
- Việc tích hợp logistics với các khu công nghiệp và hoạt động sản xuất trong hệ sinh thái CNCEco giúp CNCTech tạo ra một mô hình industrial logistics ecosystem, trong đó các dịch vụ logistics được thiết kế phù hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp.

b. Lựa chọn chiến lược phát triển:

- Phát triển mạng lưới trung tâm logistics công nghiệp: CNCTech định hướng phát triển các trung tâm logistics gắn với các khu công nghiệp trong hệ sinh thái. Các trung tâm này đóng vai trò là điểm trung chuyển hàng hóa, hỗ trợ lưu trữ nguyên vật liệu và phân phối sản phẩm đến các thị trường trong nước và quốc tế. Việc phát triển mạng lưới trung tâm logistics giúp CNCTech rút ngắn thời gian vận chuyển, giảm chi phí logistics và nâng cao hiệu quả vận hành chuỗi cung ứng cho khách hàng.
- Mở rộng dịch vụ logistics tích hợp: Bên cạnh quản lý và vận hành hoạt động kho bãi và vận chuyển, CNCTech hướng tới cung cấp các dịch vụ logistics tích hợp bao gồm quản lý chuỗi cung ứng, vận tải đa phương thức và dịch vụ phân phối. Các dịch vụ này được thiết kế nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất tối ưu hóa toàn bộ quá trình vận chuyển và phân phối hàng hóa. Việc cung cấp dịch vụ logistics tích hợp giúp CNCTech nâng cao giá trị cung cấp cho khách hàng và mở rộng vai trò trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Ứng dụng công nghệ số trong quản lý logistics: Chuyển đổi số là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả của hệ thống logistics. CNCTech định hướng ứng dụng các công nghệ số như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và nền tảng quản lý logistics để tối ưu hóa hoạt động vận chuyển và quản lý kho bãi. Các hệ thống này giúp doanh nghiệp theo dõi dòng hàng hóa theo thời gian thực, tối ưu hóa tuyến vận chuyển và nâng cao khả năng dự báo nhu cầu logistics.
- Phát triển logistics xanh và bền vững: Bên cạnh hiệu quả vận hành, CNCTech cũng hướng tới phát triển các giải pháp logistics thân thiện với môi trường nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường. Các giải pháp này có thể bao gồm tối ưu hóa tuyến vận chuyển, sử dụng phương tiện vận tải tiết kiệm năng lượng và ứng dụng các công nghệ quản lý năng lượng trong hệ thống kho bãi. Điều này phù hợp với định hướng phát triển khu công nghiệp xanh và hệ sinh thái công nghiệp bền vững của CNCTech

## *17.4. Kế hoạch hành động*

### 17.4.1. Phát triển hệ sinh thái CNCTech

CNCTech Group phát triển ba trụ cột: Công nghệ Sản xuất (CNCTech), Giải pháp Công nghiệp (CNCIndustrial) và Dịch vụ Logistics (CNCLogis), hoạt động độc lập và tương hỗ, tạo thành một hệ sinh thái phát triển lớn mạnh tự nhiên.

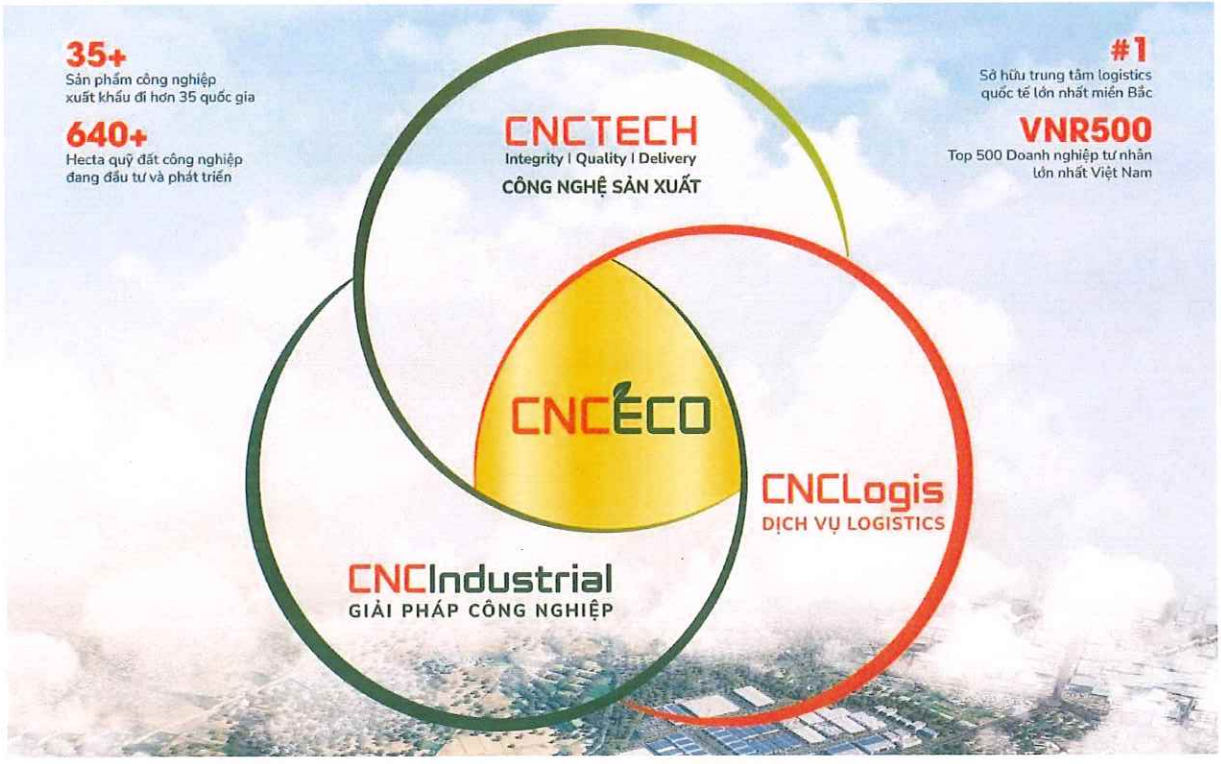


❖ **Công nghệ Sản xuất:**

Để hiện thực hoá tầm nhìn chiến lược, CNCTech Group triển khai hành động phát triển cân bằng và bền vững dựa trên 3 trụ cột trọng tâm:

- **Kinh doanh** – Mở rộng thị trường quốc tế, phát huy lợi thế sản xuất tích hợp và tập trung vào các ngành công nghiệp mũi nhọn có giá trị gia tăng cao. CNCTech kiên định triết lý kinh doanh Chính trực – Chất lượng – Tiến độ nhằm xây dựng niềm tin dài hạn với khách hàng và đối tác toàn cầu.

- **Năng lực sản xuất** – Đầu tư chiều sâu vào công nghệ và thiết bị hiện đại, nâng cao năng lực kỹ thuật và R&D, hoàn thiện hệ thống quản trị và kiểm soát chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, hướng tới sự vượt trội về độ chính xác, hiệu suất và độ tin cậy.
- **Con người** – Phát triển đội ngũ kỹ sư và nguồn nhân lực tay nghề cao, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo và nhân văn. Chúng tôi tin rằng con người là nền tảng của đổi mới, là động lực cho sự phát triển bền vững và khát vọng vươn tầm quốc tế.

CNCTech mở rộng và tích hợp hệ sinh thái Công nghệ Sản xuất gồm 11 công ty và 10 nhà máy cơ khí – điện tử – công nghệ. Trong đó có 5 nhà máy thuộc các công ty thành viên và 5 nhà máy thuộc các đơn vị liên kết, phối hợp vận hành như một nền tảng sản xuất thống nhất. Đây không chỉ là sự gia tăng về quy mô, mà còn là bước nâng cấp toàn diện về năng lực tích hợp, khả năng điều phối và hiệu quả vận hành trong toàn hệ thống.

Việc hình thành hệ sinh thái sản xuất thống nhất cho phép CNCTech tối ưu hóa nguồn lực, đồng bộ hóa quy trình và nâng cao hiệu quả đầu tư công nghệ. Các đơn vị trong hệ thống phối hợp phát triển dịch vụ sản xuất tích hợp và cùng đầu tư công nghệ nhằm tối ưu chi phí, chất lượng và tiến độ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng toàn cầu.

CNCTech cung cấp dịch vụ sản xuất công nghiệp hỗ trợ tích hợp, toàn diện từ thiết kế, phát triển sản phẩm đến lắp ráp. Đồng bộ với các giải pháp công nghệ cho sản xuất bao gồm tự động hóa, trí tuệ nhân tạo (AI) và Internet of Things (IoT). Cung cấp các linh kiện, sản phẩm hoàn thiện và các giải pháp công nghệ chuyên sâu cho ngành sản xuất và chế tạo trên toàn cầu.

Song hành cùng năng lực sản xuất là Trung tâm Đổi mới Sáng tạo, đóng vai trò nghiên cứu và phát triển công nghệ tối ưu hóa sản xuất, thúc đẩy chuyển đổi số và nâng cao năng lực cạnh tranh dài hạn.

Với nền tảng tích hợp này, CNCTech không chỉ mở rộng quy mô, mà đang từng bước xây dựng một hệ thống sản xuất có khả năng tham gia sâu vào chuỗi cung ứng công nghiệp toàn cầu, đóng góp thiết thực vào sự phát triển bền vững của ngành công nghiệp Việt Nam.

❖ **Giải pháp Công nghiệp**:

Trong bức tranh thị trường đang tái cấu trúc và nâng cao tiêu chuẩn cạnh tranh, Giải pháp Công nghiệp tập trung vào kiện toàn hệ sinh thái dịch vụ công nghiệp toàn diện, nâng cao năng lực, hiệu quả khai thác và chất lượng tăng trưởng. Nếu năm 2024 là giai đoạn hoàn thiện nền tảng hệ sinh thái giải pháp công nghiệp, thì năm 2025-2026 đánh dấu bước chuyển quan trọng trong việc hiện thực hóa chiến lược thành kết quả doanh thu, đồng thời củng cố vị thế là nhà phát triển công nghiệp xanh – thông minh với giải pháp toàn diện hàng đầu tại miền Bắc Việt Nam.

Trước yêu cầu ngày càng cao về ESG, phát triển bền vững và tiêu chuẩn môi trường – những yếu tố đã trở thành điều kiện tiên quyết trong thu hút dòng vốn FDI chất lượng cao – Giải pháp Công nghiệp đã xác định dịch vụ mũi nhọn và tập trung đẩy mạnh các giải pháp dịch vụ cốt lõi:

- **Dịch vụ cho thuê**: Gia tăng tỷ trọng doanh thu từ dịch vụ cho thuê nhằm xây dựng dòng tiền ổn định và bền vững. Tập trung cung ứng dịch vụ cho thuê nhà xưởng/nhà kho tại các dự án trọng điểm: CNCTech Bá Thiện 1, KCN Nam Bình Xuyên.
- **Sản phẩm xây sẵn:** Đa dạng hóa loại hình nhà xưởng lựa chọn: nhà xưởng/nhà kho xây sẵn theo tiêu chuẩn, từ một tầng đến nhiều tầng, diện tích từ 3.000 m² đến 30.000 m².
- **Sản phẩm xây theo yêu cầu**: Đẩy mạnh lợi thế cạnh tranh khác biệt bằng dịch vụ xây dựng may đo - xây theo yêu cầu (Build-to-Suit) để đáp ứng nhu cầu chuyên biệt của các khách hàng công nghệ cao;

- **Dịch vụ giá trị gia tăng**: Tích hợp và phát triển các dịch vụ giá trị gia tăng để tạo lợi thế vượt trội: Fit-out, PCCC và tư vấn pháp lý trọn gói.
- **Xây dựng**: Triển khai dịch vụ thi công hạ tầng khu công nghiệp, định vị theo mô hình xanh – thông minh, cung cấp giải pháp tổng thể "All-in-One". Tiêu điểm là Khu công nghiệp Nam Bình Xuyên Green Park.

Với định hướng chiến lược rõ ràng và năng lực thực thi đồng bộ, Giải pháp Công nghiệp không chỉ duy trì đà tăng trưởng tích cực trong giai đoạn thị trường sàng lọc mạnh mẽ, mà còn từng bước nâng cao chất lượng tổ chức, chiều sâu quản trị và năng lực cạnh tranh, tạo nền tảng vững chắc cho quá trình phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

❖ **Dịch vụ Logistics**:

Trung tâm Logistics Quốc tế Bắc Giang (BGL) được quy hoạch và phát triển theo mô hình tiên phong giải pháp logistics toàn diện, hướng tới tiêu chuẩn hiện đại, xanh và tích hợp công nghệ cao, phù hợp với xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng khu vực và dịch chuyển sản xuất toàn cầu.

Hạ tầng tiêu chuẩn quốc tế, chức năng pháp lý đồng bộ và nền tảng công nghệ tự động hóa đã hình thành một mô hình trung tâm logistics tích hợp có khả năng mở rộng. Trên nền tảng đó, Trung tâm định hướng tiếp tục gia tăng tỷ lệ lấp đầy, mở rộng danh mục dịch vụ tích hợp, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và từng bước nhân rộng mô hình sang các nền tảng hạ tầng khác trong hệ thống.

Bước vào năm 2026 và giai đoạn 2026 – 2030, với lợi thế địa lý nằm trên trục huyết mạch giao thương Việt Nam Trung Quốc ASEAN, nằm giữa thủ phủ công nghiệp miền bắc - tỉnh Bắc Ninh có kim ngạch xuất nhập khẩu lớn nhất trên cả nước ~200 tỷ USD/năm, đồng thời dự án sở hữu quỹ kho bãi và các công trình thương mại dịch vụ, văn phòng, khách sạn có quy mô lớn… BGL triển khai các hoạt động trọng tâm sau:

- Đẩy mạnh các giải pháp logistics tích hợp.
- Mở rộng hợp tác quốc tế và trong nước
- Đưa vào khai thác vận hành các hạng mục mới như kho hàng không kéo dài, kết nối ga liên vận đường sắt quốc tế, kết nối sân bay Gia Bình, hợp tác và kết nối với các trung tâm logistics tại cửa khẩu, quốc gia láng giềng, mang đến những giá trị vượt trội cho khách hàng và chuỗi cung ứng.
- Tích hợp vận tải đa phương thức, hàng không, đường bộ, đường sắt, vận tải thủy nội địa và vận tải xuyên biên giới
- Hình thành Hub thương mại điện tử, dịch vụ xuyên chuỗi, toàn trình, Hub nông sản, Trung tâm trung chuyển và phân phối hàng hóa,…cùng kiến tạo hệ sinh thái Logistics chuẩn quốc tế, đa tiện ích, đa phương thức, xanh thông minh, góp phần nâng cao năng lực của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

17.4.2. Triển khai ESG

❖ Environmental (Môi trường):

- Công Nghệ Sản xuất: (1)Tất cả các nhà máy của CNCTech Group đạt chứng chỉ ISO về môi trường, luôn duy trì đạt chuẩn về chất thải, khí thải. (2) Đang đã và sẽ chuyển dịch sang sử dụng năng lượng tái tạo. (3) Thường xuyên đào tạo, phát động phong trào tiết kiệm điện, nước và sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường. (4) Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng về bảo vệ môi trường. (5) Tham gia chương trình tạo tín chỉ Carbon.

- Giải pháp Công Nghiệp & Dịch vụ Logistic: (1) Triển khai các khu công nghiệp xanh, hạ tầng logistics xanh, tuân thủ tuyệt đối nguyên tắc mật độ xây dựng; (2) Hệ thống xử lý chất thải, nước thải theo tiêu chuẩn quốc tế; (3) Mục tiêu đến 2030 xây dựng đươc 300kw điện mặt trời.

❖ Social (Xã hội):

- Đảm bảo quyền lợi người lao động: (1) Đảm bào thu nhập trung bình của người lao động trong tập đoàn đạt mức cao trong khu vực; (2) Định kỳ khám sức khỏe, tổ chức teambuilding, nghỉ mát tiêu chuẩn cao. Tổ chức quan tân đến con em và gia đình người lao động nhân ngày quốc tế thiếu nhi, tặng quà cho các con đạt hịc sinh giỏi, có thành tích học tập tốt. Thăm hỏi động viên phụ huynh là người cao tuổi, tăng quà tri ân phu huynh nhân ngày quốc tế cao tuổi hàng năm.
- Bảo vệ dữ liệu khách hàng: (1) Dữ liệu khách hàng được mã hóa và quản lý dưới dạng mã số; (2) Toàn bộ CBCNV trong tập đoàn được đào tạo về bảo mật thông tin, đồng thời ký cam, kết bảo mật thông tin khách hàng; (3) Trong nhà máy không được sử dụng điện thoại và không được chụp ảnh.
- Tham gia hoạt động cộng đồng: (1) Tham gia tài trợ các hoạt động về giáo dục: Tổ chức nhiều lớp tiếng anh miễn phí cho các trường học ở nông thôn. Tặng các khóa học về IELTS cho các trường cấp 3. Tổ chức, đồng tổ chức các cuộc thi cho sinh viên Đại học Bách Khoa, Công Nghiệp và các trưởng cao đẳng, trung cấp nghề. Hỗ trợ sinh viên thực tập tại CNCTech. Tổ chức các chương trình đào tạo hướng nghiệp cho học sinh, sinh viên… (2) Tham gia tài trợ các hoạt động y tế: Tặng thiết bị y tế, chương trình và thiết bị tập luyện thể dục thể thao. Tặng thẻ bảo hiểm y tế cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Hỗ trợ người già neo đơn, bệnh hiểm nghèo; (3) Tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường: Trồng cây xanh. Tham gia chương trình tín chỉ carbon. Tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo.

❖ Governance (Quản trị):

- Minh bạch tài chính: Công bố báo cáo tài chính đầy đủ và đúng hạn, thuyết minh chi tiết các khoản mục quan trọng, giải trình rõ ràng các biến động lớn, tuân thủ chuẩn mực kế toán và pháp luật hiện hành, cập nhật thông tin định kỳ và đột xuất khi có sự kiện ảnh hưởng đến hoạt động hoặc tài chính của công ty. Đặc biệt kiểm toán Big 4 hàng năm, đúng hạn.
- Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro: (1) Xây dựng các nội quy, quy chế để quản trị tài chính, vận hành. (2)Áp dụng phầm mềm quản lý, phân cấp phân quyền tròn vận hành và số hóa các công cụ để thuận tiện trong giám sát, quản trị. (3) Thành lập và hoạt động hiệu quả ban kiểm soát nội bộ.
- Có hội đồng quản trị đa dạng và độc lập: Hội đồng quản trị bao gồm 5 thành viên, đảm bảo tính đa dạng và độc lập.

17.4.3. Đầu tư vào đổi mới sáng tạo

CNCTech Group coi đổi mới sáng tạo là một nguồn lực đặc biệt cho sự phát triển của Tập đoàn trong giai đoạn tiếp theo, gồm chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, tận dụng AI, Big Data, IoT, sử dụng

công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo, tuần hoàn. CNCTech dự kiến đầu tư 2% tổng doanh thu giai đoạn 2025-2030 cho đầu xây dựng trung tâm Đổi mới Sáng tạo CNCTech Innovation Center - CIC. Mục tiêu đến 2030 CIC dẫn đầu trong việc phát triển công nghệ để tối ưu hóa sản xuất tại Việt Nam.

*17.5. Đánh giá và điều chỉnh*

Thành lập ban kiểm soát nội bộ: Thường xuyên giám sát hoạt động đảm bảo tuân thủ đúng quy trình, quy định và theo đúng định hướng của BOD. Hệ thống TC-KT nhận báo cáo hàng tháng , phân tích hiệu quả, so sánh với target và đưa ý kiến điều chỉnh kịp thời. Họp BOD hàng tháng, quý để giám sát, hỗ trợ hoạt động.

**18. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty**

Không có

## II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị CNCTech Group hoạt động theo các quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị và Điều lệ của Công ty.

*1.1. Thành viên Hội đồng quản trị*

**Bảng 54. Thành viên Hội đồng quản trị**

| STT | Thành viên | Chức vụ |
|---|---|---|
| 1. | Ông Nguyễn Văn Hùng | Chủ tịch HĐQT |
| 2. | Ông Đào Hoàng Việt | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3. | Ông Nguyễn Trung Kiên | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 4. | Ông Ngô Hùng Tín | Thành viên HĐQT |
| 5. | Bà Nguyễn Thị Dung | Thành viên HĐQT |

*(Nguồn: CNCTech Group)*

*1.2. Sơ yếu lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị*

1.2.1. Ông Nguyễn Văn Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị

| ❖ THÔNG TIN CÁ NHÂN | | | |
|---|---|---|---|
| Họ và tên | NGUYỄN VĂN HÙNG | Giới tính | Nam |
| Năm sinh | 1981 | Quốc tịch | Việt Nam |

| | | | |
|---|---|---|---|
| Địa chỉ thường trú | | | |
| Số CC/CCCD/HC | | | |
| Ngày cấp | | Nơi cấp | Bộ Công an |
| Trình độ văn hóa | 12/12 | | |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư Cơ khí - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội | | |

❖ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| TT | Thời gian | Đơn vị | Chức danh |
|---|---|---|---|
| 1. | 10/2008 - 04/2021 | Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC | Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc |
| 2. | 05/2015 - 01/2022 | Công ty Cổ phần CNC Holdings Việt Nam | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| 3. | 01/2019 - 3/2022 | Công ty Cổ phần Điện tử Thiên Quang | Ủy viên HĐQT |
| 4. | 10/2018 – 12/2025 | Công ty Cổ phần Thiết bị dầu khí Việt Mỹ | Ủy viên HĐQT |
| 5. | 12/2018 - 01/2024 | Công ty Cổ phần Vinastatup Vĩnh Phúc | Chủ tịch HĐQT |
| 6. | 11/2019 - 4/2025 | Công ty Cổ phần Arts Group | Ủy viên HĐQT |
| 7. | 4/2025 – 12/2025 | Công ty Cổ phần Arts Group | Chủ tịch HĐQT |
| 8. | 01/2020 - 12/2025 | Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ và CNC Việt Nam | Ủy viên HĐQT |
| 9. | 03/2020 - 01/2024 | Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| 10. | 02/2024 - 12/2025 | Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long | Ủy viên HĐQT |
| 11. | 08/2020 - Nay | Công ty Cổ phần Các Hệ thống Viễn thông VINECO | Ủy viên HĐQT |
| 12. | 11/2020 - 3/2024 | Công ty Cổ phần CNCTech Global (Trước đây là Công ty Cổ phần CNCTech Bắc Ninh) | Chủ tịch HĐQT |
| 13. | 3/2021 - 12/2025 | Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam | Chủ tịch HĐQT |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 14. | 05/2021 - Nay | Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC | Chủ tịch HĐQT |
| 15. | 02/2022 - Nay | Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech | Chủ tịch HĐQT |
| 16. | 02/2022 - 12/2025 | Công ty TNHH FSI Holdings | Chủ tịch |
| 17. | 10/2023 - Nay | Công ty TNHH Phát triển Nam Bình Xuyên Green Park | Chủ tịch HĐTV |
| 18. | 12/2023 - 12/2025 | Công ty Cổ phần CLS Hưng Yên (trước là Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Intech) | Chủ tịch HĐQT |
| 19. | 06/2024 - 12/2025 | Công ty TNHH Đầu tư CLI | Chủ tịch |
| 20. | 01/2026 - Nay | Công ty TNHH Đầu tư CLI | Tổng Giám đốc |
| 21. | 03/2024 - Nay | Công ty TNHH CSI Holdings | Tổng Giám đốc |

❖ THÔNG TIN CHI TIẾT

| TT | Nội dung | Chi tiết | |
|---|---|---|---|
| 1. | Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty | Chủ tịch Hội đồng quản trị | |
| 2. | Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác | 1. Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Các Hệ thống Viễn thông VINECO<br>2. Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC<br>3. Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Phát triển Nam Bình Xuyên Green Park<br>4. Tổng Giám đốc Công ty TNHH CSI Holdings<br>5. Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư CLI<br>6. Tổng Giám đốc Công ty TNHH FSI Holdings | |
| 3. | Hành vi vi phạm pháp luật | Không có | |
| 4. | Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty | | |
| | Hình thức sở hữu | Số lượng cổ phần nắm giữ | Số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty |
| | Sở hữu cá nhân | 45.159.967 | 49,301% |
| | Sở hữu đại diện | 0 | 0% |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Sở hữu của người có liên quan: | 217.210 | 0,237% |
| | Họ và tên: Nguyễn Thị Dung<br>- Mối quan hệ với người nội bộ: Vợ<br>- Chức vụ của người có liên quan tại Công ty: Ủy viên HĐQT | 217.210 | 0,237% |
| 5. | Các khoản nợ đối với Công ty | Không có | |
| 6. | Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty | Năm 2024: 2.915.440.068 đồng | |
| | | Năm 2025: 4.526.008.100 đồng | |
| 7. | Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty | Không có | |

1.2.2. Ông Đào Hoàng Việt - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

| ❖ THÔNG TIN CÁ NHÂN | | | |
|---|---|---|---|
| Họ và tên | ĐÀO HOÀNG VIỆT | Giới tính | Nam |
| Năm sinh | 1989 | Quốc tịch | Việt Nam |
| Địa chỉ thường trú | | | |
| Số CC/CCCD/HC | | | |
| Ngày cấp | | Nơi cấp | Bộ Công an |
| Trình độ văn hóa | 12/12 | | |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sĩ Kinh tế, tài chính | | |

❖ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| TT | Thời gian | Đơn vị | Chức danh |
|---|---|---|---|
| 1. | 2011 - 2025 | Công ty Cổ phần Tập đoàn MK | Trợ lý Chủ tịch HĐQT |
| 2. | 2017 - 2018 | The World Bank Group | Chuyên viên quản trị nguồn vốn |
| 3. | 2018 - 2021 | Công ty Cổ phần Thông minh MK | Giám đốc Tài chính |
| 4. | 2021 - Nay | Công ty Cổ phần Thông minh MK | Phó Tổng Giám đốc |
| 5. | 01/2023 - 04/2025 | Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech | Thành viên Ban kiểm soát |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 6. | 05/2025 - Nay | Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech | Phó Chủ tịch HĐQT |

❖ THÔNG TIN CHI TIẾT

| TT | Nội dung | Chi tiết | |
|---|---|---|---|
| 1. | Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty | Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị | |
| 2. | Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác | Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thông Minh MK | |
| 3. | Hành vi vi phạm pháp luật | Không có | |
| 4. | Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty | | |
| | Hình thức sở hữu | Số lượng cổ phần nắm giữ | Số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty |
| | Sở hữu cá nhân | 0 | 0% |
| | Sở hữu đại diện | 0 | 0% |
| | Sở hữu của người có liên quan: | 0 | 0% |
| 5. | Các khoản nợ đối với Công ty | Không có | |
| 6. | Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty | Năm 2024: 0 đồng | |
| | | Năm 2025: 168.000.000 đồng | |
| 7. | Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty | Không có | |

1.2.3. Ông Nguyễn Trung Kiên - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

❖ THÔNG TIN CÁ NHÂN

| | | | |
|---|---|---|---|
| Họ và tên | NGUYỄN TRUNG KIÊN | Giới tính | Nam |
| Năm sinh | 1980 | Quốc tịch | Việt Nam |
| Địa chỉ thường trú | | | |
| Số CC/CCCD/HC | | | |
| Ngày cấp | | Nơi cấp | Cục cảnh sát QLHC về TTXH |
| Trình độ văn hóa | 12/12 | | |
| Trình độ chuyên môn | Tiến sĩ Kỹ thuật Viễn thông | | |

❖ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| TT | Thời gian | Đơn vị | Chức danh |
|---|---|---|---|
| 1. | 10/2003- 08/2007 | Viện Bưu chính Viễn thông thuộc Tập đoàn VNPT | Nhà nghiên cứ giải pháp R&D |
| 2. | 10/2011 - 08/2012 | VIVAS (thuộc Tập đoàn VNPT) | Trưởng phòng Kinh doanh và Marketing |
| 3. | 08/2012 - 12/2017 | Công ty VNPT Technology | Giám đốc Sản phẩm |
| 4. | 12/2017 - 7/2018 | Công ty Cổ phần Công nghệ Pavana | Sáng lập viên |
| 5. | 7/2018 - 1/2021 | Công ty Vinsmart (Vingroup) | Giám đốc sản xuất, Viện trưởng Viện nghiên cứu thiết bị gia đình/Giám đốc khối giải pháp thông minh |
| 6. | 03/2021 - Nay | Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 7. | 07/2021 - Nay | Công ty Cổ phần Công nghệ Pavana | Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT |
| 8. | 04/2022 - 08/2024 | Công ty Cổ phần Điện tử Thiên Quang | Tổng Giám đốc |
| 9. | 03/2024 - Nay | Công ty Cổ phần CNCTech Global | Chủ tịch HĐQT |
| 10. | 03/2025 - Nay | Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech | Tổng Giám đốc |
| 11. | 02/2026 - Nay | Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long | Chủ tịch HĐQT |

❖ THÔNG TIN CHI TIẾT

| TT | Nội dung | Chi tiết |
|---|---|---|
| 1. | Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty | Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc |
| 2. | Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác | 1. Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần CNCTech Global<br>2. Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Pavana<br>3. Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 3. | Hành vi vi phạm pháp luật | Không có | |
| 4. | Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty | | |
| | Hình thức sở hữu | Số lượng cổ phần nắm giữ | Số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty |
| | Sở hữu cá nhân | 1.272.925 | 1,390% |
| | Sở hữu đại diện | 0 | 0% |
| | Sở hữu của người có liên quan: | 0 | 0% |
| 5. | Các khoản nợ đối với Công ty | Không có | |
| 6. | Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty | Năm 2024: 214.958.000 đồng | |
| | | Năm 2025: 1.760.075.465 đồng | |
| 7. | Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty | Không có | |

1.2.4. Ông Ngô Hùng Tín - Thành viên Hội đồng quản trị

| ❖ THÔNG TIN CÁ NHÂN | | | |
|---|---|---|---|
| Họ và tên | NGÔ HÙNG TÍN | Giới tính | Nam |
| Năm sinh | 1959 | Quốc tịch | Việt Nam |
| Địa chỉ thường trú | | | |
| Số CC/CCCD/HC | | | |
| Ngày cấp | | Nơi cấp | Cục cảnh sát QLHC về TTXH |
| Trình độ văn hóa | 12/12 | | |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh | | |

❖ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| TT | Thời gian | Đơn vị | Chức danh |
|---|---|---|---|
| 1. | 01/2011 – 05/2015 | Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp Bưu chính viễn thông | Tổng giám đốc |
| 2. | 05/2015 – 08/2015 | Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp Bưu chính viễn thông | Phó Tổng giám đốc Tập đoàn; Ủy viên HĐQT kiêm |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | TGĐ |
| 3. | 08/2015 – 2019 | Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp Bưu chính viễn thông | Phó Tổng giám đốc Tập đoàn; Chủ tịch HĐQT |
| 4. | 2011 - 2019 | Công ty TNHH Thiết bị Viễn thông ANSV, Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị Viễn thông, Công ty TNHH Cung cấp Giải pháp Dịch vụ Giá trị gia tăng | Chủ tịch HĐQT |
| 5. | 2019 - Nay | Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp Vconnex | Chủ tịch HĐQT |
| 6. | 03/2026 - Nay | CTCP Tập đoàn CNCTech | Thành viên Hội đồng Quản trị |

❖ THÔNG TIN CHI TIẾT

| TT | Nội dung | Chi tiết | |
|---|---|---|---|
| 1. | Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc | |
| 2. | Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác | Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp Vconnex | |
| 3. | Hành vi vi phạm pháp luật | Không có | |
| 4. | Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty | | |
| | Hình thức sở hữu | Số lượng cổ phần nắm giữ | Số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty |
| | Sở hữu cá nhân | 0 | 0% |
| | Sở hữu đại diện | 0 | 0% |
| | Sở hữu của người có liên quan: | 0 | 0% |
| 5. | Các khoản nợ đối với Công ty | Không có | |
| 6. | Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty | Năm 2024: 0 đồng | |
| | | Năm 2025: 0 đồng | |
| 7. | Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty | Không có | |

1.2.5. Bà Nguyễn Thị Dung - Thành viên Hội đồng quản trị

| |
|---|
| ❖ THÔNG TIN CÁ NHÂN |

| | | | |
|---|---|---|---|
| Họ và tên | NGUYỄN THỊ DUNG | Giới tính | Nữ |
| Năm sinh | 1980 | Quốc tịch | Việt Nam |
| Địa chỉ thường trú | | | |
| Số CC/CCCD/HC | | | |
| Ngày cấp | | Nơi cấp | Bộ Công an |
| Trình độ văn hóa | 12/12 | | |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sĩ Quản lý y tế | | |

❖ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| TT | Thời gian | Đơn vị | Chức danh |
|---|---|---|---|
| 1. | 09/2004 - 09/2024 | Bệnh viện Nhiệt đới Trung ương | Bác sĩ |
| 2. | 01/2024 - Nay | Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long | Tổng Giám đốc |
| 3. | 08/2024 - Nay | Công ty Cổ phần SMCTech | Chủ tịch HĐQT |
| 4. | 01/2025 - Nay | Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech | Phó Tổng Giám đốc |
| 5. | 03/2025 - Nay | Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech | Thành viên Hội đồng quản trị |

❖ THÔNG TIN CHI TIẾT

| TT | Nội dung | Chi tiết | |
|---|---|---|---|
| 1. | Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc | |
| 2. | Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác | 1. Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long<br>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần SMCTech | |
| 3. | Hành vi vi phạm pháp luật | Không có | |
| 4. | Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty | | |
| | Hình thức sở hữu | Số lượng cổ phần nắm giữ | Số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty |
| | Sở hữu cá nhân | 217.210 | 0,237% |
| | Sở hữu đại diện | 0 | 0% |
| | Sở hữu của người có liên quan: | 45.566.991 | 49,745% |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | - Họ và tên: Nguyễn Văn Hùng<br>- Mối quan hệ với người nội bộ: Chồng<br>- Chức vụ của người có liên quan tại Công ty: Chủ tịch HĐQT | 45.159.967 | 49,301% |
| | - Họ và tên: Nguyễn Phương Nga<br>- Mối quan hệ với người nội bộ: Em dâu<br>- Chức vụ của người có liên quan tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc | 407.024 | 0,444% |
| 5. | Các khoản nợ đối với Công ty | Không có | |
| 6. | Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty | Năm 2024: 803.830.004 đồng | |
| | | Năm 2024: 1.052.910.191 đồng | |
| 7. | Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty | Không có | |

## 2. Ban Kiểm soát

### *2.1. Thành viên Ban Kiểm soát*

**Bảng 55. Thành viên Ban Kiểm soát**

| STT | Thành viên | Chức vụ |
|---|---|---|
| 1. | Bà Nguyễn Hồng Nhung | Trưởng BKS |
| 2. | Bà Nguyễn Ngân Giang | Thành viên BKS |
| 3. | Bà Lê Thị Vân | Thành viên BKS |

*(Nguồn: CNCTech Group)*

### *2.2. Sơ yếu lý lịch Thành viên Ban Kiểm soát*

2.2.1. Bà Nguyễn Hồng Nhung - Trưởng Ban Kiểm soát

| ❖ THÔNG TIN CÁ NHÂN | | | |
|---|---|---|---|
| Họ và tên | NGUYỄN HỒNG NHUNG | Giới tính | Nữ |
| Năm sinh | 1980 | Quốc tịch | Việt Nam |
| Địa chỉ thường trú | | | |
| Số CC/CCCD/HC | | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| Ngày cấp | | Nơi cấp | Cục cảnh sát QLHC về TTXH |
| Trình độ văn hóa | 12/12 | | |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sĩ Kinh tế | | |

❖ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| TT | Thời gian | Đơn vị | Chức danh |
|---|---|---|---|
| 1. | 2003 - 2009 | Công ty Bitas Hà Nội, Công ty Xây dựng Xuân Dương | Kế toán bán hàng, Kế toán tổng hợp |
| 2. | 2010 - 2014 | Công ty Đại Sơn Hà Nội | Kế toán trưởng |
| 3. | 2015 - 2018 | Công ty TNHH Kiểm toán Asco | Kiểm toán viên, Thẩm định viên |
| 4. | 2019 - Nay | Công ty TNHH Kế toán Thuế Việt | Giám đốc |
| 5. | 03/2025 - Nay | Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech | Trưởng ban kiểm soát |

❖ THÔNG TIN CHI TIẾT

| TT | Nội dung | Chi tiết | |
|---|---|---|---|
| 1. | Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty | Trưởng Ban Kiểm soát | |
| 2. | Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác | Giám đốc Công ty TNHH Kế toán Thuế Việt | |
| 3. | Hành vi vi phạm pháp luật | Không có | |
| 4. | Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty | | |
| | Hình thức sở hữu | Số lượng cổ phần nắm giữ | Số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty |
| | Sở hữu cá nhân | 10.967 | 0,012% |
| | Sở hữu đại diện | 0 | 0% |
| | Sở hữu của người có liên quan: | 0 | 0% |
| 5. | Các khoản nợ đối với Công ty | Không có | |
| 6. | Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty | Năm 2024: 0 đồng | |
| | | Năm 2025: 0 đồng | |
| 7. | Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn | Không có | |

| | | |
|---|---|---|
| | của Công ty | |

2.2.2. Bà Nguyễn Ngân Giang - Thành viên Ban Kiểm soát

| ❖ THÔNG TIN CÁ NHÂN | | | |
|---|---|---|---|
| Họ và tên | NGUYỄN NGÂN GIANG | Giới tính | Nữ |
| Năm sinh | 1996 | Quốc tịch | Việt Nam |
| Địa chỉ thường trú | | | |
| Số CC/CCCD/HC | | | |
| Ngày cấp | | Nơi cấp | Cục cảnh sát QLHC về TTXH |
| Trình độ văn hóa | 12/12 | | |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Kinh tế | | |

❖ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| TT | Thời gian | Đơn vị | Chức danh |
|---|---|---|---|
| 1. | 2018 – 2021 | Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam | Trưởng nhóm Kiểm toán |
| 2. | 2021 – 2022 | Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech | Chuyên viên Tài chính |
| 3. | 2022 - Nay | Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Việt Nhật | Trưởng phòng Quản trị Kinh doanh và Kiểm soát hệ thống |
| 4. | 03/2026 - Nay | Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech | Thành viên Ban Kiểm soát |

❖ THÔNG TIN CHI TIẾT

| TT | Nội dung | Chi tiết | |
|---|---|---|---|
| 1. | Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty | Thành viên Ban Kiểm soát | |
| 2. | Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác | Không có | |
| 3. | Hành vi vi phạm pháp luật | Không có | |
| 4. | Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty | | |
| | Hình thức sở hữu | Số lượng cổ phần nắm giữ | Số cổ phần có quyền biểu quyết |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | của Công ty |
| | Sở hữu cá nhân | 54.837 | 0.06% |
| | Sở hữu đại diện | 0 | 0% |
| | Sở hữu của người có liên quan: | 0 | 0% |
| 5. | Các khoản nợ đối với Công ty | Không có | |
| 6. | Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty | Năm 2024: 0 đồng | |
| | | Năm 2025: 0 đồng | |
| 7. | Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty | Không có | |

2.2.3. Bà Lê Thị Vân - Thành viên Ban Kiểm soát

| ❖ THÔNG TIN CÁ NHÂN | | | |
|---|---|---|---|
| Họ và tên | LÊ THỊ VÂN | Giới tính | Nữ |
| Năm sinh | 1996 | Quốc tịch | Việt Nam |
| Địa chỉ thường trú | | | |
| Số CC/CCCD/HC | | | |
| Ngày cấp | | Nơi cấp | Cục cảnh sát QLHC về TTXH |
| Trình độ văn hóa | 12/12 | | |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Luật | | |

❖ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| TT | Thời gian | Đơn vị | Chức danh |
|---|---|---|---|
| 1. | 2018 - 2020 | Công ty TNHH HD Luật | Chuyên viên pháp lý |
| 2. | 2020 - 2023 | Công ty Luật TNHH Hùng Phúc | Trưởng phòng Đầu tư - Doanh nghiệp |
| 3. | 2024 - đến nay | Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech | Chuyên viên pháp chế |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 4. | 05/2025 - đến nay | Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech | Thành viên ban kiểm soát |

❖ THÔNG TIN CHI TIẾT

| TT | Nội dung | Chi tiết | |
|---|---|---|---|
| 1. | Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty | Thành viên Ban Kiểm soát | |
| 2. | Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác | Không có | |
| 3. | Hành vi vi phạm pháp luật | Không có | |
| 4. | Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty | | |
| | Hình thức sở hữu | Số lượng cổ phần nắm giữ | Số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty |
| | Sở hữu cá nhân | 610 | 0,0007% |
| | Sở hữu đại diện | 0 | 0% |
| | Sở hữu của người có liên quan: | 0 | 0% |
| 5. | Các khoản nợ đối với Công ty | Không có | |
| 6. | Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty | Năm 2024: 0 đồng | |
| | | Năm 2025: 417.518.217 đồng | |
| 7. | Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty | Không có | |

## 3. Ban Điều hành và người quản lý khác

### *3.1. Thành viên Ban Điều hành và người quản lý khác*

**Bảng 56. Thành viên Ban Điều hành**

| STT | Thành viên | Chức vụ |
|---|---|---|
| 1. | Ông Nguyễn Văn Hùng | Chủ tịch Điều hành Tập đoàn |
| 2. | Ông Nguyễn Trung Kiên | Phó Chủ tịch điều hành Tập đoàn kiêm Tổng Giám đốc |
| 3. | Ông Vũ Anh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. | Bà Nguyễn Thị Dung | Phó Chủ tịch điều hành Tập đoàn |
| 5. | Bà Nguyễn Phương Nga | Phó Tổng Giám đốc |
| 6. | Bà Đinh Thị Thu Hà | Phó Tổng Giám đốc |

| STT | Thành viên | Chức vụ |
|---|---|---|
| 7. | Bà Trần Thị Huyền Trang | Giám đốc Tài chính |
| 8. | Bà Lê Thu Thủy | Kế toán trưởng |

*(Nguồn: CNCTech Group)*

*3.2. Sơ yếu lý lịch Thành viên Ban Điều hành và người quản lý khác*

3.2.1. Ông Nguyễn Văn Hùng - Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Thông tin đã được trình bày tại Mục 1.2.1

3.2.2. Ông Nguyễn Trung Kiên - Phó Chủ tịch điều hành Tập đoàn kiêm Tổng Giám đốc

Thông tin đã được trình bày tại Mục 1.2.3

3.2.3. Ông Vũ Anh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc

| ❖ THÔNG TIN CÁ NHÂN | | | |
|---|---|---|---|
| Họ và tên | VŨ ANH TUẤN | Giới tính | Nam |
| Năm sinh | 1977 | Quốc tịch | Việt Nam |
| Địa chỉ thường trú | | | |
| Số CC/CCCD/HC | | | |
| Ngày cấp | | Nơi cấp | Cục cảnh sát QLHC về TTXH |
| Trình độ văn hóa | 12/12 | | |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh | | |

❖ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| TT | Thời gian | Đơn vị | Chức danh |
|---|---|---|---|
| 7. | 09/1999 - 03/2004 | Hiệp hội Nước giải khát Việt Nam - VBA<br>Tạp chí Đồ uống Việt Nam | Nhân viên phân tích tổng hợp, giúp việc Chủ tịch |
| 8. | 04/2004 - 12/2006 | Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội | Chuyên viên Kế hoạch, Thư ký Tổng Giám đốc |
| 9. | 01/2007 - 08/2018 | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội | PT. Khối nghiệp vụ, Phó Giám đốc, Ủy viên HĐQT |
| 10. | 5/2007 và<br>02/2009 - 04/2010 | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội Hưng Yên 89 | Giám đốc |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 11. | 09/2014 - 8/2018 | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội Hưng Yên 89 | Ủy viên HĐQT |
| 12. | 10/2018 - 02/2022 | Công ty Cổ phần CNC Holdings Việt Nam | Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT |
| 13. | 10/2019 - 3/2022 | Công ty Cổ phần Điện tử Thiên Quang | Phó Giám đốc |
| 14. | 08/2020 - 3/2022 | Công ty Cổ phần Các Hệ thống Viễn thông VINECO | Ủy viên HĐQT |
| 15. | 07/2022 - 01/2026 | Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam | Tổng Giám đốc |
| 16. | 05/2021 - Nay | Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC | Ủy viên HĐQT |
| 17. | 02/2022 - 3/2024 | Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech | Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT |
| 18. | 12/2023 - 02/2026 | Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long | Chủ tịch HĐQT |
| 19. | 09/2024 - Nay | Công ty TNHH Logistics Quốc Tế Bắc Giang | Tổng Giám đốc |
| 20. | 3/2024 - Nay | Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech | Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT |

❖ THÔNG TIN CHI TIẾT

| TT | Nội dung | Chi tiết | |
|---|---|---|---|
| 8. | Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc | |
| 9. | Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác | 1. Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần giải pháp Công nghệ CNC<br>2. Tổng Giám đốc Công ty TNHH Logistics Quốc Tế Bắc Giang | |
| 10. | Hành vi vi phạm pháp luật | Không có | |
| 11. | Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty | | |
| | Hình thức sở hữu | Số lượng cổ phần nắm giữ | Số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty |
| | Sở hữu cá nhân | 269.492 | 0,294% |
| | Sở hữu đại diện | 0 | 0% |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Sở hữu của người có liên quan: | 0 | 0% |
| 12. | Các khoản nợ đối với Công ty | Không có | |
| 13. | Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty | Năm 2024: 1.641.790.313 đồng | |
| | | Năm 2025: 704.711.758 đồng | |
| 14. | Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty | Không có | |

3.2.4. Bà Nguyễn Thị Dung - Phó Chủ tịch điều hành Tập đoàn

Thông tin đã được trình bày tại Mục 1.2.5

3.2.5. Bà Nguyễn Phương Nga - Phó Tổng Giám đốc

| ❖ THÔNG TIN CÁ NHÂN | | | |
|---|---|---|---|
| Họ và tên | NGUYỄN PHƯƠNG NGA | Giới tính | Nữ |
| Năm sinh | 1987 | Quốc tịch | Việt Nam |
| Địa chỉ thường trú | | | |
| Số CC/CCCD/HC | | | |
| Ngày cấp | | Nơi cấp | Cục cảnh sát QLHC về TTXH |
| Trình độ văn hoá | 12/12 | | |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Kinh tế đối ngoại | | |

❖ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| TT | Thời gian | Đơn vị | Chức danh |
|---|---|---|---|
| 1. | 10/2009 - 5/2013 | Ngân hàng Quốc tế (VIB) | Chuyên viên chính Thanh toán quốc tế |
| 2. | 5/2013 - 9/2015 | Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) | Chuyên viên cao cấp Tài trợ thương mại |
| 3. | 9/2015 - 10/2021 | Ngân hàng Maritime Bank (MSB) | Giám đốc Quản lý Bán hàng Miền Bắc - Ngân hàng Giao dịch - Khối Khách hàng Doanh nghiệp |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 4. | 10/2021 - 04/2023 | Ngân hàng TMCP An Bình (ABB) | Giám đốc cao cấp Ngân hàng Giao dịch - Khối Nguồn vốn Thị trường Tài chính và Ngân hàng Giao dịch |
| 5. | 04/2023 - 01/2024 | Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech | Giám đốc Kinh doanh kiêm Trợ lý chủ tịch HĐQT |
| 6. | 09/2023 - Nay | Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vietland. | Tổng Giám đốc |
| 7. | 02/2024 - Nay | Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech | Phó Tổng Giám đốc |
| 8. | 01/2025 - Nay | Công ty Cổ phần CNCTech Global | Phó Tổng Giám đốc |

❖ THÔNG TIN CHI TIẾT

| TT | Nội dung | Chi tiết | |
|---|---|---|---|
| 1. | Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty | Phó Tổng Giám đốc | |
| 2. | Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác | 1. Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CNCTech Global<br>2. Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vietland. | |
| 3. | Hành vi vi phạm pháp luật | Không có | |
| 4. | Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty | | |
| | Hình thức sở hữu | Số lượng cổ phần nắm giữ | Số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty |
| | Sở hữu cá nhân | 407.024 | 0,444% |
| | Sở hữu đại diện | 0 | 0% |
| | Sở hữu của người có liên quan: | 0 | 0% |
| 5. | Các khoản nợ đối với Công ty | Không có | |
| 6. | Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty | Năm 2024: 1.841.774.062 đồng | |
| | | Năm 2025: 1.531.692.896 đồng | |
| 7. | Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty | Không có | |

3.2.6. Bà Đinh Thị Thu Hà – Phó Tổng Giám đốc

| ❖ THÔNG TIN CÁ NHÂN | | | |
|---|---|---|---|
| Họ và tên | ĐINH THỊ THU HÀ | Giới tính | Nữ |
| Năm sinh | 1984 | Quốc tịch | Việt Nam |
| Địa chỉ thường trú | | | |
| Số CC/CCCD/HC | | | |
| Ngày cấp | | Nơi cấp | Cục cảnh sát QLHC về TTXH |
| Trình độ văn hóa | 12/12 | | |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân Anh văn | | |

❖ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| TT | Thời gian | Đơn vị | Chức danh |
|---|---|---|---|
| 1. | 2002 - 2005 | Công ty Bất động sản Thụy Sỹ | Trợ lý Giám đốc phụ trách kinh doanh BDS giữa thị trường Việt Nam và Dubai |
| 2. | 2005 - 2007 | VPDD Tập đoàn Thương mại Nhật Bản | Trợ lý Giám đốc phụ trách kinh doanh với đối tác Nhật Bản vào Việt Nam |
| 3. | 2007 - 2014 | Công ty TNHH Panasonic VN | Phó phòng Quản lý XNK, Logistics |
| 4. | 2014 - 2019 | Công ty TNHH Framas Hanoi | Phó Giám đốc vận hành mảng TCKT, HCNS, kiểm soát chung |
| 5. | 2019 - 2021 | Công ty Cổ phần CNCTech Bắc Ninh | Phó Tổng Giám đốc |
| 6. | 10/2023 - Nay | Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang | Phó Tổng Giám đốc |
| 7. | 06/2024 – 09/2025 | Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc | Tổng Giám đốc |
| 8. | 12/2022 - Nay | Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC | Tổng Giám đốc |
| 9. | 10/2023 - Nay | Công ty TNHH Phát triển Nam Bình Xuyên Green Park | Tổng Giám đốc |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 10. | 12/2023 - Nay | Công ty Cổ phần CLS Hưng Yên (trước là Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp Intech) | Tổng Giám đốc |
| 11. | 03/2024 - Nay | Công ty TNHH CSI Holdings | Chủ tịch HĐTV |
| 12. | 07/2024 - Nay | Công ty Cổ phần Hợp Thịnh Green Cluster | Chủ tịch HĐQT |
| 13. | 03/2025 - Nay | Công ty TNHH MTV UTI Semitech | Tổng Giám đốc |
| 14. | 02/2024 - Nay | Công ty Cổ phần Tập Đoàn CNCTech | Phó Tổng Giám đốc |

❖ THÔNG TIN CHI TIẾT

| TT | Nội dung | Chi tiết | |
|---|---|---|---|
| 1. | Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty | Phó Tổng Giám đốc | |
| 2. | Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác | 1. Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang;<br>2. Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC.<br>3. Tổng Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Nam Bình Xuyên Green Park<br>4. Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CLS Hưng Yên (trước là Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp Intech)<br>5. Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH CSI Holdings<br>6. Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hợp Thịnh Green Cluster<br>7. Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV UTI Semitech | |
| 3. | Hành vi vi phạm pháp luật | Không có | |
| 4. | Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty | | |
| | Hình thức sở hữu | Số lượng cổ phần nắm giữ | Số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty |
| | Sở hữu cá nhân | 170.011 | 0,186% |
| | Sở hữu đại diện | 0 | 0% |
| | Sở hữu của người có liên quan: | 0 | 0% |

| | | |
|---|---|---|
| 5. | Các khoản nợ đối với Công ty | Không có |
| 6. | Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty | Không có |
| 7. | Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty | Không có |

3.2.7. Bà Trần Thị Huyền Trang - Giám đốc Tài chính

| ❖ THÔNG TIN CÁ NHÂN | | | |
|---|---|---|---|
| Họ và tên | TRẦN THỊ HUYỀN TRANG | Giới tính | Nữ |
| Năm sinh | 1986 | Quốc tịch | Việt Nam |
| Địa chỉ thường trú | | | |
| Số CC/CCCD/HC | | | |
| Ngày cấp | | Nơi cấp | Cục cảnh sát QLHC về TTXH |
| Trình độ văn hóa | 12/12 | | |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Kinh tế đối ngoại | | |

❖ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| TT | Thời gian | Đơn vị | Chức danh |
|---|---|---|---|
| 1. | 2008 - 2014 | Công ty TNHH Deloitte Việt Nam | Kiểm toán viên |
| 2. | 2014 - 2016 | Công ty TNHH Philip Morris Việt Nam | Chuyên viên Kiểm toán Thương mại |
| 3. | 2016 - 2018 | Công ty TNHH Philip Morris Việt Nam | Chuyên viên Tài chính Kinh doanh |
| 4. | 2019 - 2020 | Công ty TNHH Li.A House Việt Nam | Trưởng phòng Tài chính |
| 5. | 2020 - 2021 | Công ty TNHH SKF Việt Nam | Kế toán trưởng |
| 6. | 2021 - 2024 | Công ty TNHH SKF Việt Nam | Giám đốc Tài chính & Kiểm soát Kinh doanh |
| 7. | 2024 – 2025 | Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh VinFast | Giám đốc Tài chính Kinh doanh Toàn cầu |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 8. | 1/2026 - Nay | Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech | Giám đốc Tài chính |

❖ THÔNG TIN CHI TIẾT

| TT | Nội dung | Chi tiết | |
|---|---|---|---|
| 1. | Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty | Giám đốc Tài chính | |
| 2. | Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác | Không có | |
| 3. | Hành vi vi phạm pháp luật | Không có | |
| 4. | Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty | | |
| | Hình thức sở hữu | Số lượng cổ phần nắm giữ | Số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty |
| | Sở hữu cá nhân | 0 | 0% |
| | Sở hữu đại diện | 0 | 0% |
| | Sở hữu của người có liên quan: | 0 | 0% |
| 5. | Các khoản nợ đối với Công ty | Không có | |
| 6. | Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty | Năm 2024: 0 đồng | |
| | | Năm 2025: 0 đồng | |
| 7. | Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty | Không có | |

3.2.8. Bà Lê Thu Thủy - Kế toán trưởng

❖ THÔNG TIN CÁ NHÂN

| | | | |
|---|---|---|---|
| Họ và tên | LÊ THU THỦY | Giới tính | Nữ |
| Năm sinh | 1978 | Quốc tịch | Việt Nam |
| Địa chỉ thường trú | | | |
| Số CC/CCCD/HC | | | |
| Ngày cấp | | Nơi cấp | Cục cảnh sát QLHC về TTXH |
| Trình độ văn hóa | 12/12 | | |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Kinh tế | | |

❖ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| TT | Thời gian | Đơn vị | Chức danh |
|---|---|---|---|
| 1. | 02/2001 – 10/2001 | Công ty TNHH Môi trường PT | Nhân viên |
| 2. | 2001 – 2003 | Công ty TNHH Hoa Cương | Nhân viên |
| 3. | 2004 – 2008 | Công ty TNHH Prime Yên Bình | Kế toán trưởng |
| 4. | 2009 – 2014 | CTCP Prime Trường Xuân | Kế toán trưởng |
| 5. | 2014 – 2019 | Công ty TNHH MTV TM và XNK Prime | Trưởng phòng mua hàng |
| 6. | 2019 – 2025 | Công ty TNHH MTV TM và XNK Prime | Kế toán trưởng |
| 7. | 11/2025 – 04/2026 | CTCP Tập đoàn CNCTech | Nhân viên Phòng kế toán |
| 8. | 2026 – Nay | CTCP Điện tử Mentech Việt Nam | Tổng Giám đốc |
| 9. | 04/2026 – Nay | CTCP Tập đoàn CNCTech | Kế toán trưởng |

❖ THÔNG TIN CHI TIẾT

| TT | Nội dung | Chi tiết | |
|---|---|---|---|
| 10. | Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty | Kế toán trưởng | |
| 11. | Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác | Tổng Giám đốc CTCP Điện tử Mentech Việt Nam | |
| 12. | Hành vi vi phạm pháp luật | Không có | |
| 13. | Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty | | |
| | Hình thức sở hữu | Số lượng cổ phần nắm giữ | Số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty |
| | Sở hữu cá nhân | 0 | 0% |
| | Sở hữu đại diện | 0 | 0% |
| | Sở hữu của người có liên quan: | 0 | 0% |
| 14. | Các khoản nợ đối với Công ty | Không có | |
| 15. | Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty | Năm 2024: 0 đồng | |
| | | Năm 2025: 65.000.000 đồng | |

| | | |
|---|---|---|
| 16. | Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty | Không có |

## 4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

- Hiện nay, các văn bản tài liệu pháp lý liên quan tới việc quản trị Công ty, bao gồm: Điều lệ của Công ty, Quy chế quản trị nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được Công ty xây dựng dựa trên tài liệu mẫu được quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.
- Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty trong thời gian sắp tới được xây dựng với những nội dung chính sau ây:
  + Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các chính sách, quy trình quản trị cho Công ty nói chung và từng phòng ban/đơn vị trực thuộc nói riêng để phù hợp với tính chất và đặc điểm hoạt động của từng phòng ban/đơn vị, đồng thời, kiện toàn bộ máy quản trị Công ty theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Theo dõi sự thay đổi của các văn bản pháp luật liên quan tới việc quản trị hoạt động của Công ty, để có những kế hoạch điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của các quy định pháp luật;
  + Khuyến khích và tổ chức các buổi đào tạo nâng cao năng lực quản trị cho đội ngũ quản lý, lãnh đạo của Công ty và Công ty con, kết hợp với việc đào tạo nguồn nhân lực quản lý kế cận;
  + Nâng cấp và tiếp tục triển khai các giải pháp công nghệ tiên tiến vào quá trình kiểm soát, quản lý theo từng cấp quản trị; đồng bộ hóa dữ liệu quản trị giữa Công ty mẹ và các Công ty con;
  + Nghiên cứu, thuê đơn vị tư vấn chuyên nghiệp trong việc triển khai các giải pháp cấu trúc quản trị trong Công ty, nhằm cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý;
  + Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT trong hoạt động kinh doanh thực tế, tuân thủ các quy định pháp luật về quản trị và công bố thông tin.
- Các nguyên tắc quản trị được Công ty xây dựng bao gồm: (1) Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiện quả; (2) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông, đối xử công bằng giữa các cổ đông; (3) Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty đến sự phát triển của toàn hệ thống; (4) Minh bạch trong hoạt động của Công ty; (5) Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

## 5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ được trình bày tại *Phụ lục I đính kèm Bản Công bố thông tin này.*

## 6. Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|---|
| Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Các Hệ thống Viễn thông VINECO | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Pavana | Công ty liên kết đến ngày 24 tháng 9 năm 2025 |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Hàng không Vũ trụ CNCTech | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Hợp Thịnh Green Cluster | Công ty liên quan đến người quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC | Công ty liên quan đến người quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH CSI Holdings | Công ty liên quan đến người quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần CLS Hưng Yên (trước đây là Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp Intech) | Công ty liên quan đến người quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH Phát triển Nam Bình Xuyên Green Park | Công ty liên quan đến người quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Anotech Bình Dương | Công ty liên quan đến người quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần CNC Đà Nẵng | Công ty liên quan đến người quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH Đầu tư CLI | Công ty liên quan đến người quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương | Công ty liên quan đến người quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Điện tử Thiên Quang | Công ty liên quan đến người quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH FSI Holdings | Công ty liên quan đến người quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH MTV UTI Semitech | Công ty liên quan đến người quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp Bá Thiện | Công ty liên quan đến người quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Shine Capital | Công ty liên quan đến người quản lý chủ chốt |
| Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng | Lãnh đạo chủ chốt |

**Bảng 57. Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan**

Đvt: Triệu đồng

| | Năm nay<br>VND | Năm trước<br>VND |
|---|---|---|
| **Bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **628.672.666.871** | **170.227.382.468** |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC | 365.325.210.386 | 158.830.897.340 |
| Công ty TNHH CSI Holdings | 192.421.278.883 | (*) |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Shine Capital | 31.208.206.936 | (*) |
| Công ty Cổ phần Các hệ thống Viễn thông VINECO | 28.353.885.248 | - |
| Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam | 8.175.395.525 | 6.615.677.128 |
| Công ty TNHH Phát triển Nam Bình Xuyên Green Park | 3.188.689.893 | 80.000.000 |
| Công ty Cổ phần Anotech Bình Dương | (**) | 4.700.808.000 |
| **Mua hàng hóa, dịch vụ** | **102.235.845.392** | **30.134.335.853** |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Shine Capital | 57.527.457.544 | (*) |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC | 21.638.209.146 | 29.513.085.393 |
| Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương | 16.003.203.000 | - |
| Công ty Cổ phần Các hệ thống Viễn thông VINECO | 6.443.875.702 | - |
| Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam | 623.100.000 | - |
| Công ty Cổ phần Anotech Bình Dương | (**) | 621.250.460 |
| **Mua lại vốn góp** | **-** | **65.800.000.000** |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC | - | 65.800.000.000 |

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| **Đi vay** | **144.591.275.068** | **66.098.136.986** |
| Bà Nguyễn Thị Dung | 58.390.000.000 | 26.100.000.000 |
| Công ty TNHH Đầu tư CLI | 43.176.275.068 | 15.000.000.000 |
| Công ty TNHH Phát triển Nam Bình Xuyên Green Park | 41.525.000.000 | - |
| Ông Nguyễn Văn Hùng | 1.000.000.000 | 6.698.136.986 |
| Ông Đinh Hùng Cường | 500.000.000 | - |
| Bà Nguyễn Phương Nga | - | 13.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC | - | 4.800.000.000 |
| | | |
| **Trả nợ vay** | **148.191.275.068** | **64.198.136.986** |
| Bà Nguyễn Thị Dung | 58.990.000.000 | 2.000.000.000 |
| Công ty TNHH Đầu tư CLI | 43.176.275.068 | 15.000.000.000 |
| Công ty TNHH Phát triển Nam Bình Xuyên Green Park | 41.525.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Pavana | 3.000.000.000 | 13.800.000.000 |
| Ông Nguyễn Văn Hùng | 1.000.000.000 | - |
| Ông Đinh Hùng Cường | 500.000.000 | - |
| Bà Nguyễn Phương Nga | - | 13.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần CLS Hưng Yên | - | 13.200.000.000 |
| Ông Nguyễn Văn Hùng | - | 6.698.136.986 |
| | | |
| **Cho vay** | **927.140.000.000** | **555.747.500.000** |
| Công ty TNHH Đầu tư CLI | 677.600.000.000 | - |
| Công ty TNHH Phát triển Nam Bình Xuyên Green Park | 230.700.000.000 | 550.000.000 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC | 9.500.000.000 | 323.984.000.000 |
| Ông Nguyễn Văn Hùng | 6.100.000.000 | 219.813.500.000 |
| Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương | 2.740.000.000 | 4.800.000.000 |
| Công Ty Cổ Phần MKC Vĩnh Phúc | 500.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu Khí Việt Mỹ | - | 5.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần CLS Hưng Yên | - | 1.600.000.000 |
| | | |
| **Thu hồi cho vay** | **987.477.247.829** | **557.384.000.000** |
| Công ty TNHH Đầu tư CLI | 691.400.000.000 | - |
| Công ty TNHH Phát triển Nam Bình Xuyên Green Park | 231.250.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp Bá Thiện | 28.100.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Shine Capital | 19.000.000.000 | (*) |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC | 9.500.000.000 | 323.984.000.000 |
| Ông Nguyễn Văn Hùng | 8.227.247.829 | 210.600.000.000 |
| Công ty Cổ phần CLS Hưng Yên | - | 15.600.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu Khí Việt Mỹ | - | 2.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Anotech Bình Dương | (**) | 5.200.000.000 |
| | | |
| **Lãi cho vay phải thu** | **22.495.753.998** | **10.030.026.390** |
| Công ty TNHH Đầu tư CLI | 11.626.670.986 | - |
| Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương | 3.529.850.959 | 2.970.794.510 |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ | 2.301.534.246 | 2.266.520.551 |
| Công ty TNHH Phát triển Nam Bình Xuyên Green Park | 2.770.010.137 | - |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Shine Capital | 1.844.876.712 | (*) |
| Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp Bá Thiện | 376.224.657 | - |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC | 46.586.301 | 2.468.183.014 |
| Ông Nguyễn Văn Hùng | - | 1.921.950.247 |
| Công ty Cổ phần Anotech Bình Dương | (**) | 402.578.068 |

| | Năm nay<br>VND | Năm trước<br>VND |
|---|---|---|
| **Lãi đi vay phải trả** | **8.635.299.560** | **5.791.066.273** |
| Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam | 6.120.000.002 | 3.843.038.877 |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Hàng không Vũ trụ CNCTech | 1.060.000.000 | - |
| Bà Nguyễn Thị Dung | 1.054.650.831 | - |
| Công ty TNHH Đầu tư CLI | 291.959.469 | 53.424.658 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Pavana | 63.123.288 | 1.238.465.753 |
| Ông Nguyễn Văn Hùng | 45.565.970 | - |
| Bà Nguyễn Phương Nga | - | 656.136.985 |
| **Cổ tức được chia** | **2.389.395.426** | **2.600.972.710** |
| Công ty Cổ phần Các Hệ thống Viễn thông VINECO | 2.389.395.426 | 2.600.972.710 |

***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:***

| | Số cuối năm<br>VND | Số đầu năm<br>VND |
|---|---|---|
| **Phải thu ngắn hạn của khách hàng** | **108.312.297.742** | **19.363.578.378** |
| Công ty TNHH MTV UTI Semitech | 64.514.718.123 | (*) |
| Công ty Cổ phần Các hệ thống Viễn thông VINECO | 22.191.859.213 | - |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC | 10.537.749.954 | 8.208.020.255 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Shine Capital | 7.624.171.318 | (*) |
| Công ty TNHH Phát triển Nam Bình Xuyên Green Park | 3.443.799.134 | - |
| Công ty TNHH FSI Holdings | - | 8.533.098.360 |
| Công ty Cổ phần Anotech Bình Dương | (**) | 2.430.130.995 |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ | - | 192.328.768 |
| **Trả trước cho người bán ngắn hạn** | **18.108.754.909** | **13.058.012.825** |
| Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp Bá Thiện | 18.108.754.909 | 13.058.012.825 |
| **Phải thu về cho vay ngắn hạn** | **121.138.000.000** | **118.375.247.829** |
| Công ty TNHH Đầu tư CLI | 44.200.000.000 | 58.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Shine Capital | 32.000.000.000 | (*) |
| Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương | 31.438.000.000 | 28.698.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ | 13.000.000.000 | 8.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc | 500.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp Bá Thiện | - | 21.000.000.000 |
| Ông Nguyễn Văn Hùng | - | 2.127.247.829 |
| Công ty TNHH Phát triển Nam Bình Xuyên Green Park | - | 550.000.000 |
| **Phải thu về cho vay dài hạn** | **-** | **25.000.000.000** |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ | - | 5.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần CNC Đà Nẵng | (**) | 20.000.000.000 |
| **Phải thu ngắn hạn khác** | **10.491.736.290** | **4.863.763.774** |
| Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương | 7.391.073.534 | 3.861.222.575 |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ | 1.175.342.463 | - |
| Công ty Cổ phần Điện tử Thiên Quang | 643.619.284 | 34.206.286 |
| Công ty TNHH Đầu tư CLI | 471.780.822 | 471.780.822 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC | 327.711.706 | 376.659.769 |
| Ông Nguyễn Văn Hùng | 220.000.000 | - |
| Bà Nguyễn Thị Dung | 137.500.000 | - |
| Ông Nguyễn Thái Sơn | 97.719.508 | 119.894.322 |
| Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc | 20.113.973 | - |
| Ông Vũ Anh Tuấn | 6.875.000 | - |

| | Số cuối năm<br>VND | Số đầu năm<br>VND |
|---|---|---|
| **Phải trả người bán ngắn hạn** | **39.341.334.958** | **17.890.646.548** |
| Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương | 17.603.523.300 | - |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Shine Capital | 12.904.524.889 | (*) |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC | 5.307.118.831 | 12.461.179.552 |
| Công ty Cổ phần Các Hệ thống Viễn thông VINECO | 3.526.167.938 | 5.132.292.236 |
| Công ty Cổ phần Anotech Bình Dương | (**) | 197.194.760 |
| Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam | - | 99.980.000 |
| **Người mua trả tiền trước ngắn hạn** | **102.914.704.730** | **34.929.537.200** |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC | 97.949.704.730 | 34.929.537.200 |
| Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam | 4.965.000.000 | - |
| **Chi phí phải trả ngắn hạn** | **3.120.000.002** | **-** |
| Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam | 3.120.000.002 | - |
| **Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn** | **1.745.294.819** | **-** |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC | 1.745.294.819 | - |
| **Phải trả ngắn hạn khác** | **261.914.252.692** | **250.700.806.000** |
| Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc | 249.800.000.000 | 249.800.000.000 |
| Công ty TNHH FSI Holdings | 5.932.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Điện tử Thiên Quang | 4.894.000.000 | - |
| Ông Nguyễn Văn Hùng | 600.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC | 388.252.692 | - |
| Bà Đinh Thị Thu Hà | 300.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Anotech Bình Dương | (**) | 900.806.000 |
| **Phải trả dài hạn khác** | **5.167.951.360** | **8.843.735.360** |
| Công ty Cổ phần Điện tử Thiên Quang | 3.441.725.800 | 2.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC | 1.726.225.560 | 6.843.735.360 |
| **Vay ngắn hạn** | **8.800.000.000** | **8.800.000.000** |
| Công ty Cổ phần Hợp Thịnh Green Cluster | 8.800.000.000 | 8.800.000.000 |
| **Vay dài hạn** | **85.100.000.000** | **125.700.000.000** |
| Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam | 51.000.000.000 | 51.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần CNC Đà Nẵng | (**) | 40.000.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Dung | 23.500.000.000 | 24.100.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Hàng không Vũ trụ CNCTech | 10.600.000.000 | 10.600.000.000 |

(*) Năm trước, Công ty TNHH MTV UTI Semitech, Công ty Cổ phần Tập đoàn Shine Capital, Công ty TNHH CSI Holdings chưa là bên liên quan của Công ty.

(**) Năm nay, Công ty Cổ phần Anotech Bình Dương, Công ty Cổ phần CNC Đà Nẵng không còn là bên liên quan của Công ty.

(Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán của CNCTech Group)

# III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CAM KẾT CỦA CÔNG TY

## 1. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin Công ty đại chúng

- Ông Nguyễn Văn Hùng – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn CNCTech.
- Ông Nguyễn Trung Kiên – Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn CNCTech.
- Bà Lê Thu Thủy – Kế toán trưởng Công ty cổ phần Tập đoàn CNCTech.

## 2. Cam kết của Công ty

Công ty cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ, chính xác của thông tin tại Bản công bố thông tin và các tài liệu kèm theo (nếu có).

Sau khi được xác nhận hoàn tất đăng ký Công ty đại chúng, Công ty tuân thủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Chứng khoán.

## IV. NGÀY THÁNG NĂM, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ ĐẠI CHÚNG VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2026

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ ĐẠI CHÚNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH**

| CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | TỔNG GIÁM ĐỐC |
|---|---|
| NGUYỄN VĂN HÙNG | NGUYỄN TRUNG KIÊN |

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**LÊ THU THỦY**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK**
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

**BÙI ĐỨC THẮNG**